

NGUYỆT SAN
CHÍNH TRỊ
KINH TẾ
XÃ HỘI
VĂN HÓA

VẤN ĐỀ

Số 13 ● Tháng 8-1968.

NGUYỄN ĐÌNH TOÀN, MẶC ĐỖ, VIÊN LINH, THANH NAM, NHẢ CA, MAI THẢO, THANH TÂM TUYỀN	I	Nhận định về tác phẩm đầu
NGUYỄN SỸ TẾ	16	Phong trào thanh niên nổi d
NGUYỄN TRẦN KIỂM	33	Một chủ nghĩa quốc gia mới
HUỲNH PHAN ANH	57	Khoảng trống.
TÚY HỒNG	65	Những sợi sắc không.
THÀNH TÔN	79	Cuộc đua bắt.
VŨ KHẮC KHOAN	83	Những người không chịu c
THANH TÂM TUYỀN	97	Đầu mùa mưa.

Chủ nhiệm sáng lập
VŨ CÔNG TRỰC

Chủ biên
VŨ KHẮC KHOAN

Thư ký tòa soạn
MAI THẢO

Ngân phiếu
Bà BÙI THỊ HÒA KHANH

Địa chỉ mới của tòa soạn :
222 Trương minh Giảng SAIGON.
Ấn quán Đại học Vạn Hạnh. Đ.T. 25.946

BẢY NHÀ VĂN

nhận định về tác phẩm đầu tay

Nếu có những người, tới một tuổi nào, để mình chứng cho lối sống hiện tại của mình, đã lên tiếng quyết liệt chối từ phần đời quá khứ, rất nhiều nhà văn, những nhà văn về sau có nhiều tác phẩm khác được in ra, đã lên tiếng phủ nhận tác phẩm đầu tay. Phủ nhận. Bởi công trình sáng tạo đầu tiên không còn phản ánh cho cái bây giờ của khuynh hướng, quan điểm, tư tưởng, tác giả về nghệ thuật và đời sống. Phủ nhận. Bởi đứa con đầu lòng không còn chung một dáng hình, một thề chất với những đứa con sau. Trong trường hợp này, tác phẩm đầu tay là một đứa con hoang bị khai tử. Và ư lên tiếng phủ nhận nó của nhà văn còn mang thêm một ý nghĩa khác, ý nghĩa mình định thái độ và nghệ thuật mình đã đổi thay như thế nào sau nhiều chặng đường đã đi qua mà tác phẩm đầu tay là chặng đường ư nhất. Bảy nhà văn nhà thơ sau đây đã vui lòng ả lời cuộc phỏng vấn của Vấn Đề về cái hiện tượng ặc biệt của sáng tác ấy là tác phẩm đầu tay.

NGUYỄN ĐÌNH TOÀN

Tôi vẫn nghĩ, mỗi người viết văn chỉ thực là nhà văn kể từ tác phẩm thứ hai của mình. Cuốn truyện thứ nhất ai cũng có thể viết ra được. Cuốn thứ hai mới cần đến « văn chương », bịa đặt.

Nhưng dù muốn dù không, một tác giả, cũng không thể tách rời cuốn sách đầu tiên ra khỏi toàn bộ các tác phẩm của mình. Nhiều người cho rằng họ đã nhẹ hẫng người khi nói ra được sự phủ nhận đối với một cuốn truyện nào đó họ đã viết ra trước kia (đi nhiên đó là một tác phẩm đã được phổ biến). Trừ những lý do chính trị, một lời tuyên bố tương tự luôn luôn khó hiểu. Cái đã viết ra cũng như những ngày đã sống đều là những gì không thể sửa chữa được nữa. Song cũng từ đó, người ta có thói quen cho rằng, có thể rút ra những kinh nghiệm. Nhưng mọi kinh nghiệm hình như đều buồn cả và đều có cái phần cay đắng của nó. Nói về cuốn truyện thứ nhất của mình ư? Đáng lẽ tôi không nên viết cuốn thứ nhất đó. Và cả cuốn thứ hai nữa. Cuốn thứ ba tôi viết để chữa hai cuốn kia. Và cuốn thứ tư để chữa cuốn thứ ba. Nhưng càng viết tôi càng thấy không phải như thế. Lý do công việc viết lách của tôi không có cái may mắn được giản dị như thế. Nó thậm tệ hơn vì nó không tự giải thích nổi. Càng tự biết mình có thêm một ít kinh nghiệm tôi càng thấy xa lạ với công việc của mình. Tôi không viết để tự tìm hiểu xem tại sao mình viết. Tôi cũng không có được cái cảm tưởng chắc chắn như một bậc thầy nào đã nói, xử dụng chữ nghĩa như lắp đạn

lên nòng súng và bắn tới những cái đích nhất định. Tôi cũng không biết được là tôi viết để phục vụ ai.

Thành thật mà nói tôi không thấy một lý do đích thực nào cho việc viết lách của mình. Nhưng tôi hãnh diện khi được đọc văn của các anh Mai Thảo, Huỳnh phan Anh, Thanh tâm Tuyền, sung sướng được nghe nhạc Cung Tiến, Phạm Đình Chương. Tôi cũng nghĩ, cũng may ngoài chiến tranh, theo đuổi, chúng ta cũng còn một vài điều gì nữa đáng kể. Nhưng có lẽ tôi đã đi lạc quá xa điều văn đề muốn hỏi tôi.

Đối với văn chương, có lẽ tôi cũng chỉ là một kẻ đi lạc.

MẶC ĐỒ

Con đường tôi đi chưa được bao xa và cũng chưa đến đâu, cho nên tôi không khỏi bối ngỡ và e ngại khi thử làm một sự kiểm điểm lấy tác phẩm đầu tay làm cái thước đo đo quãng hành trình vừa qua. Bối ngỡ và e ngại cũng giảm bớt vì cuộc đo lường không phải do nhu cầu nơi tôi mà nằm trong một vụ đo hỏi công khai giữa những người bạn cùng nghề. Cái tôi của tôi ở giữa nhiều cái tôi khác cũng đỡ trơ trẽn, và cũng dựa vào cái lý do mà tòa soạn « Văn Đề » chịu trách nhiệm. Sự thật, phạm làm nghề ai cũng có những lúc ngồi lại để suy nghĩ, để định hướng lại, trước khi bước nữa trong nghề. Có khác chăng là ở đây phải nói lên, viết ra, những gì thường chỉ dành riêng cho mình.

Tác phẩm đầu tay có hai loại: một loại đã đưa ra công chúng và một loại vẫn cất kỹ trong ngăn tủ kỷ niệm, vì lý do này hay lý do khác không tiện — hay

chưa tiện — đưa ra chỗ công chúng. Tôi lấy vở kịch thơ « Động Phủ Vân », làm cái thước đo trong dịp này vì nói ra nơi công khai chỉ có thể căn cứ trên những gì đã công bố. Tôi cần nhấn vào điểm này vì tác phẩm đầu tay đã in có khi không mang nặng tâm tư người viết bằng tác phẩm đầu tay chưa in — hay không in. Chẳng nói ai cũng rõ việc ấn hành một cuốn sách không hoàn toàn do ý muốn của riêng một tác giả mà còn lệ thuộc vào những thuận tiện khách quan nữa.

Theo tôi nghĩ, người cầm bút đứng trước ba hoàn cảnh: tác giả đối với chính mình, tác giả đối với những động lực tạo nên cảm hứng và tác giả đối với cái nghề đã chọn của mình. Phải viết ra là một nhu cầu bản thân, là kết quả của những áp lực tự nội tâm lẫn từ bên ngoài, và cũng bởi sự đòi hỏi do đám công chúng đã gây được bằng những tác phẩm đã công bố. Với tác phẩm đầu tay, người viết mới ở trong một hay hai hoàn cảnh đầu. Bởi lẽ đó phải có một khoảng cách giữa tác giả bây giờ và tác giả thời tác phẩm đầu tay. Ngoại trừ một số ít những tác giả của một tác phẩm duy nhất, hoặc sau này chỉ được ghi nhớ mãi nhờ một tác phẩm quyết định đầu tiên, tuy về sau có sản xuất thêm.

Tôi nhìn thấy rất rõ khoảng cách giữa tôi hôm nay và tôi khi cầm bút viết vở kịch « Động Phủ Vân ». Khoảng cách trong thời gian là hai mươi ba năm, nhưng yếu tố thời gian tôi thấy không quan hệ. Nghề đã đành bao giờ cũng già dặn hơn theo với tuổi. Hồi đó hiểu biết của tôi về kịch chưa được bao nhiêu, bây giờ có lẽ tôi đã thành thạo hơn nếu tôi tiếp tục

soạn kịch. Bởi vậy, phương diện kỹ thuật tôi không thấy quan hệ trong phạm vi cuộc nhận định hôm nay. Có nói rộng ra toàn bộ văn nghiệp vấn đề kỹ thuật tiến bộ theo thời gian cũng là chuyện dĩ nhiên. Ta hãy tìm khoảng cách ở nơi khác. Điểm tách biệt nhất giữa con người tôi hôm nay và con người tôi thời viết « Động Phủ Vân » là thời đó tôi nghĩ rằng sáng tác là một công việc ở ngoài mọi hoạt động khác. Những gì tôi viết (trong phạm vi sáng tác văn nghệ, dĩ nhiên) chỉ phải chịu một trách nhiệm là có xứng đáng là một nghệ phẩm hay không. Có thể thôi. Tôi đã từ bỏ quan niệm nay rất mau. Như đã nói ở trên, vở kịch « Động Phủ Vân », và một vở kịch xuôi cùng một nguồn hứng, được ấn hành dưới thể thức *tirage à part* nhân dịp tôi làm nguyệt san « Phở Thông » ở Hà Nội. Đó là một tờ báo không có tính chất văn nghệ chút nào, sự có mặt của tôi (người sáng tác) và một vài bạn văn khác là một việc bất thường. Tuy nhiên, tôi cũng cần nói thêm là mãi cho đến bây giờ đôi khi tôi cũng còn trở lại quan niệm « viết là một cái thú » những khi tạm đặt cây bút sáng tác xuống để cầm cây bút dịch thuật. Những tác phẩm quốc tế mà tôi đã dịch không được chọn theo định hướng văn nghệ của tôi mà là tùy hứng — và đôi khi cũng tùy... com-măng của nhà xuất bản.

Nhìn nhận có sự tách biệt rõ rệt như vậy không có nghĩa là tôi đã chối bỏ tác phẩm đầu tay. Đối với mỗi người chúng ta sự lựa chọn bao giờ cũng là một cố gắng, tuy cố gắng đó đáp ứng rất nhiều những đòi hỏi trong tâm tư và những nhu cầu nhận thấy ở chung quanh. Làm sao ta

phủ nhận được là văn tiềm tàng ở trong ta phần nhỏ những gì dù sao cũng vẫn dự phần chung góp tạo thành con người của ta. Tôi nghĩ rằng người văn nghệ dân thân không cộng sản khác với người văn nghệ cộng sản ở điểm đó.

VIÊN LINH

Thái độ ghẻ lạnh của một tác giả trước tác phẩm đầu tay của mình vốn là một thái độ thường thấy. Nhà văn thường xuyên phải biện minh với độc giả, và đôi khi cũng thường xuyên phải biện minh với chính mình. Tôi cũng muốn được làm như vậy đối với tập thơ *Hóa Thân*, do nhà Văn Nghệ in ra cách đây bốn năm, nhưng đó là điều khó khăn không thể làm được. Nó luôn luôn là một ngọn đèn le lói, một ngọn đèn không rực rỡ dĩ nhiên, nhưng không bao giờ ngọn đèn đó có thể tắt được trong bóng tối của một quá khứ. Khi viết những dòng này, tôi còn nghĩ rằng nó là một ngọn hải đăng của riêng mình, và kẻ tự nhận là thủy thủ dầy dạn dù có nhắm mắt rong thuyền ngoài khơi thì vẫn nhìn thấy nó rõ ràng và gần gũi.

Có lẽ ít người dám hài lòng với tác phẩm đầu tay của mình. Trong trường hợp riêng, *hóa phẩm* là tác phẩm được mang ra phổ biến, nhưng thực sự, nó chỉ là một đứa em may mắn được thác sinh toàn vẹn. Duật còn giữ của tôi khoảng vài chục bài thơ không bao giờ in ra. Đoàn một số không in ra bao giờ. Và khoảng vài chục bài thơ khác đã đăng báo cũng đã bị bỏ quên. Và một số thơ tình, được viết riêng cho một vài người, cũng không bao giờ được phổ biến nữa. Những

điều đó có nghĩa là người viết đã tự tước đoạt nó tả tôi nhân dạng kỷ niệm, tình cảm trước khi tự trình bày trong tập thơ đầu. Tôi trong tập *Hóa Thân* là một nhân vật. Đó không phải là một cuốn tự thuật, tự vịnh, như tính cách tự truyện của đa số những tác phẩm đầu. Bởi vậy mà khi nhìn lại nó, tôi nhớ đến rất nhiều người, rất nhiều bối cảnh, nhớ đến cả một sinh hoạt mà từ đó tác phẩm được hình thành. Đó là thời gian anh em chúng tôi qui tụ trên tờ Văn Nghệ. Khoảng năm 1952.

Vinh viễn thời gian đó đã chết.

Nhân đây, tôi cũng có vài dòng tạt qua Thơ Lục Bát. Một nửa số thơ trong tập *Hóa Thân* là thơ Lục Bát. Khi vật lộn với thể thơ này, tôi gồng mình với Nguyễn Du và Huy Cận, tựa như một gã tập chơi dao trước hai tay trường kiếm và đoản kiếm. Lúc ấy khoảng 1960. Năm trước, Cao My Nhân mang cho tôi một tập Thánh Kinh. Trong suốt một năm tôi đọc tập sách này và tôi làm lục bát từ Thánh Kinh. Nguồn cảm hứng của Salomon, của các thánh có phần nào ảnh hưởng tới những bài thơ đó.

Bây giờ, đó là một thể thơ kiệt quệ. Một thể thơ không thể tiếp tục.

THANH NAM

«Tác phẩm đầu tay của tôi in ra cách đây vừa đúng 20 năm, do nhà Văn Hồng Thịnh xuất bản. Đó là một tập truyện ngắn, tất cả gồm bảy truyện nhưng khi in ra bị bớt mất một truyện cuối. Không phải vì kiểm duyệt mà vì lý do... kỹ thuật. Ông

giám đốc nhà xuất bản Văn Hồng Thịnh thân nhiên giải thích :
— Tập truyện của cậu nếu in sáu truyện thì vừa đủ 96 trang, sắp thêm truyện chót vào nữa chỉ được có năm trang, lỡ cỡ lắm. Tôi bỏ đi cho gọn.

Bản quyền tập truyện ngắn đó là năm trăm đồng.

Lũ bạn bè tập tễnh viết văn như tôi hồi đó cho tôi là một thằng số đỏ vì vừa mới viết lách lãnh nhăng đã có "tác phẩm" in ra, bày trong tiệm sách ngang hàng với những tác phẩm của các nhà văn lớp trước. Nhớ hồi đó là năm 1948, Hà Nội chỉ có chừng năm bảy nhà văn lớp cũ hồi cư như Vũ Bằng, Tam Lang, Ngọc Giao, Mộng Sơn, Thụy An v.v... và vẫn được bọn chúng tôi coi như là những thần tượng.

Tôi nghĩ rằng tôi cũng đã gặp số đỏ một phần nào — vì trước đó tôi đã gửi mấy truyện ngắn cho tờ *Tiểu Thuyết Thứ Bảy* của ông Vũ Đình Long mới tực bản và cả mấy truyện đều được Tòa Soạn trả lời trên hộp thư bằng những câu cảm ơn, *thân ái, tiếp tục gửi sáng tác mới về...* một thứ văn chương tòa soạn của những ông Tổng thư ký lịch sự dùng để từ chối bài vở lai cáo của bạn đọc ! — nhưng, phần lớn mà tôi được nhà Văn Hồng Thịnh nhận xuất bản tập truyện ngắn đó phải kể là do sự giúp đỡ của nhà văn Ngọc Giao.

Trước khi tập truyện ngắn đó ra đời, tôi chưa hề quen biết Ngọc Giao ngoài đời. Tôi chỉ biết anh qua những tác phẩm xuất bản hồi tiền chiến Cô gái làng Sơn Hạ, Một đêm vui, Con người v.v... Khi hồi cư, tôi lại mê anh trong vai Thái ở vở kịch thơ *Lên Đường* của Hoàng Cầm với bài Hồ Trường, trình diễn tại nhà Hát lớn Hà Nội vào khoảng cuối năm 1947,

đo Tam Lang và Trương Đình Thi tổ chức.

Khi tôi mang tập bản thảo đến nhà xuất bản Văn Hồng Thịnh gạ bán — với không một hy vọng nào được nhà xuất bản nhận lời in thành sách — thì Ngọc giao ngồi ở đó. Anh làm một thứ cổ văn cho ông giám đốc nhà xuất bản này và hình như cũng kiếm ăn bằng nghề... dịch lại những cuốn tiểu thuyết Tàu như Thủy Hử, Chinh Đông, Chinh Tây của các ông Nghiêm xuân Lâm, Nguyễn chánh Sắt... Để cho nhà xuất bản này in lại thành từng tập mỏng 16 trang, bán mỗi tập 1 đồng.

Ngọc giao nhìn tập bản thảo của tôi trong đôi tay hồ hững của ông chủ nhà in kiêm xuất bản Văn Hồng Thịnh, rồi lại ngó tôi. Tôi không rõ lúc đó anh đã nghĩ gì về tôi mà sau đó, anh bảo ông Văn Hồng Thịnh đưa tập bản thảo của tôi cho anh coi.

Anh lật lật vài trang, liếc đọc sơ sơ rồi bảo tôi :

— Tuần sau, anh trở lại đây.

Ông chủ nhà xuất bản cũng gật đầu, nhắc lại :

— Tuần sau.

Tôi chào hai người ra về nhưng thật ra trong lòng càng ngượng thêm chút hy vọng còn lại trước khi tập bản thảo chuyển sang tay Ngọc giao.

Từ bữa đó, tôi không dám đi qua quảng đường hàng Bông có nhà xuất bản Văn Hồng Thịnh nữa vì chỉ sợ ông chủ nhà xuất bản hững chí kêu vào trả lại tập bản thảo thì thật là đau.

Nhưng rồi một tuần lễ qua đi và ngày hẹn đã tới :

Tôi lần nữa đợi cho đến ngày thứ mười... mới dám đến gặp ông chủ nhà xuất bản Văn Hồng Thịnh. Và còn cần thận hơn nữa, tôi phải đi bên kia đường nhìn sang nhà Văn Hồng Thịnh, khi thấy Ngọc Giao không có trong đó, tôi mới tiến sang.

Vừa thấy tôi, ông Văn Hồng Thịnh gật đầu cười:

— Tập truyện của cậu, ông Ngọc giao nói khá lắm, có thể in được.

Tôi ngây người ra vì xúc động, không biết nói gì Ông ta lại tiếp:

— Nếu tôi xuất bản tập truyện này, cậu định lấy bản quyền bao nhiêu?

Cơn xúc động đã qua, tôi làm bộ ngẫm nghĩ một lát rồi lấy giọng nghiêm trang:

— Một ngàn đồng.

Ông Văn Hồng Thịnh cười, đưa trả lại tôi tập bản thảo. Tôi hoảng hốt hỏi lại:

— Thế ông định trả tôi bao nhiêu?

vẫn giữ nụ cười lạnh như băng, ông ta nói:

— Nhiều nhất là năm trăm đồng!

Rồi không cần đợi ý kiến của tôi, ông bỏ vào trong nhà in la hét mấy anh thợ máy về một chuyện gì đó, coi như chuyện in sách của tôi không thành vấn đề nữa!

Tôi đứng một mình ở ngoài cửa hàng với tập bản thảo, lo lắng, băn khoăn. Thật ra năm trăm đồng đối với tôi lúc đó cũng là một số tiền lớn nhưng điều mong ước của tôi không nằm trong số tiền đó mà là tập bản thảo này. Tôi muốn được

lấy nó ra. Tôi muốn thấy những giòng chữ viết tay xấu xí này được hiện thành những giòng chữ in gọn gàng, sạch sẽ, và nhất là tôi có được một cuốn truyện đầu tiên xuất bản để kỷ tặng anh em bè bạn...

Những ý nghĩ đó làm cho tôi dẹp bỏ hết tự ái, ôm tập bản thảo vào tận nhà in nói với ông Văn Hồng Thịnh.

— Tôi bằng lòng bán cho ông với giá năm trăm...

Ông Văn Hồng Thịnh bảo tôi hãy mang đi kiểm duyệt khi nào có giấy phép xuất bản rồi đem bản thảo lại nói chuyện.

Không nghĩ ngợi, tôi lên thẳng Nha Thông Tin Bắc Việt.

Người ngồi ghế kiểm duyệt ấn loát phẩm của Nha Thông Tin

Bắc Việt hồi đó là ông Thao Thao, tác giả kịch thơ Quán Biên

Thủy và Người Mù Đạo Trúc. Vì chưa biết luật lệ kiểm duyệt,

tôi đi ngay vào phòng ông Thao Thao và đặt luôn bản thảo

của mình xuống trước mặt ông nói xin kiểm duyệt tác phẩm

này.

Ông Thao Thao, người gầy ốm, ngược đôi mắt ngơ ngác sau

cặp kính cận lên nhìn tôi thật lâu rồi hỏi:

— Cậu xin kiểm duyệt cuốn sách này cho cậu hay cho ai?

Tôi đáp với một giọng hãnh diện rằng đó là tập truyện của tôi.

Ông Thao Thao mỉm cười, giảng cho tôi nghe một vài nguyên

tắc về kiểm duyệt và bảo tôi hãy ngồi luôn tại đó viết một lá

đơn xin kiểm duyệt cuốn truyện này: ông nói tiếp lễ ra bất

cứ cuốn sách nào đưa kiểm duyệt cũng phải có hai bản nhưng

trong trường hợp đặc biệt này ông cho tôi được mượn bản

thảo về nhà, in xong mang trả lại cùng với một bản vỗ thử.

Nhận lá đơn xin kiểm duyệt sách của tôi, tác giả quán Biên

thù hện tôi ba ngày sau trở lại lấy kết quả. Rồi khỏi Nha Thông Tin Bắc Việt, tôi đi tìm ngay mấy đứa bạn thân, kéo đến một tiệm cà phê đề khoe về cuốn truyện của mình đã được một nhà xuất bản nhận mua nhưng không đứa nào tin hết. Chúng lại còn tỏ ý tội nghiệp dùm tôi là đã mơ mộng một chuyện quá xa vời. Chúng không tin là Ngọc Giao lại có thể khen văn của tôi được và cho rằng tập truyện của tôi đưa đi kiểm duyệt chỉ làm trò cười cho Thao Thao mà thôi.

Bọn chúng nói tới nói lui mãi rồi cũng khiến cho tôi lo âu, không còn một chút tin tưởng nào nữa.

Ba ngày chờ đợi sự quyết định của phòng kiểm duyệt Nha thông tin Bắc Việt hồi đó có thể nói là ba ngày dài nhất trong đời tôi.

Cuối cùng rồi mọi chuyện cũng xong hết, ông Thao Thao trả lại bản thảo cho tôi không xóa bỏ một giòng nào và lại còn dặn tôi nhớ gởi tặng ông một bản đặc biệt khi nào sách in xong.

Tôi mang tập bản thảo và tờ giấy phép cho xuất bản về nhà in Văn Hồng Thịnh liền ngay sau đó. Ông Văn Hồng Thịnh tần ngần một hồi rất lâu rồi móc ví định cho tôi hai trăm đồng, bảo tôi làm tờ giấy biên nhận tạm, số tiền ba trăm đồng còn lại sẽ trả nốt khi nào sách in xong.

Lúc đó, tôi cảm thấy tôi lớn hẳn lên và cố nhiên là tôi không có một điều gì phàn nàn về chuyện ông Văn Hồng

Stịnh đã không chịu trả đầy đủ cho tôi số tiền bản quyền ngay một lúc.

Từ bữa đó ngày nào tôi cũng đi ngang qua nhà in để coi xem tập truyện của mình đã in chưa. Nhưng cả một tháng trời liền, tôi đều thất vọng vì không thấy tăm tích cuốn truyện của mình ở đâu. Tôi làm quen được với một anh ăn công trường nhà in Văn Hồng Thịnh và luôn luôn thăm dò về cuốn sách của mình. Một bữa, giữa lúc mà tôi đã mất hết tinh thần để theo dõi cuốn sách của mình thì anh ăn công trường đó đem lại cho tôi một cahier đầu tiên của tập truyện ngắn đó. Màu mực in trên giấy báo hãy còn nhợt nháp ướt tay nhưng tôi vẫn say sưa nhìn từng giòng chữ, đọc lại từng câu văn, sự sung sướng đó thật khó lòng mà gặp lại một lần thứ hai trong đời...

Nhớ lại chuyện cũ và nghĩ đến hiện giờ, có truyện nào đăng hết trên báo gặp nhà xuất bản đến mua là bán liền không cần biết họ có in ra hay không — nhiều khi họ in ra cả năm trời rồi mình mới biết — cảm thấy buồn như một con diêm đã chết mọi cảm giác và chỉ còn biết có tiền trả công bán dâm của mình! Tôi thật thà thèm muốn được sống lại cái tâm trạng của người mới in sách lần đầu mỗi khi gặp một người bạn trẻ trao cho tôi một tác phẩm đầu tay, với những hàng chữ đề tặng thật văn chương cân nhắc, với một chữ ký thật bay bướm, là lướt và thêm vào đó một dấu ấn son chữ hán vuông vắn, chỉnh tề...

Thật không còn ai sung sướng hơn những người đó nữa.

NHÃ CA

Cuốn sách đầu của tôi là một tập thơ. Tập «Nhã Ca mới». Tập thơ đầu tay mà cũng là tập thơ duy nhất, bởi vì sau đó tôi viết văn, và cũng bởi vì không bao giờ, ít nhất là cho tới lúc này, tôi trở lại được với những rung cảm ngày trước. Nhã Ca Mới không thể xem như một thành tựu tốt đẹp về nghệ thuật làm thơ của tôi, nhưng tôi quý nó, quý ngang với một tuổi nào đó, đã có và đã đi qua trong đời sống của mình. Tập thơ đầu mang ý nghĩa một kỷ niệm. Nó đánh dấu một thời kỳ mới yêu, một tuổi mới lớn, với những rung động tôi biết chắc chắn không bao giờ bắt gặp lại một lần thứ hai trong đời. Nhà văn không bao giờ phủ nhận được tác phẩm đầu tay của mình. Nhưng cái đã được viết ra trong tác phẩm đầu tay, cho dầu sau này không còn ý nghĩa, nhưng vẫn là những cái đã có thực. Tôi yêu tác phẩm đầu tay của tôi còn vì nó là bước đầu, tự nó mà có những tác phẩm kế tiếp. Điểm khác biệt sâu đậm nhất giữa cuốn sách đầu với những cuốn sau, là ở giữa chúng, có những cái mất đi, đã đi qua, không bao giờ trở lại. Nhìn trở lại một quá khứ sáng tác, bằng nhìn trở lại tác phẩm đầu tay, tôi thấy càng viết, càng sống, tôi càng thay đổi. Mỗi ngày, mình một vững vàng hơn, sâu sắc hơn, buồn bã hơn. Nhưng chính những cái nhìn non nớt ban đầu, lại là những cái nhìn thật nhất. Thảng trước đây, tôi trở về Huế. Đi trên những con đường của thành phố tuổi

nhỏ. Tôi thấy tôi yêu lạ thường cái hình bóng tôi in trên những bóng lá, những vì tường xưa cũ của Huế. Nhìn lại tác phẩm đầu cũng thế. Như nhìn thấy hình bóng của dĩ vãng, của tuổi nhỏ, rất mến thân và rất ngậm ngùi khó nói.

MAI THẢO

Trước hết, một tác giả không bao có thể hoàn toàn từ bỏ được tác phẩm đầu tay của mình, lý do giản dị là tác phẩm khi được in ra, tự nó đã tạo ngay được cho nó một đời sống, một định mệnh riêng. Bằng bất cứ một lên tiếng nào, tác giả vẫn sẽ thất bại trong ý hướng đổi thay, làm khác đời sống và định mệnh đó. Phong trào khai tử tập thơ những tác phẩm xưa cũ của những người làm văn học nghệ thuật miền Bắc trước đây là một bằng chứng. Bảo rằng tôi đào huyệt chôn chết tác phẩm tôi, nhà văn muốn đoạn tuyệt với những dấu tích sáng tác cũ chỉ đào huyệt chôn mình, còn tác phẩm, cho dầu đã trở thành một đứa con hoang, vẫn cứ phải đi tiếp con đường của nó. Văn học sử rồi văn phán xét Nguyễn Tuân qua Vang Bóng một Thời. Trong cái con người gọi là mới của Xuân Diệu bây giờ mãi mãi có Gửi Hương Cho Gió. Tác phẩm đầu tay, tuy vậy, theo tôi, có nhiều điều đáng nói lắm. Nhà văn nào xem chừng cũng có một vài điều muốn bày tỏ về tác phẩm đầu tay của mình. Vì nó là một hiện tượng đặc biệt của sáng tác. Trong mối liên hệ chung của nhà văn (xem tiếp trang 95)

NGUYỄN SỸ TẾ

phong trào nổi dậy của thanh niên ngày nay

Như mọi người đều biết, đã từ nhiều tháng nay, thế giới chứng kiến một hiện tượng xã hội đặc thù : sự nổi dậy của thanh thiếu niên ở khắp nơi. Không một thành phố lớn nào là không sống trải những cơn «sốt rét võ da» của thế hệ đầu xanh ấy : Prague, Varsovie, Hoa thịnh đốn, Luân đôn, Tây Bá Linh, Ba lê, Belgrade, Téhéran, Bangkok... đề chỉ kể những thủ đô tiêu biểu.

Kỳ thực, phong trào thanh niên đã âm ỷ từ khá nhiều năm nay ở một số địa phương trên thế giới, chẳng hạn ở Nhật Bản từ ít lâu sau cuộc thế chiến, ở Việt Nam từ cuộc Cách mạng 1963, ở Trung cộng từ 1966 với phong trào Vệ binh đỏ và cuộc Cách mạng văn hóa của Mao trạch Đông. Ấy là chưa kể những phong trào thanh thiếu niên bất có tính cách chính trị hơn, thiên về phản ứng phong hóa hơn nhưng cũng thật là quan trọng như các hiện tượng Hippies, Beatnik, Beatles, Monkees, và cả phong trào thanh niên trác táng ở Mạc tư khoa. Nhận định về những phong trào kể trên, ký giả R. Davy của tờ

VẤN ĐỀ 13

The Times đã phải kêu lên rằng: «Biên cương giữa các quốc gia không còn đáng lo ngại như biên cương giữa các thể hệ con người nữa». Nhiều nhà xã hội học cho rằng đó là «bản chất của thời đại ta». Các nhà đạo đức hoang mang và các chính trị gia thì người hy vọng, kẻ lo âu. Các bản thống kê cho biết riêng số sinh viên đại học trong vòng 10 năm nay đã tăng lên từ gấp đôi đến gấp ba lần tùy từng nơi. Báo chí ghi nhận những mối liên lạc quốc tế giữa các phong trào quốc gia. Đây là cả một hiện tượng phức tạp trong nguyên nhân, mục đích cũng như diễn tiến. Có lẽ chỉ có một mẫu số chung là những phong trào đó tập trung vào lớp thanh niên trên dưới 20 tuổi mà hầu hết phát xuất từ học đường, tức là học sinh và sinh viên vậy.

Bài viết này là một bản nghiên cứu tổng quát về phong trào khuấy động của thanh niên ngày nay. Nó có tính cách phân tích, giải thích và phê bình trên quan điểm hòa hợp của tâm lý học, xã hội học, đạo đức học và chính trị học. (1)

Bàn về nguyên nhân tác động cũng như mục đích lôi cuốn phong trào thanh niên, ta có thể xếp làm ba loại : tâm lý, xã hội và chính trị.

(1) Hòa hợp được đến đâu lại là một vấn đề khác, mong có dịp sẽ bàn tới.

1. Những nguyên nhân tâm lý.

Ở trong chiều bình thường, nơi phạm vi ý thức của thanh niên, người ta thấy những gì? — Trước hết, đó là cái tính hiếu động của thanh niên mà sinh vật học, tâm lý cấu sinh học cũng phải xác nhận với kinh nghiệm phổ thông lâu đời: lớp trẻ là lớp người có dư dật sinh lực cần phải được tiêu pha đi để giữ mức quân bình bằng sự hoạt động. Chính khởi điểm này dự phần tác động một sâu chuỗi những đặc tính khác của thanh niên: đó là tính dễ bị kích động, dễ bị cảm xúc; tính dễ bắt chước lẫn nhau, dễ kết bạn với nhau; tính ưa sự đổi thay, sự phiêu lưu, sự mạo hiểm, những điều kỳ lạ, khác thường... Xã hội học ghi nhận rằng một phong trào bao giờ cũng dễ được phát động trong thế hệ thanh niên hơn là nơi thế hệ nào khác. Tuổi ấu thơ chưa biết gì; tuổi trung niên hay già cả dễ làm cho con người do dự, ngại ngần; tuổi thanh niên tràn nhựa sống. Đó là cái hay nhưng trong những điều kiện nào đó cũng là cái dở của thanh niên vậy.

Ở chiều sâu, nơi phạm vi của vô thức, người ta lại còn thấy biết bao nhiêu động lực khác thôi thúc thanh niên kết đoàn hành động. Đó là những bản năng thô sơ, những ước muốn thầm kín, những thúc đẩy tự nhiên... cả một nguồn thể lực vũ bão trong hạ tầng kiến trúc bản ngã của họ. Kể đến là những mặc cảm dường như đặc thù của thế hệ thanh niên: mặc cảm tự ti đối với những người trong thế hệ trên đã thành công trong cuộc đời, đối với các nhà diu dặt, các giáo sư của họ; đồng thời, mặc cảm tự tôn về tuổi trẻ, về

con đường dài trước mặt, về tương lai lãnh đạo của họ, về sức mạnh vô biên, về năng lực khuấy động núi non của họ. Đây cũng luôn thề là cái bản năng hùng cường, cái khuynh hướng độc tài nói theo (Adler và cái ý chí khắc phục nói theo Nietzsche của tuổi thanh niên. Bản năng lúc không được thỏa mãn dễ biến thành cái thú đập phá, hủy diệt. Sau nữa ta cũng cần phải nhấn mạnh vào những điều mà nhà tâm lý học M. Pradines gọi là những « khuynh hướng lý tưởng » đã ăn sâu vào phần vô thức tập thể của thanh niên hơn là của thế hệ nào khác, nhất là những khuynh hướng đòi tự do, đòi công lý. Những khuynh hướng này chính là cái di sản của văn minh nhân loại trải qua nhiều thế hệ để lại cho thanh niên ngày nay, cái di sản tinh thần đã thầm kín và mạnh mẽ tác động dòng suy tư, những xao xuyến, những hành vi của tuổi trẻ. Thanh niên đòi hỏi tự do và công lý thường khi chẳng phải cho họ mà cho kẻ khác. Những khuynh hướng này nói lên cái tính « lý tưởng », và do đó « kém thực tế khôn ngoan » của thanh niên, đồng thời củng cố một mặc cảm khác thêm vào những mặc cảm tự tôn và tự ti trên kia, đó là « mặc cảm tội lỗi », đối với những người thấp kém trong xã hội, những người không được tương đối sung túc như họ, không được thừa hưởng sự học vấn như họ. Thế là cái thế kết liên giữa sinh viên, tinh hoa của thanh niên, với thợ thuyền trở thành một chủ đề không thiếu bề quyền rũ lẳng mạn. Nhưng nói đến đây ta đã có thể chuyển sang những nguyên nhân xã hội và chính trị rồi.

2— Những nguyên nhân thuộc phạm vi xã hội học.

Những ai nghiên cứu bộ dạng và tương quan xã hội thời nay

đều phải công nhận rằng quả là chúng ta đang sống vào một thời đại chuyển mình của nhân loại do sự tác động của rất nhiều yếu tố phức tạp. Đó là thời hậu chiến vẫn còn chìm đắm trong chiến tranh lạnh cũng như nóng. Thế hệ trung niên còn bận bịu trong công cuộc xây dựng lại cơ đồ đổ nát vì chiến tranh; thêm vào đó, những đòi hỏi của đời sống mới đã choán hết cả thời gian của họ. Họ đành phó thác con, em cho học đường hay cho xã hội. Thế là sự liên lạc giữa hai thế hệ thanh niên và trung niên phải bỏ bê. Hố sâu giữa hai thế hệ được đào ra từ đó.

Một nét đặc thù khác của thời đại: hậu bán thế kỷ 20 là thời kỳ phát triển của khoa học và kỹ thuật, đặc biệt khoa học không gian liên hành tinh và nguyên tử học. Tâm địa, và đồng thời lối lý luận cũng như hành động của con người đổi thay, không còn tuân theo những quy tắc cũ nữa.

Sự phát triển khoa học và kỹ thuật trên đây đã đem lại hậu quả ở một số địa phương là cảnh sung túc, cảnh thừa mứa của xã hội mà R. Kennedy có nhắc nhở tới trong một bản nghiên cứu về phong trào thanh niên Âu Mỹ. Với khoa học và kỹ thuật kia, thanh niên tự cho họ cái quyền đòi hỏi sự nhàn hạ, sự giải phóng, sự vui chơi và nhiều điều lý tưởng khác cho xã hội. Sinh viên cũng thế, nhất là khi mà họ đã tự đồng hóa mình với những «người lao động trí tuệ trẻ» (Định nghĩa của Hiến chương Sinh viên (Grenoble 1946).

Alain Touraine, giáo sư khoa học nhân văn ở Nanterre, có một nhận xét khá đúng để giải thích phong trào khuấy động của sinh viên: Đại học là một môi trường xã hội đặc biệt đã thúc đẩy phong trào sinh viên như trước kia các xí nghiệp lớn trong

xã hội kỹ nghệ Âu châu đã phát sinh ra phong trào thợ thuyền (các phong trào Quốc tế lao động).

Một hậu quả khác của thời kỳ sung túc là nó cũng dự phần củng cố cái «mặc cảm tội lỗi» thường thấy ở thanh niên như đã nhắc nhở ở trên kia. Sinh viên liên kết với thợ thuyền. Tuy nhiên, theo A. Touraine thì cái thế liên minh đó chỉ có ở bề ngoài, không có gì là chặt chẽ và lâu bền cả. Đó cũng là đặc tính của thanh niên vậy.

Trở lại với sự lấn át tâm lý của đời sống tình cảm (vie affective) đối với đời sống trí tuệ thời nay, nhiều nhà xã hội học đồng ý với nhiều chính trị gia mà cho rằng vấn đề tranh đấu ý thức hệ ngày nay đã kém thế rồi, nhiều khi chỉ còn là một cái bình phong để che dấu những đam mê, những kiêu hãnh tập thể. Vịn vào đó, nhà luận lý học nghi ngờ rằng lý trí nhân loại đang bước sang một vận hành mới, đòi hỏi một sự đổi thay gần kề ngay trong những nguyên tắc căn bản của nó.

Với những nguyên nhân trên người ta không còn lấy làm lạ nữa khi thấy sinh viên Mạc tư khoa chế riều Kroutchev khi ông này không còn là thủ tướng, học sinh trong phong trào Vệ binh đỏ ở Trung cộng đã không chịu trở về học đường khi bị xua trở lại đó dầu là để học làm cách mạng đi chăng nữa (tài liệu của Bác sĩ Dany), khi sinh viên Âu Mỹ ở một vài nơi phản đối chiến tranh Việt Nam, khi sinh viên Nhật chống khí giới nguyên tử, khi học sinh và sinh viên Việt Nam hạ bệ Hiến chương Vũng Tàu, khi sinh viên Pháp phản đối chế độ đại học. Chán chường về những thực tại xấu xa trước mặt, lo ngại về hiểm họa thế giới bị tiêu diệt bởi vũ khí nguyên tử, một số thanh

niên đi tìm sự lãng quên hay nếp sống bừa bãi của những phong trào Beatnik, Hippies.

3. Những nguyên nhân chính trị.

Thế rồi những nguyên nhân xã hội pha hòa vào những mục phiếu chính trị mà thanh niên ngày nay đòi hỏi. Không thời nào bằng thời nay, con người chính trị (homo politicus) lại phát triển mạnh mẽ ở khắp nơi đến thế. Đến đây, vấn đề càng trở nên phức tạp vì lẽ trong phạm vi chính trị, hoàn cảnh mỗi nơi lại có nhiều điều khác xa nhau. Ta hãy giới hạn việc tìm hiểu vào những mục phiếu tổng quát.

Trước hết đó là mục phiếu chống sự độc tài, sự hà khắc, tính cách cứng rắn của một vài chế độ. Sự tranh đấu này, không những người ta thấy ở các nước Cộng Sản, chẳng hạn mấy nước Đông Âu và nước Trung Âu Tiệp Khắc, mà còn thấy ở những nước thuộc hàng ngũ tự do chẳng hạn ở Việt Nam, ở Nam Dương cách đây mấy năm.

Ngược lại là mục phiếu đòi hỏi chủ trương xã hội hóa mà người ta thường thấy trong thế giới tự do. Đây là hiện tượng mà M. Duverger gọi là phong trào "xã hội hóa ở phía Tây" để đối lập với phong trào "dân chủ hóa ở phía Đông" khi nói về Âu châu. Thực ra, phong trào đó còn phổ biến ở nhiều nơi khác, không những do khuynh hướng lý tưởng của thanh niên mà còn do lý tưởng tất yếu của nhiều tôn giáo.

Sự xung đột giữa ý thức quốc gia và chủ nghĩa đại đồng cũng là một nguyên cơ tranh đấu chính trị của

thanh niên. Người ta chứng kiến sự bùng tỉnh dậy của ý thức quốc gia ngay trong những nước theo xã hội chủ nghĩa, điển hình là vụ sinh viên Ba Lan nổi dậy bài Nga-Sô nhân vụ trình diễn một vở kịch có ý-nghĩa chống Nga. Đồng thời với phong trào xã hội hóa nói trên đây là phong trào tiến tới chủ nghĩa đại đồng. Ta đã nhắc nhở tới mối giây liên-hệ quốc tế giữa nhiều phong trào khuấy động của sinh viên Âu, Mỹ. Sinh viên muốn chứng tỏ ý-thức đoàn-kết và tương trợ với nhau. Họ cử đại-diện đi họp đoàn sinh viên ở nước ngoài. Sinh viên Pháp quốc nổi dậy một phần để ủng hộ sinh viên Tây Đức; sinh viên Luân Đôn biểu tình để tỏ lòng đoàn kết với sinh viên Mỹ, sinh viên Ý; sinh viên Tây-Âu biểu dương lực lượng để làm hậu thuẫn cho sinh viên Đông Âu...

Sự khô cằn của một số chế-độ, chẳng hạn Paáp, Mỹ, Anh cũng là một mục-phiếu tranh đấu khác của sinh viên. Trong chế độ khô cằn này, ta phải kể cả lẽ lối tổ chức đại học. Thanh niên muốn có tiếng nói ở trong xã hội, sinh viên muốn tham dự vào công cuộc xây dựng học đường. Chính sách độc thoại, chủ nghĩa bao dung càng không thích hợp với tâm hồn tuổi trẻ: Các chính thể, các chế-độ được nhận định như những cái khuôn tổng quát cho sinh hoạt quốc gia, xã hội. Đến lúc mà quốc gia và xã hội đã đổi thay, và đã có nhiều khát vọng và lo âu mới, thì những cái khuôn kia tự nhiên trở thành chật hẹp mà rạn nứt. Ở Trung Cộng, phong trào thanh niên lại có một ý nghĩa chính trị khác, một ý nghĩa được phát động do nhà cầm quyền hơn là tự động do chính thanh niên. Đó là cuộc cách mạng văn hóa của Mao Trạch Đông mà ta sẽ bàn tới trong một dịp khác. Có thể nói một cách tổng quát rằng cuộc Cách

mạng đó, ngoài những toan tính chính trị nội bộ như thanh toán đối lập, nuôi dưỡng cách mạng trong lòng thanh niên, cũng có một nền tảng ý thức hệ nào đó như cự phái Cộng sản chính thống chống chủ nghĩa xét lại. Nó trở thành một thứ chủ nghĩa hần hoi, chủ nghĩa Mao Trạch Đông. Và điều kỳ lạ thay là thế giới bên ngoài vẫn có thể ngắm nhìn cái hiện tượng của Trung cộng đó theo những viễn tượng khác. Nhiều chính trị gia cùng với nhiều ký giả đã nhìn thấy một vài phản ứng của thanh niên tại một vài nơi, điển hình Nanterre, mang sắc thái hoang sơ man dại (primitiviste) như là đã phá tất cả những gì thuộc nền « văn hóa cũ », hát những bài ca Trung quốc, mặc những chiếc áo nhiều khuy, nhiều túi, kín cổ theo kiểu của họ Mao.

Trên đây là những nguyên nhân tổng quát giải thích vì đâu có biến động xã hội và chính trị do thanh niên gây nên trên khắp thế giới. Phong trào dường như đã gần đến độ chín mùi. Đài phát thanh Bắc kinh không ngớt đổ thêm dầu vào lửa. Vài người đã nói tới một thứ giai cấp mới, giai cấp sinh viên. Người ta chưa có thể lường được một cách chắc chắn hậu quả của những biến động trên sẽ ra sao. Đã đến lúc mọi người phải cùng nhau giải quyết vấn đề một cách thỏa đáng lâu dài. Ta thử xác định vài phương thức tổng quát.

1— Vai trò của xã hội nói chung.

Ta đã biết thanh niên là một lớp người đông đảo và quan trọng trong xã hội, thanh niên lại cũng có cái sở

trường sở đoản của họ. Vấn đề đặt ra là kết hợp điều hòa các giai tầng xã hội, triển khai cái sở trường, giảm thiểu cái sở đoản của thanh niên. Nếu nhận định phong trào thanh niên như là một « thảm kịch », sinh viên như là ở bên lề xã hội, thì vấn đề cấp thiết là « tái quy nhập » thanh niên vào trong xã hội, tìm hiểu những khát vọng, những ưu tư của họ, giao cho họ những trách nhiệm mà họ say mê, dành cho họ những quyền hạn và phương tiện tương đối rộng rãi để họ làm tròn những trách vụ đó.

Trước hết, đó là sự quy nhập vào trong gia đình. Vấn đề cũng chỉ bình thường mà thôi. Một chút thì giờ săn sóc, hỏi han, rất nhiều tình thương đem lại kết quả. Hãy giúp đỡ cho tương lai của thanh niên theo chính ý hướng của họ hơn là của mình. Cũng không nên ngại ngần bàn luận với họ về mọi vấn đề mà họ muốn nhất là các vấn đề tình yêu, sự nghiệp và cả vấn đề chính trị của quốc gia xã hội nữa, bàn một cách nghiêm trọng, sâu xa, gạt bỏ mọi thành kiến thế hệ. Ta nên nhớ theo lẽ tiến hóa tự nhiên của nhân loại, thanh niên thừa hưởng một trí khôn phát triển mau lẹ với những khuynh hướng lý tưởng ăn sâu vào trong tâm khảm họ. Lại nên nhớ rằng cái không khí gia đình, rộng ra nền giáo dục gia đình, trong thời niên thiếu sẽ quyết định cá tính của người thanh niên vì lẽ cái nền tảng của bản ngã con người thường được thành hình ngay từ lúc này. Kẻ thiếu niên thường muốn đóng những vai trò của người lớn. Trong cơn hoạn nạn, khó xử của họ ta hãy giúp đỡ họ thoát hiểm, giải quyết vấn đề hơn là quở mắng họ. Cả hai cực đoan sau đây đều nên tránh : phụ huynh muốn làm thần tượng nô lệ hóa con em, hoặc tôn thờ con em như là thần tượng mà

chiều dài mọi thị hiếu của họ. Tóm lại phải làm sao tạo được một sinh hoạt gia đình khả dĩ gắn bó người thiếu niên vào đó. Kế đến là sự quy nhập vào học đường. Đây là vấn đề của nhà cầm quyền nhiều hơn: quan niệm lại cứu cánh của giáo dục, tổ chức lại nếp sinh hoạt ở học đường. Và trong việc quan niệm và tổ chức lại học đường này cần phải quan tâm đến tiếng nói và sự tham dự của sinh viên vào trong bậc đại học. Cảnh rối loạn của Pháp quốc vừa qua hẳn đã cho ta một bài học kinh nghiệm. Các nhà cầm quyền Pháp cũng đang toan tính cùng một lúc cho sinh viên tham dự vào trong đại học đường cũng như thợ thuyền vào trong xí nghiệp. Ở bậc trung học, tổ chức hiệu đoàn, một số những hoạt động thích hợp khác ngoài học vấn cũng cần phải được xét lại và tổ chức chu đáo hơn nhằm tiến tới việc phát triển một con người toàn diện nơi thanh niên. Xin nhắc nhở một kinh nghiệm khác ở Trung cộng, đó là cái tham vọng giáo dục nếu không là mưu đồ chính trị của phong trào Vệ binh đỏ muốn viên mãn một con người trí thức, một con người lao động đồng thời một nhà cách mạng trong giới trẻ nước đó. Bác sĩ Dany, tác giả đã dẫn ở trên kia, đã nhận định rằng tình trạng của Trung cộng hiện nay quả là một tình trạng bất khả kiểm soát bởi chính quyền và người ta tin rằng tới lúc mà phái trẻ hôm nay sẽ giữ vai trò lãnh đạo thì cũng chẳng còn cả tư tưởng của Mao nữa. Ngoài nhà cầm quyền ra, tất nhiên vai trò của nhà giáo vẫn còn đó rất quan trọng vì thường hằng và trực tiếp đối với thanh thiếu niên: nhà giáo rồi vẫn không thể chỉ là một nhà chuyên môn phân phát tri thức, nhà giáo mãi

mãi vẫn phải là nhà dìu dắt, nhà giáo dục đối với học trò của họ.

Sau nữa là sự quy nhập vào trong xã hội rộng lớn của quốc gia và thế giới. Ở môi trường này, vấn đề cảm thông giữa các thế hệ rất là quan thiết. May thay cái khung cảnh xã hội lại dễ bề cho sự kết liên thế hệ hơn là gia đình như ta thường thấy, những nhóm đoàn, những băng hữu trong xã hội xa cách lứa tuổi chẳng phải là một chuyện đặc biệt. Người ta nói tới trách nhiệm của người đi trước đối với người đi sau. Và những người đi trước ở đây cốt yếu là các nhà trí thức, các nhà lãnh đạo tôn giáo hay đoàn thể, giới văn nghệ sĩ. Nhân đây, ta có thể thêm vào cái bảng những nguyên nhân xã hội trên kia; ảnh hưởng mạnh mẽ của những phim ảnh, những vở kịch, những cuốn tiểu thuyết, các sách báo đối với thanh thiếu niên. Những kiểu mẫu cư xử (patterns), theo một nhà xã hội học Mỹ quốc, quả đã có một sức mạnh lan tràn ghê gớm vượt biên giới quốc gia, điển hình là những phong trào nếp sống mới đã nhắc nhở ở trên kia. Trở lại với ảnh hưởng của thế hệ trên đối với thế hệ dưới, một số chính trị gia đã đưa ra một đường lối giải thích phong trào cách mạng văn hóa của Mao Trạch Đông: họ Mao muốn nắm lấy để kiểm soát và thúc đẩy thế hệ thanh niên tranh dành ảnh hưởng của thế hệ trung niên xưa kia dưới quyền lãnh đạo của mình nay đã toan tính tách rời khỏi thế hệ già cả lớp của ông ta. Bởi vậy, để kết thúc đoạn này, chỉ xin nhắc nhở đến nhiệm vụ sao cho xứng đáng và thích hợp của các thế hệ đối với thế hệ thanh niên.

2— Vai trò của các nhà cầm quyền.

Thời nay có lẽ hơn thời nào nào hết, công cuộc lãnh đạo quốc gia thật là khó khăn, vai trò của nhà cầm quyền thật là quan trọng đến độ quyết định vận mạng quốc gia. Ở nhiều nơi, người ta than phiền về cảnh « khủng hoảng trong lãnh đạo » cũng không phải là vô lý. Trên kia ta đã nói tới vai trò của nhà cầm quyền trong vấn đề giáo dục và học đường; ở đây, ta thử phác họa thêm vài đường lối, vài hướng chiều xử sự của họ trong phạm vi chính trị. Và cũng chỉ xin rút ra những hậu quả, những hệ luận tự nhiên từ những nguyên nhân chính trị được phân tích và phê bình trên kia. Đã lỗi thời rồi những chủ nghĩa giáo điều, những ý hướng độc tài, những hành vi đế quốc, những cư xử kẻ cả, những thái độ khô cứng, những tinh thần quốc gia vị kỷ, những ước muốn đại đồng hiện thực một cách ngây thơ. Lại càng đáng ghét hơn đối với thanh niên trí thức khi mà những thứ đó được che dấu trong những chiêu bài, những nhãn hiệu hào nhoáng. Một ý thức hệ, do bản chất của nó, không thể đóng kín và cố định mà phải mở ngo, miễn cần theo dõi những sự kiện, những khát vọng, những ưu tư, những chinh phục mới. Thề thốt dân chủ chưa hẳn đã xấu xa trong những điều kiện nào đó. Nền kinh tế là phải chung cho mọi người. Tự do, công lý, sự ổn định không thể không biết tới (xem Vấn Đề số 11, bài Viễn tượng hòa bình và vấn đề căn bản ý thức hệ).

Đi vào lãnh vực thực tế. Kinh nghiệm liên minh quốc tế bên đây cũng như bên kia bức màn sắt, những vụ nổi dậy của thanh niên ở khắp nơi đều là những bài học quý giá cho các nhà lãnh đạo hôm nay bất luận ở nước nào. Giới bình luận chính trị ở Anh quốc đã thẳng thắn cảnh cáo De Gaulle trước

ngày ông tổ chức lại tổng tuyển cử rằng đầu ông có còn tại vị thì sự mềm dẻo, sự cải cách chế độ của ông vẫn là một điều cần thiết. Thật là một điều mâu thuẫn, kể cả với các lãnh tụ Cộng sản, là khi người ta muốn giảng dạy cho thanh niên một điều lý tưởng nào đó rồi đồng thời lại không muốn cho họ nhìn thấy cảnh ngược lại trong thực tại của xã hội họ sống. Sự giác ngộ của thanh niên khi khám phá ra những mâu thuẫn đó thật là nguy hiểm đối ngay với chính các nhà lãnh đạo. Một bằng chứng là sự trỗi dậy của giới trí thức và thanh niên Nga Sô mặc dầu họ đã thụ huấn nửa thế kỷ giáo dục mác xít.

3. Vai trò tự nguyện của chính thanh niên.

Ta đã nói về những sở trường và sở đoản của thanh niên. Thế hệ nào cũng thế. Vậy thì đề sự quy nạp vào trong xã hội, thực hiện một sự điều hòa về các tầng lớp hay giai cấp quốc dân còn cần phải có sự tự nguyện, sự cảnh giác, sự phản tỉnh (hiểu theo nghĩa sự nội quan, sự tự khám xét, sự tự phê bình) của thanh niên nữa. Sự khôn ngoan, ý thức trách nhiệm, quyền lợi quốc gia, tinh thần đoàn kết và hoàn cảnh chính trị của từng nơi nên là điều mà thanh niên phải chú trọng. Những bài học kinh nghiệm trên kia nhắc nhở ta điều ấy, kể cả những kinh nghiệm của phe xã hội chủ nghĩa. Lớp trước vẫn thường nhắc nhở ta rằng làm chính trị phải có niềm tin (conviction) bằng không sẽ thành trò buôn bán. Muốn có niềm tin phải có nhận thức (prise de conscience) sâu xa, nghiêm trọng trên những dữ kiện đầy đủ, xác thực mà lắm khi ta phải cố gắng kiếm tìm. Sự thật khó lắm thay và cần lắm thay; đó cũng

là những ý nghĩa tác động khẩu hiệu của một số thanh niên
Tiếp khắc nhân ngày 1-5-68: «Chúng tôi cần biết ngay
sự thật!»

Cũng xin nhắc lại một chân lý phổ thông, là cần phân
biệt chính trị tổng quát và đường trường với chính trị
chuyên biệt và giai đoạn. Thiền nghĩ rằng bản chất hồn
nhiên, thuần túy, lý tưởng, bất vụ lợi của học sinh
và sinh viên hướng họ vào thứ chính trị tổng quát và
đường trường nhiều hơn. Chẳng ai ngăn cấm thanh niên
gia nhập các đảng phái chính trị trong xã hội, nhưng họ nên
nhớ rõ cái cương vị của mình khi làm chính trị trong
đảng phái và khi làm chính trị ở học đường. Trở lại
vai trò của xã hội đối với thanh niên, nghĩ rằng các
nhà lãnh đạo đảng phái cũng nên tôn trọng quyền lợi
của học đường, tương lai của giáo dục và phân biệt
thêm cho thanh niên hai cương vị có ít nhiều dị biệt
vừa kể.

Những hội đoàn riêng của thanh niên và sinh viên đề cùng
nhau nghiên cứu chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, khoa học...
là điều rất bổ ích cho thanh niên. Kinh nghiệm Âu Mỹ cho ta
thấy thanh niên ở những nước đó chỉ có một số ít rồi rã vui
chơi, còn đa số vẫn tự lập ra đủ mọi hội đoàn nghiên cứu đủ
mọi vấn đề của trung niên, nghĩa là họ chăm chỉ chứ không
chềnh mảng. Và mặc dầu có lập thành cho những hội nghiên
cứu đó và có hoạt động quốc gia xã hội thì thanh niên vẫn
nên nhớ rằng họ mới chỉ ở chân trong chân ngoài xã hội chứ
chưa phải là đã vào trong xã hội. Thanh niên được gửi đến
học đường là để sửa soạn bản thân và tập sự hành động. Học

đường vẫn có nhiệm vụ và phạm trù riêng của nó. Bằng
không, học đường và giáo dục không còn có lý do để tồn tại.

Đề kết luận bản nghiên cứu này, ta thử suy nghiệm vài điều
trong vấn đề thanh niên Việt Nam với hiện tình đất nước.
Như đã thấy, thanh niên thời nay có muôn ngàn lý do và
nguyên động lực để hành động và bao giờ cũng giữ một vai
trò quan trọng trong việc tác động sự tiến hóa của xã hội. Với
sở trường và sở đoản hiển nhiên, hành động của thanh niên
cần phải căn cứ vào hoàn cảnh chính trị và xã hội của từng
nơi nếu không muốn là hảo huyền, không tưởng, cần phải
kết liên với hành động của các tầng lớp xã hội khác miễn là
không mất bản sắc, hòa mà chẳng đồng.

Từ nhiều năm nay, giới thanh niên nước nhà đã hơn một
phen nhập cuộc hành động. Người ta còn nhớ phần tham
dự lớn lao của thanh niên vào ngày 1-11-63, vai trò chủ
động của họ trong việc bãi bỏ Hiến chương Vũng tàu ... đề
chỉ kể một vài hành động xứng đáng tiêu biểu. Nhưng người
ta cũng không quên những vụ bạo động liên miên, bừa bãi
của một số khác, thậm chí mạo nhận danh nghĩa sinh viên,
đề ủng hộ nhóm chính trị này hay đá đảo nhóm chính trị kia
mà quên mất cái thể quốc dân cùng cái cương vị cha mình.
Đã đến lúc có thể rút tĩa kinh nghiệm cho hành động hiện tại.
Đến nay thì hoàn cảnh nước nhà thật đã suy vi. Đó là
hoàn cảnh của một nước đang có chiến tranh vì xung đột ý
thức hệ; đó là hoàn cảnh của một xã hội bị phân hóa bởi

rất nhiều thể lực. Những người chiến đấu cho hòa bình, công lý, tự do thực sự không khỏi bị đối phương lợi dụng, xâm nhập, ly gián, phá hoại. Vậy thì sự cảnh giác và tự nguyện nội trong tầng lớp lại càng phải được đề cao, sự thông cảm, sự đoàn kết, sự dẹp bỏ nghi ngờ giữa các tầng lớp quốc dân lại càng phải được xúc tiến hơn lúc nào hết. Ngoài hành động quân sự và chính trị, còn biết bao công tác quan trọng khác đang chờ đợi chúng ta mà việc xoa dịu vết thương đau của chiến tranh cùng việc xúc tác sự đoàn kết quốc gia là những công tác khó khăn và tế nhị nhưng cấp thiết. Đi xa hơn nữa, một mai khi chiến tranh chấm dứt tiếng nói của súng đạn không còn lẩn át, thanh niên lúc đó lại còn nhiều nhiệm vụ tích cực không kém phần tranh đấu, bởi một lẽ đơn giản là một nền hòa bình công bằng và trường cửu như họ mong muốn không phải một ngày mà làm nên, do một hội nghị mà có. Nghi rằng kinh nghiệm của hành động thanh niên thế giới hôm nay từ Mỹ qua Pháp đến Nhật, từ Bắc Kinh qua Mạc tư Khoa đến Prague sẽ thêm vào kinh nghiệm quốc gia mà cho ta những bài học quý giá.

(Viết xong ngày 6-7-1968)

N-S-T

NGUYỄN TRẦN KIỀM

kích thước cho một chủ nghĩa quốc gia mới (II)

Lẽ ra, phần II của thiên khảo luận này được đăng trong nguyệt san Văn Đền số 10 tiếp theo phần I đã đăng trong số 9 nhưng vì lý do quân vụ mãi đến kỳ này tác giả là Thiếu úy Nguyễn Trần Kiềm mới có thì giờ viết tiếp. Xin cáo lỗi cùng các bạn đọc giả.

Nhiều người vẫn có cảm tưởng rằng lý thuyết Nhân vị đã là căn bản của 8 năm đệ nhất Cộng hòa tại Nam V. N; sự thực, nó chỉ là một niềm gọi hứng thuần túy trí thức làm điểm xuất phát của người lãnh đạo; còn 8 năm đệ nhất Cộng hòa lại là 8 năm chỉ phối bởi thực tại, 8 năm chính trị quyền biến bởi vì những người lãnh đạo còn phải đối phó với những diễn biến của sự kiện mà những tín điều nhân vị chẳng góp phần thay đổi được bao nhiêu. Trong hoàn cảnh đó, những lý tưởng nhân vị chỉ có thể là một loài hoa trái hiếm hoi và lơ lửng ở trên đỉnh cao, một thứ *wishful thinking* vừa là một ám ảnh vừa là một biện chính cho một tâm hồn trí thức đang dần thân vào cảnh giới mê hồn của hành động chính trị thực tiễn là tâm hồn của ông Ngô đình Nhu... Cho nên ngoài những nguyên tắc tổng quát

được tuyên xướng trong phần mở đầu Hiến pháp, ngoài một danh hiệu đảng phái mà người lãnh đạo muốn sử dụng cho những mục đích kỹ thuật riêng biệt, ngoài một trung tâm huấn luyện nặng tính chất công chức và nhà thờ, thì sự liên hệ giữa chủ thuyết nhân vị và bản chất thực tế của nền đệ nhất Cộng hòa thực sự rất rời rạc. Và lại không có một thực tại nào là phản ánh triệt để và trung thực của một lý thuyết; mọi thực tại vốn dĩ là những kết tinh do đẩy đưa và luận chuyển, và mọi lý thuyết, — trong ý nghĩa hoàn hảo nhất của chúng —, bất quá cũng chỉ là một niềm hứng khởi của ý thức giúp đỡ con người theo đuổi được thực tại, dự phóng thực tại, để rồi tự điều chỉnh theo thực tại (ngay cả những quốc gia theo xã hội chủ nghĩa ngày nay cũng không phải là sản phẩm trung thực của lý thuyết Mác xít, đúng như triết gia bình dân Mỹ Eric Hoffer đã nghĩ: «Liên bang Xô viết là một nơi mà Karl Marx nếu còn sống đã bị bỏ tù vì tội ngộ thuyết» — *«the Soviet Union is a place where K. Marx would be jailed for ideological heresy»*). Hơn nữa, lý thuyết nhân vị không phải là một chủ thuyết đề đối phó, đề đương đầu với những áp lực ở ngoài quốc gia; bản chất của nó chỉ là một thứ lý tưởng mà người ta mong đợi cho nhân sinh, một đường lối phát triển có tính cách lý tưởng mà nền đức lý thiên chúa giáo muốn vạch ra cho sự tồn chức đời sống trần thế... Nhưng đời sống trần thế như thế nào, thực tại trần thế như thế nào (nhất là thực tại của những vùng đất nhược tiểu chậm tiến!), những tương quan trần thế như thế nào..., tất cả những điều đó đã tạo nên

khoảng cách giữa thực tại của V.N với chủ nghĩa nhân vị trong suốt nền Cộng hòa trước đây, một khoảng cách cũng dĩ nhiên và cũng rõ rệt như khoảng cách muôn thuở hằng có giữa lý tưởng và thực tại, giữa đức lý và cuộc đời, giữa lý trí và khát vọng tâm tởi máu lệ nghìn đời không dứt... Vì lẽ đó mà chủ nghĩa nhân vị chỉ có thể hiện diện một cách mạch lạc và súc tích ở trong mười mấy số nguyệt san «*Xã hội*» của ông Ngô đình Nhu vào những tháng cuối cùng của chiến tranh Đông dương I; và càng về sau, nghĩa là khi đã lao mình vào thực tại của chính trị nhược tiểu, khi đã bị kẹt một cách có trách nhiệm giữa một nông thôn cần cỗi tuyệt vọng và một áp lực ngày càng gia tăng của một chính lược từ bên ngoài, càng về sau thì những lý tưởng nhân vị càng mất liên lạc với thực tại V.N, bởi vì những người lãnh đạo đệ nhất Cộng hòa V.N lúc đó chỉ còn đủ thời giờ đề biện chính cho chế độ, đề củng cố chế độ, đề cứu vãn chế độ, và đề đem ra áp dụng những phương thức xử lý của *Machiavel* thay vì lý thuyết nhân vị đã một thời được nuôi dưỡng như một ánh lửa lý tưởng khởi hành.

Những người lãnh đạo nền Cộng hòa thứ nhất tại Nam Việt nam đã nỗ lực, ít ra là trong giai đoạn đầu bình an tương đối, để đem lại cho tư thể dân tộc một nội dung triển khai nào đó, và để phát huy sự sinh tồn của quốc gia trong một viễn tượng dài hạn mở rộng thời gian và không gian; nhưng chẳng bao lâu thì những khó khăn nền tảng của chính trị nhược tiểu đã hiện rõ rệt như một thân phận: độc lập và phát triển

của quốc gia nhược tiểu chỉ có thể thực hiện dựa trên hai căn bản, nếu không nói là cả hai phối hợp lại; hoặc là người ta lựa chọn xây dựng độc lập và phát triển quốc gia trên căn bản *nhân dân* tuyệt đối như một sức mạnh nội tại, hoặc người ta lựa chọn sự gia nhập vào một *tương quan quốc tế* như một căn bản thiết yếu để xử dụng nó vào việc thực hiện trong một mức độ nào đó những mục tiêu quốc gia; chọn đường lối thứ nhất tức là chọn khắc khổ và hi sinh tuyệt đối, trong lúc đường lối thứ hai lại đòi hỏi nơi kẻ xử dụng nó một *kỹ thuật* linh động đến cao độ. Miền Nam V. N, từ sau hiệp định Genève, vì nhiều yếu tố và lý do, đã đi trên đường lối thứ hai này, và, trước áp lực của Cộng Sản, trong hoàn cảnh chiến tranh, đã có một lúc nào đó mối tương quan căn bản không còn giữ được thế quân bình tốt đẹp, và một cái gì đó đã phải sụp đổ. Cái phải sụp đổ đó có thể là một chế độ, có thể là chủ quyền quốc gia, có thể là một niềm tin tưởng chung một khi đã mất đi sẽ rất khó phục hồi, trừ phi có được xúc tác mới của một biến chuyển lịch sử mạnh mẽ. Thế quân bình mất đi, thân phận nhược tiểu *vọng ngoại* bỗng thấy mình rách nát, nham nhở, lở lói, và hậu quả điển hình trầm trọng nhất trên bình diện ý thức chính trị là tình cảnh vong thân chính trị trong đó nhân dân không thể đồng hóa mình với chính quyền; hơn nữa, không thấy được một tương quan giữa ý sống của mình với cái chính quyền được tạo nên, theo nguyên tắc, để điều hợp

ý sống đó. Đó là hiện trạng của chúng ta, một thực trạng mà chúng ta sẽ phải xóa bỏ và vượt qua, với phương tiện này hay dụng cụ khác, trong cuộc diện này hay cuộc diện khác, với tất cả mọi dữ kiện có thể xử dụng được mà tiến bộ lịch sử sẽ cung hiến cho chúng ta.

Những nghi ngại và nghiệm duyệt mà chúng ta vừa trải qua về lịch sử của hơn nửa thế kỷ diễn biến của một chủ nghĩa quốc gia đồng thời cũng đã gọi lại rõ rệt lịch sử đấu tranh và sinh hoạt chính trị của tổ quốc từ đầu thế kỷ này, bởi vì từ đó đến nay lịch sử chính trị của chúng ta có lẽ gì khác hơn là những mò mẫm, những đấu tranh, những tiến thoái và trắc trở của một ý thức quốc gia đang cố gắng vươn lên để tự xác định như một chủ nghĩa quốc gia, như một thực thể chính trị giữa một xã hội quốc tế đang chuyển biến phức tạp và mạnh mẽ. Những suy nghĩ và nghiệm duyệt trên, trong lúc cho thấy những thiếu sót cũng như những trắc trở mà chúng ta đã phạm hoặc gặp phải suốt trong quá trình thể hiện ý thức quốc gia, đồng thời cũng đã gọi lên khá rõ rệt cho chúng ta những điều kiện và tiêu chuẩn cần thiết để cho tất cả những tranh đấu và nỗ lực trường kỳ này có thể tiếp tục đúng phương hướng và có kết quả. Những điều kiện, tiêu chuẩn đã tự phát hiện khi ta suy nghĩ về những thất bại và ngang trái của phong trào quốc gia V.N trong quá khứ, tự chúng cũng sẽ đánh dấu được một phương hướng đúng đắn cho việc khai triển chủ nghĩa quốc gia V.N. trong tương lai, một phương hướng mà mọi người Việt ý thức và yêu nước—, đặc biệt là trong thế hệ trẻ—, đều đã cảm nhận thấy, và có

bồn phận phải theo đuổi thực hiện.

Vậy, từ dĩ vãng, chúng ta hãy nhận định và tạm kết luận cho tương lai, một tương lai của tổ quốc Việt Nam mà sự khai triển ý thức quốc gia đã trở nên khó khăn phức tạp do sự chia rẽ ý thức hệ và do việc qua phân lãnh thổ, giữa mọi thứ chiến tranh lạnh và nóng hiện tại.

Trước hết, chúng ta hãy ghi nhận một số điều kiện và tiêu chuẩn rất cần thiết.

Với sự cáo chung của thực dân sau thế chiến II, trên thế giới hầu như không còn một quốc gia nào cần phải chống cự lại với một quốc gia thực dân xâm lăng chiếm cứ lãnh thổ một cách minh thị như trước thế chiến; tuy nhiên, thực trạng mới này đưa đến hai hệ quả: thứ nhất là thứ *chính trị cường lực* (*politique de puissance*) vẫn còn tiếp tục dưới những hình thức khác, do đó chúng ta phải hết sức thận trọng; thứ hai là đời sống của mọi quốc gia đều được quốc tế hóa, một sự quốc tế hóa nhờ đó mà chủ nghĩa thực dân theo kiểu cũ đã bị kết án và tiêu diệt. Vì vậy, không còn quốc gia độc tôn, biệt lập; không còn một chủ nghĩa quốc gia nào có thể tự khai triển trong sự hẹp hòi và cố chấp, và *khuôn khổ quốc tế* là một điều không thể tránh được cho sự sinh hoạt và phát triển của mọi chủ nghĩa quốc gia trong hậu bán thế kỷ này. Thành ra vấn đề đặt ra cho chúng ta ngày nay là làm thế nào để tìm được đường sống *trong tương quan quốc tế* mà không đánh mất chủ quyền kinh tế và chính trị, tức là một hình thức ràng buộc mới của thời đại. Và đây là kích thước trọng yếu thứ nhất của chủ nghĩa quốc

gia mới, phân biệt rõ rệt với chủ nghĩa quốc gia trước thế chiến II: trước đây, chủ nghĩa quốc gia là đề đương đầu với một đế quốc thực dân cụ thể và minh thị, phục vụ cho một dân tộc tương đối biệt lập, cho nên mục tiêu hàng đầu là ý niệm *độc lập quốc gia*; ngày nay, với tình trạng mới trên trường quốc tế, hình thức xâm lăng thực dân minh thị là một điều không thể quan niệm được nữa, chính trị cường lực và chính trị quyền lợi lại được sắp xếp trên những dữ kiện vượt khỏi biên giới quốc gia, cho nên chủ nghĩa quốc gia mới cần được xây dựng trên ý niệm *liên lập* (*interdépendance*) *quốc tế*, nhằm phục vụ cho chủ quyền quốc gia và sự phát triển dân tộc trong khuôn khổ giềng mối sinh động và tế nhị của tương quan quốc tế. Tuy nhiên, muốn thực hiện có kết quả sự phát triển dân tộc trong khuôn khổ liên lập này, ta sẽ cần một điều kiện tiêu chuẩn nữa, và cũng là một kích thước quan trọng cho một chủ nghĩa quốc gia hữu hiệu, đó là sự *hậu thuẫn và tham gia tuyệt đối của một đại chúng được hướng dẫn, soi sáng*. Hậu thuẫn của nhân dân là một sức mạnh nội tại tiên quyết không thể thiếu sót được trong mọi vận động lịch sử lớn hay nhỏ, và những người Cộng sản, hơn ai hết, đã nắm vững và đã vận dụng được yếu tố này để đạt tới những kết quả như hiện tại. Và những «chiến sĩ quốc gia» theo kiểu cũ chỉ cần nhìn lại lịch sử tranh đấu đẹp đẽ của mình để hiểu được tại sao các phong trào quốc gia chưa bao giờ đóng được một vai trò nào có thực chất và có sinh lực hơn là vai trò một «bề mặt chính trị bản xứ». (*une façade politique indigène*, một lần nữa, chữ của Paul Mus..). Cho nên,

chủ nghĩa quốc gia mới phải được quan niệm và qui mô hóa bởi tầng lớp ý thức của dân tộc, từ những nhu cầu và viễn tượng thiết yếu của dân tộc, từ đó thấp sáng được trong lòng đại chúng một ý thức minh bạch và phổ biến đề hướng dẫn, thống nhất mọi nỗ lực và hành động.

Như chúng ta đã thấy trong phần trước, độc lập và phát triển của một quốc gia đang khai triển chỉ có thể thực hiện dựa trên hai căn bản: hoặc là căn bản nhân dân tuyệt đối như một sức mạnh nội tại, hoặc là căn bản tương quan quốc tế như một môi trường được vận dụng để theo đuổi những mục tiêu quốc gia; và nếu đường lối thứ nhất đòi hỏi khắc khổ, hi sinh đến cao độ, thì đường lối thứ hai lại đòi hỏi nơi những người sử dụng nó một kỹ thuật thực linh động và thông minh. Và chúng ta cũng đã thấy, từ sau thế chiến II, những vận động quốc gia nối tiếp nhau trên giải đất này đã phiêu lưu trong đường lối thứ hai trong lúc chưa có được một kỹ thuật linh động, khoáng đạt, và quyền biến cần thiết. Sự thực, nhất là đến giai đoạn này đây của lịch sử, mọi vận động quốc gia muốn thành công đều phải vận dụng phối hợp được cả hai căn bản nói trên, để có thể có được một tiếng nói xứng đáng trong xã hội quốc tế đang theo đuổi chính trị cường lực và quyền lợi ngày nay.

Thiếu một trong hai điểm tựa đó, mọi vận động quốc gia nhược tiểu sớm muộn sẽ bị bẻ gãy, hoặc hi sinh một cách dễ dàng cho quyền lợi quốc tế vào một lúc cần thiết hay thuận lợi cho người. Điều kiện tiêu chuẩn thứ ba cần thiết trong việc quan niệm và điều động một chủ nghĩa quốc gia thực tế và hữu hiệu, là phải

xây dựng nó trên một căn bản *động*, nghĩa là ý thức và chủ nghĩa phải luôn luôn có khả năng biến hóa và cập nhật theo sát và theo đúng với nhu cầu, với thực tại. Về điểm này, những kinh nghiệm khi đối diện với lý thuyết, với chiến thuật, chiến lược Cộng sản, đã cho ta thấy rõ một căn bản *động* trong quan niệm cũng như trong phương thức điều động ý thức hệ đã đem lại cho sự đấu tranh chính trị một mức độ hữu hiệu như thế nào... Dựa trên những kinh nghiệm đó, cũng như dựa vào những biến đổi của chủ thuyết Cộng sản trong hơn 50 năm lịch sử hóa vừa qua, ta đã thấy được rõ rệt rằng đấu tranh chính trị cần một ý thức chỉ đạo vững vàng, nhưng ngược lại cũng không có một cuộc vận động lịch sử nào có thể thành tựu nếu cứ cố chấp với ý thức hướng dẫn khởi đầu. Ý thức là kết tinh của thực tại, cho nên điều kiện thiết yếu để cho một chủ thuyết được hữu hiệu là tính cách sinh động uyển chuyển phù hợp với những hoàn cảnh và dữ kiện cũng biến chuyển không ngừng; ý thức là ánh sáng cứu rỗi tiên quyết, nhưng cũng không có một chủ thuyết nào có thể cứu vãn nổi thực tại một khi chủ thuyết đó đã chết, nghĩa là đã mất hết tương quan với thực tại. Chủ nghĩa quốc gia của chúng ta cũng không nằm ngoài cái cơ cấu tương quan sắt thép đó giữa ý thức với thực tại, do đó cũng không có lý do gì để cuộc vận động quốc gia của những năm 1970 phải câu nệ ràng buộc với những lý tưởng, những chiêu bài của ý thức quốc gia đã được đề cao và sử dụng cho những giai đoạn lịch sử đã cáo chung.

Ba điều kiện thiết yếu nêu trên, thiết yếu cho mọi chủ nghĩa quốc gia đang triển khai muốn trở nên hữu hiệu (*tương quan*

quốc tế, hậu thuẫn và tham gia tuyệt đối của đại chúng, tính cách sinh động của chủ thuyết), đều là những điều kiện tiêu chuẩn liên hệ mật thiết với nhau, cùng nhau tạo nên một thể liên hoàn vững chãi và sáng suốt cho việc điều động chủ thuyết cũng như trong việc khai triển các vận động quốc gia. Nếu điều kiện (1) và (2) cần được vận dụng phối hợp để cho vận động quốc gia không bị bẻ gãy hoặc hi sinh cho quyền lợi quốc tế, thì các điều kiện (2) và (3) cũng phải dựa vào nhau để đem lại thể chủ động cho phong trào quốc gia, bởi vì chỉ có chủ động khi có một ý thức sáng suốt được yểm trợ bởi một lực lượng nội tại; và trong mối tương quan giữa các điều kiện (1) và (3) là tất cả vấn đề chính sách, phương hướng đối ngoại của ta; vấn đề này quan trọng như thế nào, chúng ta đã rõ, một khi đã đồng ý rằng một trong những kích thước của chủ nghĩa quốc gia mới là ý niệm liên lập quốc tế đã thay thế cho ý niệm độc lập quốc gia; chính trong lúc ta nắm vững được hai điều kiện (1) và (3) mà ta mới có thể giải quyết được thỏa đáng những phương hướng và biện pháp đối ngoại có tính cách sống chết cho một chủ nghĩa quốc gia nhược tiểu. Chẳng hạn, trong một bối cảnh lịch sử nào đó, một chủ thuyết quốc gia sinh động sẽ cho phép và giúp đỡ ta định hướng đúng, giải quyết đúng vấn đề vị trí hóa quốc gia trong tương quan quốc tế nào, với những mục tiêu ngắn hạn, dài hạn như thế nào ..., và đặc biệt là chỉ có một ý thức sinh động mới tránh được cho người quốc gia cái bệnh câu nệ giáo điều thiên cận, bệnh hình thức giả dối và dĩ nhiên là vô hiệu. Chỉ với một ý thức quốc gia mãnh liệt, khoáng đạt,

và sáng tạo liên tục, người quốc gia V.N mới hi vọng có đủ sáng suốt và can đảm để quan niệm được, điều động được các vấn đề quốc gia trong một viễn tượng hữu lý vượt khỏi những bế tắc cũng như những tranh chấp sản phẩm của giai đoạn. Thiết tưởng giai đoạn lịch sử hiện nay chính là một giai đoạn đòi hỏi đặc biệt nơi những người quốc gia một tinh thần yêu nước cao độ gắn liền với một viễn kiến đã được gạn lọc hết những cặn bã những vướng mắc của một quá khứ quốc gia chủ nghĩa cằn cỗi, cổ chấp, hoặc uơ hèn, ảo tưởng, thụ động ...

Và bây giờ đây, 14 năm sau hội nghị Genève về Việt Nam, giữa lúc những cuộc nói chuyện, cũng về vấn đề Việt Nam, đang khai diễn tại Ba Lê, giữa lúc những nước Cộng sản Đông Âu đang thích nghi hành động trước làn sóng tự do hóa và quốc gia hóa đang lan rộng, dẫn đầu bởi các biến động chính trị tại Tiệp Khắc, giữa lúc Trung Cộng đang chủ chiến và Bắc Việt chủ hòa cùng với Nga Xô, giữa lúc tuyệt đại đa số người V.N đang mong mỏi hòa bình để ngưng nghỉ, để lấy lại hơi thở, và để sống còn bên cạnh những ảo tưởng lý thuyết ..., thì đã rõ ràng là ý thức quốc gia Việt Nam đang cần thiết chuyển mình điều chỉnh cho phù hợp với giai đoạn thứ ba trong quá trình đấu tranh để tự thể hiện của những quốc gia chậm tiến và bị trị. Giai đoạn này, trên toàn thế giới, được đánh dấu bởi hai vận động đồng qui: vận động quốc gia hóa, địa phương hóa của chủ nghĩa quốc tế cũ; và vận động đề quan niệm lại các vấn đề quốc gia, địa phương, (và giải quyết chúng), trong những kích thước quốc tế. Hai lực

lượng vận động lịch sử này sẽ đưa thế giới đến một thế quân bình mới, và cho phép con người hướng về viễn tượng của một tổng hợp đề lịch sử (mà tiền đề là tư bản, thực dân, và phong kiến, và *phản đề* là phong trào Cộng sản quốc tế), đúng như nhiều người đã tế nhận, cùng với Milovan Djilas của Nam Tư. Nhưng, cho đến hiện tại, ta chỉ mới có thể ghi nhận hai vận động đồng qui nói trên mà thôi; và hiện trạng đó là tất cả bối cảnh trong đó chủ nghĩa quốc gia mới tại Việt Nam sẽ phải tự thích nghi, điều chỉnh, biến hóa, và khai triển.

Trong bối cảnh này, đâu là phương hướng cho vận động quốc gia đang khai triển, đặc biệt là vận động của chủ nghĩa quốc gia mới tại Việt Nam? Muốn nhìn rõ phương hướng mới, chỉ cần nhìn lại nguồn gốc và quá trình của các vận động đã qua hoặc còn tiếp tục đến nay. Một cách tóm lược, như ta đã thấy, chủ nghĩa quốc gia tại V.N trước hết là đề chống thực dân; sau đó, với diễn tiến của lịch sử, người ta đã muốn chuyển nó thành một khí cụ đề chống Cộng sản. Nhưng cũng cần lưu ý rằng phong trào Cộng sản tại V.N trong nguồn gốc, cũng chính là một vận động của ý thức quốc gia, do đó mới có tình cảnh ngang trái, khúc mắc, và nhiều ần nghĩa đề nặng lên chính trị và chiến tranh V.N từ hơn 20 năm nay, và cho đến hiện giờ những người lãnh đạo Cộng sản V.N vẫn còn cố gắng xử dụng triệt để yếu tố này. Điểm thứ hai cần lưu ý là nếu chủ nghĩa quốc gia V.N đã được chuyển từ vị thế chống đế quốc thực dân sang vị thế chống Cộng sản bởi diễn tiến của lịch sử, thì cũng chính diễn tiến lịch sử, từ lâu, đã đem lại một tình hình mới giữa 2

thế giới Cộng sản và Tự do, kể từ khi Staline từ trần và phong trào «sống chung hòa bình» được manh nha. Hai điểm lưu ý nêu trên là đề cho chúng ta ngày nay thấy rõ rằng: chiến tranh V.N phần lớn do *cảnh huống* đặc biệt của nhà nước Cộng sản Bắc Việt *trong môi trường đặc biệt của Cộng sản Á châu mà thành trì là Trung quốc*,—và, một khi đã nhìn nhận một cách chân thành và huynh đệ rằng chính ý thức quốc gia đã là niềm hứng khởi chung bàng bạc trong nguồn gốc của các cuộc vận động quốc gia cũng như Cộng sản tại Việt Nam, thì người Việt ngày nay đã có thể hướng về một tương lai sáng sủa và *ngghiêm chỉnh* hơn,—ngghiêm chỉnh hơn là những trò hô hào *múa rối* đồng bóng, thiếu hẳn ý thức quốc gia thực sự, đã tái diễn nhiều lần trên đất nước này trong bao lâu nay. Nếu thế giới đã tìm được một phương hướng thỏa hiệp, nếu nhiều quốc gia,—Cộng sản cũng như Tự do—, đã khôn ngoan tìm được những vị thế phát triển độc lập và thanh bình, thì không có lý do gì để người Việt lại thiếu khôn ngoan tiếp tục giữ mãi vai trò *bạc bẽo* của những tên nạn nhân, *múa rối* cho quốc tế. Tất cả phương hướng cho vận động quốc gia của ta hiện nay bao hàm trong sự phản tỉnh đó, cũng như nó đã tiềm tàng trong *tinh thần Việt Nam, cội rễ và duy nhất, khởi sự phân ly* kể từ *khí đổi diện với văn minh Tây phương*.

Từ đó, chúng ta đã có thể hướng về một viễn tượng *tổng hợp* cho lịch sử V.N, trong khuôn khổ vận động tổng hợp của thế giới vào đoạn cuối thế kỷ 20. Dầu sao, đó là viễn tượng tương đối dài hạn. Ngay bây giờ, đề khởi hành, và khởi hành đúng phương hướng, ta có vài điều cần phải quan niệm và thực hiện,

nhằm mục đích bảo vệ sự sống còn của dân tộc, đồng thời cũng là để đặt một căn bản hợp lý và hữu hiệu cho việc triển khai chủ nghĩa quốc gia Việt Nam trong tương lai. Những điều cần phải quan niệm lại, và cần phải thực hiện đó,—ta có cần nhắc lại chẳng?—, đang bị thôi thúc bởi tình cảnh và nhu cầu của *giai đoạn chuyển tiếp* hiện nay, một giai đoạn trong đó nhu cầu hàng đầu của mọi vận động quốc gia chậm tiến trong thế giới thứ ba là phải tạo nên được một thể quân bình sinh động giữa một vùng đất Cộng sản đang biến cải và một khối tư bản đang trở nên thông minh hơn cũng như đang cần tự vệ.. Và cũng thực rất dễ hiểu là những điều cần quan niệm, cần thể hiện trong giai đoạn hiện nay chỉ là những phóng ảnh của một quan niệm dài hạn về một vận động quốc gia đã được đặt lại trong một phương trình mới, trong những kích thước mới. Vậy, trong giai đoạn này, người Việt phải quan niệm và hành động như thế nào?

Về mặt đối ngoại, mọi người Việt đã tranh đấu trong ý thức đều đã nhận thấy rằng quốc gia Việt Nam, do vị trí địa lý chính trị, do hoàn cảnh lịch sử, do hiện trạng phát triển, thế nào cũng phải hội nhập vào một khuôn khổ thể lực có tính cách quốc tế để dựa vào đấy mà thực hiện những chủ đích quốc gia của mình. Cho nên, vấn đề đặt ra cho những người lãnh đạo chính trị tại V.N từ nay không phải là làm sao loại bỏ những ảnh hưởng quốc tế, mà là: ta phải lựa chọn tương quan thể lực quốc tế nào, trong mỗi bối cảnh lịch sử nhất định, để có được tối đa cơ hội và thuận lợi cho việc theo đuổi khai triển những mục tiêu quốc gia? Chẳng hạn Bắc Việt đã có lúc hướng

về Nga xô, đã có lúc hướng về Trung Cộng, và thường là cố gắng giữ quân bình giữa hai thành trì của cách mạng Cộng sản.. Và Nam Việt nam? *Miền Nam sẽ phải chọn lựa khuôn khổ thể lực nào, trong mỗi bối cảnh lịch sử?* Đó là vấn đề mà mọi người lãnh đạo chính trị ở đây, trong hiện tại và trong tương lai, sẽ phải giải quyết thích đáng, sẽ phải trả lời đúng mức. Và điều khó khăn không phải là trong việc giải quyết vấn đề, mà là làm sao giải quyết được đúng mức đồng thời không mang tiếng là «Việt gian»...

Về mặt đối nội, (đối nội theo nghĩa đi tìm lại một tinh thần Việt Nam cội rễ và duy nhất), người Việt lại càng cần nhiều sáng suốt và can đảm để có thể giải quyết câu chuyện Việt Nam trong một viễn tượng dài hạn và mở rộng. Sau hơn hai mươi năm *tranh đấu phân ly*, và nhằn nại chịu đựng, ít nhất người V. N cũng đã bắt đầu thấu hiểu *nguồn gốc, động lực*, cũng như hậu quả của lịch sử phân ly đó. Và lúc mà người Việt bắt đầu thấu hiểu những điều này, cũng là lúc ta có thể bắt đầu hi vọng vào sự hình thành một quan niệm dân tộc nghiêm chỉnh, từ đó bắt đầu kết tụ được sinh lực dân tộc vẫn phân tán trong bao lâu nay. Muốn được như thế, phương hướng chống Cộng tại Nam V. N phải được tiếp tục, nhưng trong một quan niệm được điều chỉnh lại, theo đó *tình tự dân tộc phải được đặt lên hàng đầu*, nghĩa là ngay trong cuộc chiến đấu bắt buộc đang tiếp diễn, người Việt vẫn phải đồng thời phóng được tầm mắt vượt khỏi những tranh chấp và phân ly giai đoạn. Trong trách nhiệm này, miền Nam phải hãnh

diện được gánh vác phần nặng hơn, bởi vì, mặc dầu tất cả, miền Nam V. N vẫn là vùng đất quê hương trên đó còn có tự do và sáng tạo...

Nói như thế rồi, trách nhiệm vẫn là trách nhiệm song phương, trách nhiệm chung của tất cả mọi người Việt đối với tương lai của một Tò quốc duy nhất. Trong viễn tượng đó, cả hai miền Nam Bắc cần phải giúp nhau giữ được cương vị quốc gia, cần phải thấy được rõ ràng lịch sử để không vì những mây mù của giai đoạn mà tạo nên những cảnh hưởng bất lợi cho viễn tượng dân tộc, chẳng hạn cảnh hưởng có thể xảy đến trong đó miền Nam hoặc miền Bắc bị tràn ngập bởi những lực lượng ngoại bang phục vụ trước hết cho quyền lợi chiến lược của chính họ. Cụ thể hơn, người Việt đều nhận thấy rằng cả hai miền quê hương đều đang nằm trong hai guồng máy quốc tế, và trong hoàn cảnh này điều cấp thiết là những người Việt lãnh đạo hai miền phải khẩn tiếp và yêu nước để tránh cho Tò quốc, trong giai đoạn chuyển tiếp này, khỏi bị hai guồng máy kia nghiền nát. Thiết tưởng điều này không quá khó thực hiện, nếu những người lãnh đạo thực sự yêu nước, bởi vì tình hình thế giới đang biến chuyển thuận lợi cho chúng ta trong việc chuyển hướng này.

Riêng về phía Việt Nam quốc gia, để góp phần thực hiện chiều hướng lịch sử nói trên, miền Nam còn cần phải quan niệm một nhiệm vụ nữa đối với Bắc Việt : đó là nhiệm vụ chuẩn bị mở đường cho Cộng Sản Bắc

Việt trở thành một thứ quốc gia chủ nghĩa. Điều này, mà một số ít người Mỹ đã nghĩ đến, mà chính phủ Mỹ đã lầm lẫn bỏ qua sau thế chiến II, ngày nay đã có được những cơ hội thuận lợi mới để thực hiện. Phần còn lại tùy thuộc vào ý thức, kỹ thuật, và tâm hồn của những người lãnh đạo hai miền...

Miền Nam chúng ta đang có chính nghĩa trường kỳ. — ở đâu có Tự do và Sáng tạo. ở đó có chính nghĩa dài hạn —, thì chúng ta còn đầy đủ tự tin để tồn tại như một thực thể, và hơn nữa, tồn tại như một thực thể xúc tác. Và nhiệm vụ của một vùng đất trên đó có Tự do và Sáng tạo phải là một nhiệm vụ xúc tác cho toàn thể môi trường, ở đây hẳn là môi trường Việt Nam, với một lãnh thổ và dân tộc duy nhất. Miền Nam V.N hiện nay, với một quân lực hùng mạnh vào bậc nhất Đông Nam Á (nhận xét của một ủy viên quân sự khu R), với sự tồn tại của Tự do và Sáng tạo như một lý tưởng mà ta sẽ mãi mãi bảo vệ, bây giờ nếu ta thông minh hơn trong chiến lược quốc tế và tạo thêm được sinh lực trong sinh hoạt nội bộ, ta có thể tin tưởng sắt đá rằng phong trào Cộng sản V.N sẽ bị giải hóa dễ dàng, và chính từ một Miền Nam cường thịnh, chứ không phải từ miền Bắc, sẽ xuất phát cuộc vận động lịch sử vĩ đại để hòa giải dân tộc. Với lãnh đạo tốt, thì viễn tượng trên chính là viễn tượng của Nam V.N, và nhiệm vụ trên chính là nhiệm vụ của ta ; chúng ta phải có đủ kích thước để nắm vững thực tại này cũng như để hoàn thành nhiệm vụ lịch sử đẹp đẽ đó, nhất là trong lúc tình hình thế giới tổng quát đang biến thái thuận lợi cho ta trong chiều hướng đã vạch. Miền Nam có thể

tự tin, và đang có một số yếu tố căn bản dài hạn để xây dựng niềm tin tưởng; và để cho niềm tin được đốt sáng thành hành động cụ thể, điều cần thiết là phải nhìn thấy được diễn biến dài hạn của tình thế, nghĩa là phải vượt khỏi những khó khăn, những mâu thuẫn và bế tắc có tính cách giai đoạn.

Do đó, vấn đề là phải làm mới lại một quan niệm về quốc gia chủ nghĩa tại Việt nam, Cộng sản và không Cộng sản. Trong giai đoạn chuyển tiếp hiện nay, điều mà hai miền Nam Bắc cần thi đua hơn hết, là sự thi đua đề nội dung hóa và cập nhật hóa một lập trường quốc gia dân tộc, đối diện với một thế giới mới đang biến thái trong cả hai vùng Cộng sản và không Cộng sản. Trong ý hướng này, miền Nam sẽ tự tin và sáng suốt chuẩn bị mở đường cho miền Bắc tiến tới một hình thức quốc gia chủ nghĩa, trước khi đạt được một chủ nghĩa dân tộc thống nhất vào cuối thế kỷ 20. Và, trong mọi giai đoạn, trong mọi trường hợp, vận động quốc gia V.N trong thế kỷ này bao giờ cũng cần được lồng vào một cách khéo léo và đoàn kết trong một chiến lược thế lực quốc tế.

Bây giờ, còn một điểm nữa cần ghi lại ở đây, chung quanh những thắc mắc về lý thuyết chỉ đạo, bởi vì « lý thuyết », cũng như « cách mạng », vốn vẫn là những thắc mắc quẩn rữ đối với tuổi thanh xuân... Thực ra, điều cần nói ngay và nói trước, là không có lý thuyết nào cố định, và mọi thứ cách mạng cũng chỉ là vấn đề của giai đoạn; cách mạng trong giai đoạn này, có thể trở nên bảo thủ trong giai đoạn khác, cũng như người ta có thể, với biến chuyển của lịch sử, từ cực tả đương nhiên trở thành cực hữu một cách dễ dàng... Nói như thế chỉ

để cho tuổi trẻ V.N ngày nay phân định được rõ rệt ý nghĩa cũng như giá trị thực sự của mỗi sự việc trong từng giai đoạn, từng hoàn cảnh, và tránh không để bất cứ một thứ gì trở nên có một tác dụng ma túy, dù đó là « ý thức hệ » hay « cách mạng » ! Chẳng hạn, về lý thuyết, có bao nhiêu tương quan còn tồn tại thực sự giữa những điều mà Karl Marx đã nghĩ ngợi tại Anh quốc trong thế kỷ 19 với hiện trạng của thế giới Cộng sản, hoặc những cuộc tấn công sách động của M.T.G.P.M.N tại Nam V.N ngày nay ? Có được bao nhiêu phần liên tục qua chuỗi dài từ Lénine, Trotsky, Staline, Mao Trạch Đông, đến Hồ chí Minh, Trường Chinh, Tito, Dubicheck ... ? Sự thực, chỉ có những giai đoạn nối tiếp nhau, những thực tại của từng môi trường, với những phản ứng và phương thức xử lý biến dịch tùy theo mỗi hoàn cảnh và định mệnh... Cho nên, cuồng tín cố chấp với lý thuyết, hay mãi mãi kêu gào cách mạng như một nhu cầu sinh lý, đều là phản tiến hóa, và phản ... cách mạng.

Danh từ « cách mạng », phát sinh từ những biến chuyển xã hội của Âu châu trong các thế kỷ trước, đã du nhập qua Á châu cùng với văn minh da trắng; nhưng, ngày nay, cũng do biến chuyển xã hội, ngay tại đất xuất phát của nó là Âu châu, ý niệm « cách mạng », cũng đã xuống giá lắm rồi... Tại Pháp,—linh hồn của ý thức cách mạng Âu châu—, người ta đã đề nghị thay thế chữ « tranh đấu » bằng chữ « hoạt động », và đang nghiên cứu thiết lập một thứ tả phái mới, được gọi là « Tả phái hiện đại », mà nhu

cầu hàng đầu là khả năng quản trị (une gauche de gestion), thay vì khả năng khuấy động và triệt hạ như trước đây (J.J. Servan Schreiber, *Le défi américain*, Paris 1967). Tuy nhiên, Á châu không phải là Âu châu, cho nên danh từ « tranh đấu » có lẽ phần nào đã lỗi thời bên kia trời Âu, nhưng tại Á châu nghèo khổ, anh dũng, và cao kỳ, thì, dưới hình thức này hay hình thức khác, sự tranh đấu để sinh tồn và cho một ý nghĩa lịch sử nào đó vẫn còn tiếp tục. Và những điều gọi lại trên đây chỉ là đề cho những ưu tư về chủ nghĩa và những kích thích của cách mạng không còn có tác dụng như những mộng mị ma túy trên thế hệ thanh niên mới, đề cho tuổi trẻ tiến bộ mới tại đây có thể thống nhất và xây dựng lại dân tộc trong một tinh thần thực tiễn và khẩn cấp. Dù sao, trong hiện trạng phát triển của quốc gia và thế giới, có một điều mà tuổi trẻ ngày nay có thể ghi nhận như một thái độ tinh thần cần thiết trong phương hướng hành động, là: cái gọi là « cứu thế bằng cách mạng » (Messianisme révolutionnaire) một thời được ấp ủ như một tôn giáo mới, ngày nay đã hiện nguyên hình như một trong nhiều thứ ma túy cần thiết cho nhân sinh; riêng trong lịch sử Việt nam, điều đó tựu trung chỉ là một thứ ảo ảnh của ý thức tiêu tư sản trong thời kỳ đen tối mê thiếp của phong kiến, thực dân, và nhất là tiền chiến. Ngày nay thì đã có thêm một yếu tố mới, một yếu tố có tính cách quyết định trong vốn liếng kinh nghiệm và cảm quan của thế hệ, đó là kinh nghiệm hơn 20 năm « chiến tranh cách mạng » để dẫn dắt đến một hiện tại vật chất rách nát

tinh thần vừa tù lỳ vừa giáo điều, những hy sinh mộng mị vô ích. Cách mạng vẫn chỉ là một viễn tượng cho những ai cần đến nó để trang trải kiếp làm người. Trong thực tế thì ngày nay có rất nhiều thứ Cộng sản, — Cộng sản Nga, Cộng sản Trung hoa, Cộng sản Nam tư, Cộng sản Tiệp khắc, Cộng sản Nam Mỹ châu, Cộng sản da đen, Cộng sản Bắc Việt, Cộng sản M.T.G.P.M.N. v.v... —, nghĩa là chẳng « cộng sản » chút nào. Và chỉ có những thực tại của tiến hóa cần phải giải quyết theo nhu cầu, theo định luật của từng môi trường, từng giai đoạn mà thôi. Che Guevara đã chết, Herbert Marcuse là một bô lão, Mao Trạch Đông đang ưu tư về chính sách và bờ cõi của nước Tàu sau khi mình băng hà giống như những tiền đế thời Đông Châu liệt quốc... và trên khắp thế giới còn có nhiều người trẻ tuổi đang muốn làm Che Guevara trong cung cách định mệnh của riêng mình... Đó là đời sống... kể từ ngàn xưa. Đó là tuổi trẻ... đại khái như chàng thanh niên André Malraux của những năm giang hồ tại Á châu trước thế chiến; cách đây không lâu, Malraux là một nhà trí thức về chiều đứng thẳm mồ hôi trán trước những cổ tượng Hy Lạp. Hiện nay, Malraux là quan đại phu của một De Gaulle không còn được dân Pháp ưa chuộng bao nhiêu. Như thế có nghĩa là chỉ có thực tại của mỗi giai đoạn trong diễn trình tiến hóa miên viễn mới đáng kể. Và mọi lý thuyết chỉ đáng tin cậy khi được phát sinh từ thực tại của mỗi giai đoạn, được sử dụng hữu hiệu cho giai đoạn đó mà thôi.

Cho nên, nhu cầu hàng đầu cho V.N. hiện nay cũng không

hắn là lý thuyết hay ý thức hệ như nhiều kẻ ham chuộng suy tư thường lên tiếng kêu gọi. Nhu cầu khẩn thiết ở đây là có được một lãnh đạo soi sáng bởi một viễn kiến lịch sử, mãn tiệp, và giàu kỹ thuật. Nhu cầu ở đây là một ý thức đầy đủ cho mỗi giai đoạn, với dĩ vãng và tương lai của nó. hay, nói cách khác, một ý thức đủ khả năng đề xữ lý hiện tại theo hàm số của quá khứ và tương lai. Chỉ có một ý thức chính trị và lịch sử như thế là cần thiết, và nếu có lý thuyết, thì chỉ những lý thuyết phát sinh từ một ý thức thực tiễn như vậy mới hữu hiệu và đáng tin cậy. Bằng chứng là, ngay trong "ý thức hệ" có cơ sở và hệ thống nhất trong lịch sử chính trị là ý thức hệ cộng sản, những phương châm chỉ đạo thực sự hữu hiệu và có công dụng xây dựng nên thực tại chính là những nhận định của ý thức bám sát được mỗi giai đoạn trong một viễn kiến tổng quát; chẳng hạn như *Lénine* đã định nghĩa xã hội chủ nghĩa vào năm 1917 như sau: "Xã hội chủ nghĩa = các xô viết + sự điện lực hóa" (*Socialisme = les Soviets + l'électrification*). Hơn nữa, từ một phía khác, một trăm năm sau những tiên liệu của Marx về biến chuyển định mệnh của hệ thống tư bản, khi những tiên liệu này đã tỏ ra không sát với thực tế, thì nhiều người cũng đang miễn cảm thấy một bóng dáng nào đó của một xã hội chủ nghĩa mới, cùng với một phương thức đề thể hiện nó trong tương lai, chẳng hạn khi *J. Schumpeter* cho rằng một chế độ tư bản đến một giai đoạn nào đó có thể chuyển thành chế độ xã hội chủ nghĩa một cách nhẹ nhàng tự nhiên mà không gây xáo

trộn chống đối quan trọng (*J. Schumpeter: Capitalisme, Socialisme et Démocratie, — Paris 1951*). Vậy thì, tại V.N. trong những năm quyết liệt này, vấn đề không hẳn là tạo dựng cho bằng được một lý thuyết dài hạn đề rồi heo đó mà hành động bất biến; điều mà chúng ta cần là sự khai triển một ý thức mạch lạc và sáng suốt về một thực tại biến chuyển sinh động. Chỉ có thế thôi. Và nếu đạt được điều này, chủ nghĩa quốc gia mới tại V. N sẽ có nhiều hi vọng để khai triển được một nội dung đúng phương hướng, một chính lược xác thực, hữu hiệu, và phù hợp với mỗi giai đoạn.

Diễn tiến của vận động quốc gia trong quá khứ, với những thành tựu và thất bại của nó, đã cho ta thấy những điều kiện tiêu chuẩn cần thiết để có thể tiếp tục hữu hiệu; và những điều kiện tiêu chuẩn tìm thấy đó, đồng trong diễn biến hiện tại và tương lai của lịch sử, có thể dẫn dắt thể hệ Việt Nam hiện đại trên những con đường đúng hướng để tiến tới một tương lai Việt Nam thống nhất và, dĩ nhiên, mãnh liệt hơn. Hòa bình mà người ta đang xúc tiến đây đó, dưới ánh sáng của một ý thức lịch sử dài hạn, chỉ là vấn đề thanh toán một dĩ vãng không thể chịu đựng thêm nữa. Bởi vì lịch sử thực sự có những áp lực mãnh liệt riêng của nó. Những vấn đề thực sự sẽ chỉ được đặt ra, và phải giải quyết, sau cuộc hòa đàm. Chúng tạo nên tương lai của chúng ta, và chúng tùy thuộc, ngay từ bây giờ vào tinh thần và kỹ thuật của người Việt để biến giải

đoạn thử thách máu lửa ngang trái này trở thành một bàn đạp tiến lên một giai đoạn nghiêm chỉnh và huy hoàng hơn sẽ đến./.

NGUYỄN TRẦN KIỀM

HUỲNH PHAN ANH

khoảng trống

Tôi sống với những câu hỏi không ngừng đặt ra. Tôi sống, tôi trở thành cơ hội của những câu hỏi. Những câu hỏi rất tầm thường, không thúc bách, không quyết liệt. Chúng không cần sự trả lời bởi vì có thể tự chúng sẽ (đã) biến thành câu trả lời, có thể câu trả lời sẽ đến muộn màng khi chúng đã biến mất. Những câu hỏi, thí dụ : Tôi đang ở đâu ? Tôi đang đi đâu, về đâu ? Ai, cái gì đang đợi tôi trước mặt, đang rình rập quanh tôi ? Chúng đến trên những bước chân tôi đi tới trên những bước chân tôi dừng lại. Chúng đến trong những khoảnh khắc của một ngày, một đời. Chúng đến từ một cánh cửa đang đóng sầm lại hay sập mở, từ một bàn tay vẫy gọi hay một đôi mắt từ khước. Chúng đến trong bóng tối đêm tôi, trong ánh sáng ngày tôi.

Hỏi không chỉ là tài năng của trí tuệ tôi muốn đi tới cuộc đời, muốn chiếm đoạt vũ trụ, không chỉ là lo lắng hay mưu toan của triết học. Hỏi không là một cách thể ở đời hay xử sự của tôi trước những hoàn cảnh riêng biệt. Bởi sống tức là sống trong chuỗi dài những câu hỏi. Sống là kinh nghiệm của hỏi. Sống là

hỏi. Tôi hỏi không đề trả lời hay được trả lời. Tôi hỏi, có thể câu trả lời đã nằm trong câu hỏi tôi, câu trả lời về tôi về cuộc đời về tất cả *như* một câu hỏi thường trực nêu lên, đời mới và không bao nửa tách rời. Đây không là một cách chơi chữ suông hay một trò nghịch lý đơn giản. Tôi đến với cuộc đời này, tôi nhìn ngắm nói năng hay quờ quạng tay chân, nghĩa là tôi không ngớt thăm dò, đi tới i đồng thời không ngớt đứng ở đầu một khoảng cách, ở bên này biên thù, khoảng cách và biên thù cấm đoán tôi trở thành «thước đo vạn vật». Hỏi (Platon : sự ngạc nhiên) không đưa tới nhận thức. Nó đưa tới kinh nghiệm : tôi trong câu hỏi và câu hỏi trong tôi.

Tại sao. Đó là hai tiếng không ngừng hiện đến, trở về, lảng vảng trong suốt đời người. Đời người hay kinh nghiệm chữ «tại sao?». Tôi hỏi tại sao trước cuộc đời, vũ trụ, tha nhân, những sự việc hoàn cảnh ngoài tôi trong tôi hay một nơi nào không xác định. Tại sao cuộc hiện hữu này? Tại sao tôi? Tôi hỏi *tại sao* và tôi biết. Tôi sẽ không bao giờ thoát ra được nữa. Bởi nó sẽ ám ảnh tôi, sẽ còn trở lại trên tôi, sẽ đánh tan mọi cảm giác bình yên, mọi ngưng nghỉ của tâm hồn. Tôi hỏi tại sao và tôi nếm mùi khốn khổ. Tôi đứng trước sự thật, sự thật của hiện thể và hư vô, có và không, sống và chết, hiện sinh và tinh thể, thời gian và vĩnh cửu. Tôi hỏi tại sao cuộc đời này, tại sao tôi, tức là tôi ngắm ngẫm hỏi tại sao cuộc đời này thay vì cuộc đời khác, tại sao tôi thay vì kẻ khác. Tôi hỏi tại sao tức là tôi ngắm ngẫm hỏi tại sao cái này thay vì cái khác. Câu hỏi nền tảng của triết học, theo lời Heidegger là *Tại sao có hiện thể hơn là*

(thay vì) không có gì (hư vô, vô thể)? Phải chăng đó chỉ là một câu nói thừa bởi tất cả đã bao hàm trong chữ tại sao. Điều tôi muốn nói : chữ tại sao ngăn tôi giữa hai bến bờ, hai thể giới, đặt tôi vào chân trời vô định, một nơi nào vô định giữa bóng tối và ánh sáng.

Tại sao tôi? Tôi có thể hỏi về mọi sự nhưng chỉ đề quáy về tôi : Tại sao tôi? Một câu hỏi khi nêu lên đã đặt người hỏi thành vấn đề, thành chính câu hỏi. Đó là tôi đã gặp gỡ tìm thấy chính mình không như một Thượng Đế mà như một con người (Thượng Đế chỉ khẳng định và do đó, là một khẳng định, không thể là một câu hỏi, là một vấn đề).

Tự đặt mình thành vấn đề. Một công việc riêng thuộc con người. Đó cũng là phần số nó, kẻ yếu đuối. Nó yếu đuối và biết rằng nó không tránh khỏi, vẫn phải trở về đối diện chính mình như một câu hỏi, như một ám ảnh hay một niềm nhớ không nguôi về cõi hư vô trong nó. Tại sao câu hỏi của tôi về tôi (câu hỏi đặt tôi thành vấn đề)? Bởi vì tôi : một con người : *một cuộc hiện hữu thiếu vắng.*

Hỏi đối với tôi là một cách *biết*. Câu hỏi đặt thực tại trước tôi như một khả hữu của hư vô. Câu hỏi đặt tôi trước chính tôi như một khoảng trống chờ đợi lấp đầy.

Những câu hỏi không ngừng đào sâu tôi và tát cạn cuộc đời, cuộc đời này không đầy đủ cho nó. Tôi chưa phải là tôi trọn vẹn. Nói một cách nào đó cuộc hiện hữu là cái gì *chưa có*. Tôi hiện hữu. Không, tôi đang đến gần, đi tới, đang đầy cuộc hiện hữu tôi. Tôi chỉ có thể hiện hữu trong điều kiện một sự thiếu vắng hiện hữu đang kêu gọi, mời mọc, đợi chờ. Tôi sống? Không, tôi ước muốn đời sống. Tôi ước muốn bởi vì tôi chưa có, bởi vì tôi thiếu thốn. Tôi ước muốn nhân danh một khoảng trống, một sự vắng bóng—ở trong tôi, chính là tôi—đang khát vọng một thực hữu đông đầy, lấp đặc, một hiện diện có thật. Tôi ước muốn nhân danh vô thể trong tôi đang thêm thường hiện hữu.

Nếu vô thể nằm trong tôi, chính là tôi, hữu thể hay đối tượng của mơ ước tôi phải là cái khác ở ngoài tôi, cách biệt với tôi hoàn toàn. Tôi sống trong ám ảnh của cái khác; cõi khác hay điều kiện từ đó tôi ở đời, từ đó cuộc sống tôi có ý nghĩa. Nghĩa của đời tôi không nằm trong tôi, nó nằm trong ước muốn hay đam mê tôi đang hướng về cái khác.

Kẻ khác ở ngoài tôi, kẻ khác không là tôi. Trong tình yêu của tôi, kẻ khác không còn là một người trong những kích thước và lai lịch riêng biệt của nó. Kẻ khác, đối tượng thật sự của tình yêu tôi, đã trở nên vô danh, vô ngã. Nó không chỉ trở thành một kẻ nào đó khác tôi, nó chính là một *cõi nào đó vượt* ngoài tôi, đồng thời là một khả thể, một hư vọng đối với tôi. Nó xuất hiện dưới mắt tôi, *tha tính* làm nên nó, chính là nó. Tình yêu dựng lên mối tương quan giữa tôi và kẻ khác trong tư cách một tha tính, tương quan giữa tôi còn là tôi với cõi khác còn là cõi khác: tương quan hay vô khả thể của tương quan. Có một khoảng cách giữa tôi và kẻ khác (cõi khác, tha giới, tha tính), khoảng cách không giới hạn (khác với khoảng cách thuộc không gian và ý niệm) khoảng cách tuyệt đối. E. Levinas đã nói: «Sự khác biệt về giống không là một mâu thuẫn». Một mâu thuẫn, thí dụ giữa hữu thể và vô thể, chúng có thể thay thế lẫn nhau, chúng hệ tại lẫn nhau, chúng không khác biệt nhau qua một khoảng cách. Trái lại trong tình yêu, tôi vươn tới kẻ khác, một thực hữu không phải là tôi, không thể là tôi, và ngược lại. Tình yêu đặt tôi vào mối liên hệ với một thực hữu đời đời lẫn trốn, lùi sâu vào bóng tối bí ẩn của nó: người đàn bà. Người đàn bà xuất hiện trong sự *e then*, xuất hiện trong mưu toan lẫn trốn. E then chính là tư cách xuất hiện của tha nhân. E then làm nên tha tính. Cái nhìn tôi đào cạn tha nhân. Nhưng nỗi e then của tha nhân lại không ngớt lấp đầy niềm bí ẩn của nó.

Tình yêu, nói theo Platon, là một cái tôi trên đường tìm cái tôi khác. Nhưng cái tôi khác chỉ là một ảo tưởng. Narcisse đã chết, gặp lại chính mình. Do đó tình yêu nhất thiết là một thất bại. Khát vọng tình dục, quan niệm như một nhu cầu của con người, là cái gì vô vọng lấp đầy. Hình ảnh một bàn tay vuốt ve trên da thịt kẻ khác, nó như cuộc dò tìm của chủ thể trên lãnh giới xa lạ kia, lãnh giới của cái khác, của tha tính không ngừng hứa hẹn, và không ngừng thu về, ăn giấu. Người ta không vuốt ve để tạo nên và dừng lại ở một cảm giác. Người ta vuốt ve để đi lần tới một cảm giác, một hứa hẹn, một tương lai nào khác. Người ta đứng trước một hứa hẹn tự nó không hứa hẹn điều gì cố định, một tương lai tự nó không dừng lại ở một khoái cảm no nê nào. Trong sự vuốt ve (những va chạm của thân thể) tôi luôn tìm kiếm một tha nhân khác và chính tha nhân cũng không ngừng trở thành một tha nhân khác cho tôi. Levinas: « Vuốt ve là một cách thể hiện hữu của chủ thể ngay trong sự va chạm vào kẻ khác đã đi ra ngoài sự va chạm đó ». (1). Trong thú vui dục tình người ta chiếm hữu tha nhân như một thách thức, nó chỉ là đối tượng của tôi trong điều kiện nó ở ngoài tôi, nó còn là nó, nó không bao giờ đồng hóa với tôi. « Tha nhân trong tôi » chỉ là một cách nói về vời. Thật ra đó chính là cái chết của tình yêu, của đam mê con người.

Tôi nói tình yêu, thật ra đó chỉ là một cố gắng vô vọng

(1) Le temps et l'Autre, in Le Choix, le Monde, l'Existence P.189.

mặc dù đầy hứa hẹn. Tôi nói nhục dục trong khi đó chỉ là cuộc thăm dò không một mối trên « da thịt mù quáng ». Hãy trở về với con người như một thiếu hụt, một đam mê vô vọng. Có phải như các nhà tâm phân học đã nói, chúng ta đã bắt đầu sống những thương tích của mình, những khoảng trống của thân phận làm người bắt đầu từ thuở nằm nôi ?

Tôi tìm đến tha nhân như một vắng bóng. Nó mời gọi nhưng không hề trả lời tôi. Tôi lướt qua nó, va chạm vào nó như những đồ vật, « ăn ở » với nó nhưng tôi vô phương phể bỏ khoảng cách giữa tôi và nó, khoảng cách phi không gian phi ý niệm, khoảng cách không cho phép tôi trở thành nó, nó trở thành tôi. Người ta có thể sống đời với nhau, không thể sống đời cho nhau. Và từ đó cuộc hiện hữu mỗi người nhất thiết cô đơn, nghĩa là không ý hướng, không tương quan : hiện hữu hay sự trở về miền tục trên chính mình, đối diện với khoảng trống đời mình.

Tôi miên tục trở về trên chính tôi như một thiếu thốn (và từ đó những yếu đuối, khốn khổ, sợ sệt), tôi trong ám ảnh của hư vô. Tức là trở về trên hành

vi tra hỏi (của tôi, trên chính tôi). Tức là trở về lơ lửng giữa hữu thể và vô thể. Tức là trở về, đào sâu kinh nghiệm độc tôn và cô đơn nhất của cuộc hiện hữu như một thiếu vắng hay một giới hạn đồng thời một khả năng tự đặt mình thành câu hỏi.

Kinh nghiệm nói ở đây chính là lời giải đáp không cho một câu hỏi mà cho chính tác động hỏi, cho con người như một khả năng đạt tới chỗ, nói theo Georges Bataille, *đặt chính nó thành văn đề trong tận cội rễ*, nghĩa là không còn gì có thể cản ngăn hay cản trở nó, bất luận đó là một chân lý hay một quyền hạn nào. Bởi vì nó không dừng lại được nữa, nó đã dẫn mình vào một chuyến đi, nó vượt khỏi tất cả mọi giá trị (thuộc tri thức đạo đức hay niềm tin). Nó đi tới tận cùng của khả thể con người (1) tận cùng của mọi phủ định. Nó trở thành một quyền hạn khi mọi quyền hạn không còn. Và cùng với Artaud, Bataille (2), Beckett, Blanchot... nó lên đường tìm kiếm cái vô khả thể, cái vô tri...

H.P.A.

(1) J'appelle expérience un voyage au bout du possible de l'homme. 9. Bataille, l'Expérience Intérieure p. 17.

(2) « Tôi không là một triết gia mà là một ông thánh, có thể một thằng điên. »

TÚY HỒNG

những sợi sắc không

TRUYỆN DÀI

(tiếp theo)

Tiếng nói của Trầm đồ dờn hốt hoảng từng giọt nóng hổi. Anh Sinh anh Sinh anh về từ bao giờ thế? — Về từ hồi sáu giờ sáng — người đàn ông lôi ra điều thuốc lá — tẩm rửa xong là đóng bộ đến đây trình diện liền một khi. Đòi mỗi người đàn bà ngậm nụ cười nhỏ xiu ngon như trái sim, lành như rau má. Sinh gấp điều thuốc lá giữa hai ngón tay em sắp đi đâu mà coi bộ đủ phong độ quá ta. Trầm che miệng ngáp ối chà mới ở nhà con Cỏ May về, đêm qua hai đứa thức trắng nói chuyện tào lao khô cả nước bọt, khan cả giọng. Trầm ăn sáng chưa? Đã làm một cốc sữa. Đứng dậy đi ăn một cái gì đi em... Trầm chợt cười héo úa dạ dạ... em sắp sa lầy đây anh, anh chỉ kêu tên em vài lần... Trầm... Trầm... cũng đủ cho em hoàn hồn lại... hà tất phải kêu gọi đi ăn đi uống cho nó tốn kém tiền bạc ra. Sinh cả cười ha ha đứng dậy xốc nách Trầm sao mê sảng quá vậy em bé... nói như điên... đi ăn với anh tí đi... làm ơn... Trầm châu mò đi chợ... đi lăm lăm... vạ cảm, vạ cảm anh Sinh. Trầm vùng mạnh thoát khỏi tay Sinh đi nhanh ra cửa, nghe bước đi của mình trùng với nhịp tim đập. Sinh vội vã theo ra, nhìn sau lưng bạn gái, nụ cười cùng ý nghĩ với đôi mắt.

Sinh đề tay lên vai người đàn bà nói khẽ đi sao không đợi người ta với, muốn cho thằng này rớt hả? Trầm cười hích hích đưa tay sờ cằm, nàng hếch cái cằm nhọn vào Sinh nói riu rít làm sao em có được bộ râu đề khi cần vượt một cái cho sướng hi. Sinh lòi ra điều thuốc lá bậm môi giữ chặt. Trầm nói anh thường hay hút thuốc lá còn em thì nằng hất. Trầm hát: khi trót yêu người rồi, xa cách nhau vì đời, hận tình ư ừ ừ ừ ừ. Trông em ngon như một trái vải, em cười bày hai cái răng chó đẻ thương chi lạ. Sinh vừa nói vừa kéo Trầm đi sát vào chàng, một tay quàng qua vai người đàn bà mặt cúi xuống tận mũi Trầm khẽ hỏi cưng ơi em có thể coi anh như trong ruột thịt được không? Trầm bật cười khịt khịt trong hai lỗ mũi cảm cúm rồi nói bông lơn không được, không được... em coi anh như ngoài da thôi... đối với em anh chỉ là một lớp biểu bì. Nắng lên thẳng nên màu xanh nền trời loãng dần còn chút ít. Cây sấu đông ngậy thơ mới mọc bên vệ đường xòe ra những cành lá măng sữa, Sinh chau mày khẽ vít vút một nắm lá quăng đi, mặt chàng nhăn như không bằng lòng câu nói bông lơn. Trầm nhìn Sinh bằng cả khóe long lanh, bằng cả lẫn bút chì đen quánh đồ đậm trên đôi bờ mắt. Rồi nàng ngó xuống mặt đường nhựa gặp đôi chân người đàn ông và tình cờ khám phá ra chàng đi chân chữ bát.

— Trầm à, anh thấy cuộc sống của em đông đảo rộn bộ quá mà anh ngán... Sao em được nhiều người theo chơi vậy. Tiếng cười Trầm là những hạt bắp vừa khô vừa giòn.
— Nhiều người theo chơi... Hừm... hừ hừ... ba cái thằng cóc

con với mấy lão dịch cơm nhà bụng vợ... Chán cái mở đời. Anh Sinh khỏi lo, bạn trai của em không ai xứng đôi vừa cặp với em hết. Những đấng đàn ông xứng đôi vừa cặp với em thì người ta đã đi hỏi những bà con gái đang hoang đứng đắn về làm vợ cả rồi còn đâu... Em thì cứ tro ra như đũa một chiếc... Mấy lão cơm nhà bụng vợ thì giờ đây thức tỉnh muốn vớt vát, còn ba cái chú học trò già lóc cóc... ừ ừ... mà tại sao mấy chú nhỏ đó cứ thích ve vãn, tán tỉnh các bậc đàn chị... có một loại sinh viên kỳ lạ là cứ nhè đi mê gái lão lai...

Trầm ngừng lại, Sinh ngâm cả hai tay vào túi quần lặng thinh, Trầm tiếp:

— Với những ông có vợ, em sợ hơn cạp... Vì em không bao giờ muốn là kẻ tử thù của vợ họ... Nếu có thương thì thương cả vợ lẫn chồng... Còn với mấy cái thằng cóc con vừa mới nẻ mắt... Ồ... tình mẫu tử... ngán ngắt đi được.

Người đàn ông lắc đầu cười lên như một tiếng động tròn sau lối nói khắt khe, trịch thượng. Chàng ngược nhìn một bầu phi cơ bay với nhau réo ầm không gian. Chiến tranh từ trên trời xuống, chiến tranh từ dưới đất lên và chui vào lòng người. Và một người đàn ông và một người đàn bà đi bên nhau thường hay nói chuyện tình. Sinh bóp tay Trầm, kéo mặt nàng về phía chàng:

— Còn cái hạng đàn ông xấu trai như anh thì sao... em nghĩ sao?.. Trước bất cứ người phụ nữ nào, anh vẫn mang nặng mặc cảm Trương Chi.

Trầm cười xòa, Sinh nói tiếp:

— Cả khối đàn bà, anh chỉ biết có mình em.

Sinh nói mãi câu này. Nói mãi, nói mãi rót vào tai Trầm như một lời phiến ca nhưng nàng nghe như một món nợ. Người đàn bà này lâu nay vẫn gồm sẵn một thể thủ đối với mỗi người đàn ông nên chỉ tin mình và không tin ai hết. Những người đàn ông yêu thể xác nàng có đôi mắt loài rắn, bàn tay đười ươi, trái tim bạch thổ và lời nói ngọc thạch. Không có quan niệm tình chỉ một mối, đừng buông suông cũng đừng nắm chắc một mối tình, đừng chỉ có một mối tình lớn, đừng không có mười mối tình nhỏ. Mười ồ sủng lục vẫn hơn một khâu sủng trường.

Trầm và Sinh vào trong quán. Không còn chiếc bàn nào rảnh nên họ phải ngồi chung với hai người khác. Lại nhau... lại ngồi chung xúm xít ăn uống bên nhau... vừa chương, vừa kỳ, vừa bất tiện. Thế gian vẫn lắm cái cộng đồng, ngay trong cuộc đời mỗi người cũng đã không có riêng tư một thể sống nguyên thuần. Ngày được cắt thành lịch để mà sống, đời được chia từng thứ lớp, từng ô vuông, từng vị trí để từng lớp sống chung, chia chung nhau một mẫu đời. Người ta sống phần đời tư hữu của mình và hấp thụ đời sống kẻ khác, tịch thu cái sống của kẻ khác về cho mình mà không hay. Như con biển như con sông chan nước của nhau, cho nhau, và cùng hứng nước của trời. Nếu có một cuộc sống hoàn toàn riêng tư cũng chưa phải là đời của những mạch nước ngầm chảy bí mật trong lòng đất cho người ta đào giếng.

Quán bún bò đầu đường Nam giao ngon nhất miền vì thịt mềm, nước ngọt, bột dẻo. Trước mặt hai người, hai tô bún nóng bỏng, xác thịt đùn cao trên mặt nước màu sao mỡ.

Người con gái bồi bàn cánh tay hong trần trông một lớp lông măng mượt mịn sơ tơ vàng, là bóng mát tìm đậu những cái nhìn sinh lý. Cô ta chột cười khi nhìn Sinh lần nào đại úy về phép là quán em làm thêm món bún nướng. Sinh cắn khúc chân giò nhai lách chách, mỡ láng xầy hai môi. Chàng vắt giọt chanh và thả cả cái xác vào trong tô bún

— Trầm yêu đông, Trầm yêu nhiều người một lúc... sao em hoang vậy Trầm?... hay đó là thành tích của nghệ sĩ?. Trầm nuốt lỏn mấy sợi bún và nuốt trượt cả câu trả lời ngời im. Tôi là một người bình thường đếm đủ năm giác quan như ai, không thiếu, không thừa và không thêm vào giác quan thứ sáu mà chụp mũ tôi là nghệ sĩ. Làm nghệ sĩ xấu lắm, tình cảm và tình dục lẫn lộn sung mãn lại lảng khác thường và tội lỗi mê mê giữa dư luận cuộc đời. Trầm nghĩ đến những bàn tay trườn đi trên thân thể nàng: Truyền, Lực, Siêu và các người. Họ và nàng yêu nhau? ái tình đó sao? hay chỉ là một thứ quá khứ, thứ quá khứ là cuốn album dán những tấm hình đàn ông Truyền, Lực, Siêu v. v... Không, không, thân thể tôi giờ đây chỉ là một vật xúc tác vô cảm, một đồng lầy thịt da vô tri vô giác. Yêu đông thì không được yêu, làm điểm thì không được con. Đó là luật đời đời. Tôi không được ai cả và chẳng ai được tôi cả. Ngày xưa tôi đã được một ái tình sơ bộ giữa Hoán và tôi thôi. Sinh nói:

— Anh vẫn coi em là một bài hát, một chuyện ngắn... cho nên anh đã mệnh danh em là nghệ sĩ. Người nghệ sĩ dễ thương như đọt rau muống vì họ mang mặt nạ

đẹp, cái nghèo của tâm hồn và cái xấu... được bỏ bớt, được tĩa bớt như đợt rau đã được nhặt lá sâu và được ngắt cái phần tra cứng ở dưới đi.

Trầm cười lưng miệng vuốt nhẹ tay người đàn ông. Anh Sinh ơi bàn tay em, con người em non nớt như đợt rau muống thì đúng hơn. Luôn luôn em vẫn sống thẳng như con số một. Em cười mở, em nở ra, em rộng ra, em phung phá em, em phóng lớn em... mà... nhưng... tình yêu chỉ nên đi vào một cửa nhỏ của tâm hồn đề rồi đóng kín lại ngay và giữ suốt đời, nên em hư rồi... Con người em bao nhiêu bản ngã, bao nhiêu khuôn mặt khiến em mất hút, em chìm lìm trong đó không nhận diện ra mình, không bắt gặp mình, không nhận biết đôi khi mình chỉ là một hình nộm. Và anh Sinh, anh đã tối tăm về em quá : Nếu anh đập tắt được mọi bản ngã ma quái, xóa chùi được mọi khuôn mặt vàng vọt bệnh hoạn cho em, nghĩa là anh thừa sức cảm hóa em toàn diện cho em thuần lại... không, không anh Sinh, đằng này anh chỉ muốn thủ tiêu cái bản ngã mà anh gán cho chữ nghệ sĩ, thủ tiêu cái bản mặt mà anh cho rằng làm anh thiệt thòi thua lỗ ... anh ghen, cho dù anh thủ tiêu được cái mặt đó đi, thì cũng chỉ được có một mà thôi trong khi em rất nhiều bản mặt. Anh còn bao nhiêu cái bắt mắt về em nữa chẳng hạn như khi em tính toán tiền bạc, chẳng hạn em bằng lòng ở một mình trong căn nhà rộng thênh, chẳng hạn em không đem con gái em về đây ở chung vv... Anh không bằng lòng biết bao thứ... trong khi anh chỉ muốn khur khur trừ khur cái con người mà anh vô đoán là nghệ sĩ trong em. Trừ khur có một thì ăn chung gì ? Có cao tay thì đập tắt hết đi ... chỉ lấy đi một

hòn than thì cái bàn là vẫn hừng hực. Em như con rắn tu luyện ngàn năm mọc lên nhiều đầu, chặt đầu này thì mọc ngay đầu khác. Phải lia kiếm bén cắt một đường cho tất cả đầu cùng rụng một lúc ... nhưng như thế thì em chết rồi ... hết cả là em.

Nước mắt Trầm chảy ròng ròng xuống má rơi trên tay áo. Người đàn ông nhìn vào vũng nắng ngoài kia trĩu buồn. Sinh nói em rất thành thật, thành thật và nhất định như một con số. Trầm cắn môi, cắn vào những điều nàng sắp nói, Trầm cảm thấy nàng mang một sức mạnh quái đản, một bản lĩnh khật khùng, một thứ « đàn ông » trong thề xác khuôn thịt đàn bà .. Một loài ong độc, một thứ nam châm quái ác nào đó đã hút sạch mồ ma con gái, một thứ con gái dầy dầy nữ tính của nàng đi rồi. Nàng chỉ còn là cái khuôn đàn bà gồm có một bộ ngực núi và thung lũng, một tử cung thâm u heo hút cùng hai buồng trứng rườm rà sai quả. Đừng yêu Trầm, đừng thương Trầm. Hãy ngủ với Trầm một đêm rồi đi chứ đừng nằm với Trầm trọn đời. Hãy hôn Trầm trăm nghìn cái rồi hất Trầm ra xa chứ đừng cho Trầm nằm vùng trong vùng cheo leo quả tím thẳng thốt. Anh Sinh, cưới tôi rồi anh sẽ hư sự. Anh Sinh đừng lấy mục diên. Trầm chỉ là một mục diên. Anh Sinh ! Anh là chân quân tử, tôi là chân tiểu nhân, tôi phải khai với anh cái căn cước tâm hồn thật sự của tôi để tránh cho nhau cái hậu quả là sau này hai đứa sẽ càng hư với nhau. Việc hôn nhân quan trọng đến hai đời... tôi và anh... Anh phải đi hỏi một người đàn bà, hoặc một người con gái đang hoang, tử tế làm vợ, chứ ai lại cưới một mục diên. Trầm đưa tay chạm nước mắt. Không soi

gương nhưng nàng vẫn thấy nàng hai mắt sắc vút và chong tròn khi lý luận. Sinh cụp mặt xuống, trọng lực của nỗi buồn đã kéo rị tất cả đường nét mặt mày theo chiều thấp. Nước mắt Trầm lại ứa nữa khi nàng chợt nghĩ rằng sự thành thật là tội ác dim người đàn ông vào ngõ bí. Trầm nhắc ly nước ngọt lên rồi để xuống bảo anh Sinh ăn, mạnh lên với chút, vội vàng lên với chút, linh tráng chí mà như mèo cái.

— Nếu có một cuộc tỉ thí võ nghệ hoặc văn nghệ giữa những người đàn ông tranh giành nhau giết em làm vợ. Anh vẫn hiểu rõ rằng dù anh có khắc phục được tất cả mọi địch thủ... đó không phải là anh thắng trận huy hoàng... có thể là mọi điều kiện tinh thần anh đều thua điểm em. Làm sao anh có thể dập tắt, hoặc làm tê liệt tất cả căn bệnh cùng những bản ngã cồ quá của em được. Anh chỉ là một kẻ đến sau, trong Trầm đã có sẵn những vết chân vô hình in dấu trước. Lời nói người tình lính cứng như ổ khóa Trầm không muốn cạy. Nắng ngoài trời và trong hai con mắt nàng cũng có những tia nắng. Cuộc đời nàng sai lệch hoàn toàn, vô lý, điên cuồng như hành động ôm cây tre mà leo lên. Trầm đang giả điên trong thái độ yêu thương ủ ẻ, đứng đưng, làm ái tình một cách hồ hững, coi thường và cạn nguồn. Phơi mặt ra giữa cuộc đời chưa đầy ba mươi năm mà đã nhăn nhoe co rúm, súc tích như người đã lết qua hết quỹ đạo trên ốc cuộc đời. Ý nghĩ người đàn bà hắt ra thành tiếng cười.

— Em thì lão lai răng rụng hết rồi... bên anh còn bao nhiêu đào non.

Nụ cười Sinh tròn và mặn như muối hạt êm dằm giữa những nếp nhăn chung quanh mép miệng. Trầm cười cái mũi khịt

khịt như khi. Nàng đưa tay luồn qua vạt tóc mai trước trán muốn bứt hết cả cho rơi là tả xuống mặt nhà xi măng nền muối rịn nước. Người đàn bà này khánh tận tuổi xuân rồi, tâm hồn xây sát bệnh hoạn còm cõi để không hề tìm ra ở người đàn ông một cái bao che chở, một ngón tay thoa kẻ đồ lên trên đường nét vành môi chót mũi, đi lên trên hai mồm ngực dạt dào để cho nàng dẫn nở ra khỏi những lần xếp già nua. Em như măng khô anh Sinh ạ, nấu sôi ngâm lạnh bốn ngày đêm vẫn còn co rúm. Gần bên, nói chuyện và dán sát tấm thân vào người anh em vẫn âm ỉ kêu ca em già em già. Tiếng kêu thương chơi với mọc lên từ một miền heo hút trên nghĩa địa tình cảm lạnh lẽo, trên tha ma tâm hồn im vắng. Nói một cách máy móc đại khái tình yêu muốn cho có được thì cần phải hai điều kiện chính quy: người đàn ông tự cảm thấy mình già ra vượn dài, phòng to và người phụ nữ trẻ xuống, nhỏ nhoi, thâm bé lại. Chưa ai cho Trầm cái cảm giác trẻ trung trong chốc lát, cái cảm giác tái dậy thì của những tế bào già khô, mốc rỉ. Phải chăng quy luật của tình yêu đơn phương và quá giản dị. Trong tình yêu phải chăng cần cò động và tuyên truyền chẳng hạn như nói với nhau anh yêu em rộng như biển bao nhiêu bọt là bấy nhiêu tình, nước biển mặn chừng nào thì anh yêu chừng đó. Gió biển càng xoáy thì anh rì càng chặt, anh hôn càng nhột... ôi! lung tung.

Sinh bóp tay bạn gái:

— Đừng có thái độ gợn đời... tùy trường hợp chữ tình đắt, tùy trường hợp chữ trinh rẻ... Nhưng không bao giờ có thể tha thứ được cho cô học trò đồi cả trăm phần trăm con gái của

mình để lấy cái áo Montagut.

Trầm chíp miệng cười âm thầm. Sinh tiếp :

— Bây giờ bỗng dưng anh nhìn cái áo Montagut anh thấy cả trầm tội.

Trầm bĩu môi :

— Dữ vậy... bố làm công chức làm sao mua nổi áo Montagut cho con gái... tự nhiên cô em phải xoay trở... để được mặc áo đẹp... phiền anh ghê !

Tay Trầm sờ chân Trầm cuối xuống cười. Anh Sinh ạ... gạt ngang luân lý cùn của anh đi. Trầm càng giỡn cười to : cho dù em có cây đèn Aladin để so nhìn tận mặt tận lòng nhân thể em cũng chẳng thấy gì... đối với em, giữa vô tội và hữu tội, giữa trắng án và đen án có một con khi nhỏ ngồi lom khom, nghĩa lý gì đâu... nói một cách khiêm hiệp thì Tạ Tốn hay phân bò cũng vậy... đã không có gì... lại không có nghĩa. Đối với em, một thủ phạm ra trước vành móng ngựa dù có can đủ tội hiệp dâm, giết người, cướp của mà biết rõ nỗi thồn thức của em, thúc đúng vào mỗi mê hoang, xót xa cuồng nộ của em thì em cứ trào nước mắt xúc động...

Một con chó vàng đến bên vũng nắng nằm ngửa ra cát bốn cẳng lên trời quờ quạng. Con chó nằm đó khiến Trầm quay quắt nghĩ đến cái rốn sâu hoắm, nghĩ đến làn da bụng mềm nhũn của người đàn bà. Hình ảnh con vật nằm ngửa trông bất tiện, chới với như người đàn bà nằm ngửa đợi chờ. Nắng lên đa số rồi, hình chiếu mái hiên đã nằm dưới đất. Người đi qua đường đã có chiếc bóng dưới chân. Xong rồi buổi

mai, xong rồi nửa ngày. Ngày xê dịch uyển chuyển và cắt mau cho đêm về mặt trời tìm giấc ngủ. Rồi vươn vai, rồi trở mình, rồi ngáp và buổi mai chớm mọc khu trời lại trong vắt như thau chề rong biển. Thời gian được phân chia xếp thành từng góc, từng lỗ nhỏ đều đều như trong cái tổ ong. Cuộc sống là rứa rồi, là ngày thức, đêm ngủ nhưng người ta lại bày vẽ thêm những cái đề sống, người ta chối quanh đề đi vòng vèo nhưng rồi cũng trở lại đường thẳng. Một mớ danh từ vút ngọn ngang.

Hai tô bún bò trước mặt Trầm Sinh còn lại lỏng lỏng bóng mấy sợi và khúc chân giò. Trầm cười bảo Sinh anh húp cho hết nước trong bát đi. Nên để thừa xác, đừng để dư nước. Nước là do xương với chân giò hầm rục ngọt ngào chất béo. Sợi bún ăn lâu tiêu vì bột gạo xay trong cối đá thấm hơi lạnh. Sinh gạt lia lia ừ ừ ... khôn ăn « nác », đại ăn xác ... Nghĩ lại hồi bé tham ăn tham uống mà buồn cười. Phần nhiều nhà nào cũng đặt quan trọng vào tô canh giữa mâm cơm. Minh cứ chời gắp thịt gắp tôm trong canh mà ăn ... có khi để thăm dò coi canh có ngon không bèn dơ đũa khoắng lên một cái ... lập tức bị tróc một phát vào đầu.

Đôi môi Trầm để trần nhưng nụ cười vẫn thẩm thiết như son. Nàng cầm ly nước chè lên miệng chậm chạp nuốt từng ngụm. Cái phono hát một bản nhạc tình. Trầm cười bảo Sinh cái chị này có cái giọng rung rung như tiếng súc chai. Trầm đặt ly nước xuống bàn theo Sinh ra cửa. Hai người về đến nhà Sinh thì trời trưa đứng bóng. Trầm búng lỗ tai chàng.

tróc một cái rồi nằm lăn ra giường. Trưa rất nắng, rất mờ hôi, Trầm nhận thấy Sinh đứng bình an trên nền nhà một cách rất vô ích. Sinh liếm môi rồi chọt đâm bỏ tới nằm nhào ra giường gối đầu lên đùi Trầm. Sinh ngửa mặt trong chiếc quạt điện một hồi ngắn rồi cầm vạt áo dài đắp đè rúc đầu vào vùng tối ấm hai cột thịt đùi người đàn bà. Chàng chọt so sánh cơn cuồng nộ nhục dục với những viên thuốc trụ sinh. Một bên mặt chàng và một cái tai chà xát mạnh bạo vào miền dưới của bụng người đàn bà. Vùng khoái cảm vỡ vụn ra thành từng hạt li ti hòa tan trong huyết quản hai người và cả một khu vực sung sướng không thể tích vỏ nhẹ lên bờ thân thể và muôn ngàn mạch máu nhỏ run rẩy. Trầm đưa tay vo lấy đầu Sinh. Vạt tóc rẽ tre rậm rạp trồng cụt năm phần nàng nắn cục lồi mắc ngang cổ chàng, nàng mơn man xoa nhẹ tăng ngực rùa người tình; tay nàng đi trong làn áo mịn xuống tận tẩm lưng thô. Hai cái miệng thưởng cho nhau những cái hôn dài đầy ngất. Rồi Sinh tụt xuống giường đứng dậy đi. Gian phòng là một vũng hoàng hôn khi hai cánh cửa lá sách Sinh khép lại. Trầm không thấy Trầm nữa, nàng thấy hai cánh tay Sinh dang ra đàng trước, chàng từ từ, vững chãi tiến tới, bước đi nặng nề đứng tấn trước mặt nàng nâng nàng đặt ngồi trên đùi. Trầm đưa tay chà nhẹ cầm Sinh lún phún rẽ râu. Chàng xoay đầu, uốn xương cổ kêu «cách». Chàng nằm đè lên Trầm xuống nệm. Trầm cảm nghe thân thể như có mạch nước róng chảy len qua sống lưng, đọng lại ở các khuỷu tay đầu gối khớp xương. Nàng không muốn đứng, cũng không muốn ngồi, không muốn ăn một thức gì, không

muốn uống một chất lỏng nào chỉ thích nằm duỗi thẳng, thường cho đến thác đề sai Sinh đâm lưng, xoa nắn bắp thịt, lôi kéo giải lao cho đầu mình tứ chi cùng hai chiếc bụng hiểu biết nổi sung sướng của nhau. Sinh bóp mạnh vai Trầm. Nàng nhắm mắt bịt miệng Sinh lại. Âm thanh hơi thở người đàn ông nặng, khó, kéo dài. Nàng lần đi một vòng nằm khép đùi, vạt áo dài xô lệch. Sinh chuôi một tay làm gối dưới đầu nàng, bàn tay kia mơn men lần tháo chiếc khuy áo dài thấp nhất, chiếc khuy bằng thép gồm hai cái móc nhỏ xíu muôn vàn quan trọng. Khi Trầm mang áo dài vào người, nàng cài chiếc khuy đó sau cùng. Lúc Sinh tháo cời áo dài nàng ra, chàng mở cái khuy đó đầu tiên. Giờ đây chỉ còn hàng nút bóp từ tay Sinh lên đến cổ nàng. Áo dài phụ nữ Việt Nam bao nhiêu là nút bóp, ngay cái cổ cũng đã đến hai hạt rồi. Chàng cời những nút đó lần lần khoan thai, hai đầu ngón tay bò đi đến mỗi chiếc cúc đều dừng lại, tần ngần nghĩ ngợi trước khi bứt ra. Trầm chọt có ý kiến rằng Sinh ơi anh quan trọng, anh dễ đặt sự đời quá, anh chín chắn quá... suy tính làm gì trước một hàng hiên nút bóp. Em là con gái mà em có bao giờ biết áo dài mình đem đúng bao nhiêu hạt cúc. Bàn tay Sinh bò tới cổ Trầm... Ôi nút bóp ơi, áo dài ơi, thân thể ơi... Sinh nhồm lên chà mặt vào tẩm ngực mềm, tẩm ngực đeo hai trái vú sữa sống mát rượi khi trời hè nóng và ẩm dịu trong tiết đông hàn. Chiếc quần satin đen bóng loáng cài lưng bằng cái móc sắt nhỏ nhít trên trên ba hạt nút bóp trong giây lát đã nằm vắt lên thành giường. Trầm nằm bất động ngó trần nhà, Sinh xích lại nói nhỏ chịu khó lấy anh, anh sẽ cho em làm gia trưởng. Trầm vẫn không

quay lại, nói rời rạc giỡn hoài, em mệt quá. Trầm cười nằm quay lưng lại nhắm mắt. Sinh nhòai mình tới ôm sát Trầm nói như rít giữa hai hàm răng Trầm. Trầm nhiều lúc em như một giống đực, nằm lên em, anh cảm tưởng như đè lên một khúc gỗ... thế mà anh vẫn yêu em đến kỳ cùng... yêu mà ngán, ngán mà yêu. Trầm nhắm mắt anh cứ hay làm khổ nhau vô ích thôi, ... em là một người đàn bà chưa biết làm vợ, em đã nói với anh trăm ngàn lần chuyện đó rồi... Sinh cười gằn lặng im một lát chàng lên tiếng Cỏ May với Trương bao giờ đám cưới đó? ngảnh lui ngảnh tới ai cũng nên đôi nên cặp rồi. Trầm xoay mặt ngó Sinh ối chao cái con Cỏ May nó lây bệnh điên của em rồi... nó bỏ Trương rồi đấy. Sinh hơi một chút thất sắc chàng hừ một tiếng rồi hỏi sao đôi bên từ nhau .. hừ ... vô lý. Cỏ May hiền như một nữ bồ tát... Thế mà nó đá Trương cả một cú song phi đó ... nó đến em khóc với em rồi em đến nó dỗ nó nín. Sao vậy? Trương phản cách mạng ... hừ ănnhằm gì đến đám cưới.

(còn tiếp)

THÀNH TÔN

CUỘC ĐUỔI BẮT

*tôi chóng mặt đi theo chiều tròn ốc
va vào đầu đội lại số phận buồn
tay thả thả lặn từng vòng ảo tưởng
mặt mày tôi lem luốt nổi bi thương*

*thử đứng lại nhưng dòng sông vẫn chảy
tôi buông tôi theo triều lũ xa bờ
mặt xây xam tay ngoằn ngoèo mắt dạy
đắm đá tôi và cầu xé thơ*

*tôi xa lạ như tháng ngày cuốn hút
tách khỏi tôi và đứng lại nhìn
mặt vuông vức, tóc đen niêm cốt nhục
đá vào tôi con vụ đào điên*

tôi lấy trốn đề thắng bằng lại
 nhưng quần quanh sơ ý vấp luôn luôn
 trò chơi cũ không gây thêm hào hứng
 tôi ngọt ngào như vết thương

đề kiểm sống kéo lê đời ảo thuật
 khán giả ngoài la ó xua tay
 tôi xa lạ ngắm xem từng khuôn mặt
 chợt hiểu rồi tôi nhảy múa lẩn quay

trò giải trí từng ấy hăm cương lại
 đi vòng vòng theo lịch sử xem
 khi đã giáp mặt mình gương cũng vỡ
 tôi vô cùng như bóng đêm

THUYẾT GIÁC

trên mỗi tấm thân xem đã nặng
 hai vai sầu đeo nhánh tử sinh

bởi có mặt anh tôi hiện diện
 nhưng mỗi chúng ta là của riêng

sống không là cõi phúc
 chết đâu nỗi cực thân
 đứng đi như một trò bấm nút
 không là nhau nhưng chấp thuận chung

cần có mặt nhau như tấm kiếng
 sao hóa thân thêm những râu
 khi mở mắt biết mình sẽ nhắm
 tranh dành chi nỗi thiệt hơn

đời chưa đủ giả dối
 sao còn đeo mặt nạ chung thân
 sống là thu vào trong chiếc vỏ
 ta vấy vùng cho nó lẩn

làm người không lựa chọn
 diệt sinh đâu là chuyện tiên thiên

mỗi chúng ta còn đeo thêm chiếc bóng
dẫn co và lẩn quẩn trong chân

không là anh nếu tôi vắng mặt
sống là soi vào nhau
đừng sắp chúng ta thành công cụ
đã đành là động vật như ai

hãy cúi xuống gõ bốn chân như ngựa
hãy đứng lên từng bước như đười ươi
cử động đó đâu là ta có phải
bởi sống đời không luận suy

tôi bắt tay anh chắc gì thân thiện
nhưng đâu thù nghịch nhau
sống là dửng dưng xoay hai mặt
sắp ngựa gì cũng chung.

VŨ KHẮC KHOAN

những người không chịu chết

KỊCH (tiếp theo)

SƠN

Ở đây còn ai nữa không, em? Ngoài ba em, ngoài em.

THU

(cười nghịch)

Còn chứ. Còn nhiều.

SƠN

(hốt hoảng)

Ai, ai hở Thu?

THU

(vừa cười vừa chỉ đám hình nhân gỗ)

Đó.

SƠN

Ồ.

THU

Đùa anh một chút. Nói thật, ở đây chỉ có ba em với em thôi.
(Chợt nhìn thẳng vào Sơn.) Sao anh hốt hoảng như vậy?

SƠN

(lấy lại bình tĩnh)

Cảm hỏi mà.

THU

(giọng Sơn lúc này)

Một câu thôi. Chỉ một câu thôi. Rồi cảm tiết. Không đứa nào được hỏi nữa. (Giọng thường.) Sao anh hết hoảng vậy?

SƠN

(lúng túng)

Anh sợ.

THU

(ngạc nhiên)

Sợ, sợ gì, anh?

SƠN

Anh sợ tất cả. Anh sợ cho chúng mình. Em có biết không, không ai yêu chúng mình đâu.

THU

Ba em.

SƠN

Ba em đâu có biết anh?

THU

Lát nữa em sẽ nói với ba em.

SƠN

(hốt hoảng)

Ấy không được đâu em.

THU

Hay đợi đến mai vậy.

SƠN

(thở dài)

Mai... Mai thì biết ra sao? (Nghiêm giọng, với Thu). Thu này, em đừng nói với ai cả. Chuyện chúng mình, mình phải giữ kín. Em nghe chưa? Anh nói thì em phải nghe.

THU

(như bị thôi miên)

Em nghe rồi. Em sẽ giữ kín. (Một mình.) Lạy Trời, lạy Phật, cho chúng con sống trọn đêm nay. Rồi mai... con sẽ xin chết.

SƠN

Bây nào.

THU

Em đã nguyện rồi. Ngày mai. Nhất định..

SƠN

Ngày mai. Hãy đợi ngày mai. Xem sao.

Một lát.

THU

Anh hết sợ chưa, anh?

SƠN

Anh đâu có sợ cho anh? Gặp em, anh mới bắt đầu biết sợ. Thu ạ, anh đã nói rằng anh sợ cho chúng mình. Cho nên anh sợ tất cả. Ngoài kia. Trong này. Anh sợ đến cả những pho tượng gỗ này nữa. Biết đâu, họ lại chẳng giả vờ... như anh? (Lại gần pho tượng ông già mặc bộ đồ tweed.) Em nhìn ông cụ này xem. (Chỉ pho tượng thiếu phụ.) Lại còn bà kia nữa. Trông có khác gì người thật? (Chỉ vào pho tượng người đàn

ông đứng tuổi mà Sơn đã giấu con dao vào túi.) Và nhất là ông này. Nhất là ông này. Thu ơi, biết đâu, nửa đêm, building vắng vẻ, họ lại không rủ nhau tỉnh dậy. Họ sẽ thì thầm to nhỏ câu chuyện của mình. Rồi cả building biết chuyện của mình. Cả ngoài đường phố. Tất cả mọi người. Tất cả. (Nhắm chặt vai Thu.) Em nhớ, em phải giữ kín, không được nói với ai, kể cả ba em. (Thở dài.) Chỉ một đêm nay thôi.

THU

Em nhớ. Em không nói với ai cả. Em thề...

SƠN

Khỏi thề. Anh tin em.

Một lát. Thu nhìn quanh.

THU

Anh làm em sợ.

SƠN

Sợ gì, em? (Thu chỉ đám hình nhân gỗ.) Ồ...

THU

Trước kia em đâu có sợ. Nhưng nghe anh nói rồi lại nhớ đến những chuyện người ta kể...

SƠN

Chuyện gì?

THU

Ma.

SƠN

Bậy nào. Làm gì có ma?

THU

Người ta trông thấy mà. Trông thấy thật mà.

SƠN

Thế người ta là ai?

THU

Cái ông cụ làm ở đây trước ba em. Ông ấy nghỉ rồi. Ông ấy bảo rằng cứ đêm đêm là nó lại hiện lên, nhất là những đêm mưa to gió lớn. Nó đi tha thân hết căn hàng này đến căn hàng khác. Có khi nó lại tỉ tê kể lể một mình. Rồi tảng sáng, mặt trời vừa mọc là nó biến mất... (Một lát.) Anh Sơn này, ngộ nhớ... nó... nó không biến mà nó... nó... lại... (Chỉ đám hình nhân gỗ.) Như anh nói lúc nãy.

Sơn quay lại nhìn đám hình nhân gỗ. Trong giáng điệu của Sơn, người ta nhận thấy thấp thoáng một chút e ngại. Nhưng chỉ một lát sau, Sơn đã tự trấn tĩnh. Sơn phá lên cười, vừa cười vừa tiến đến đám hình nhân gỗ. Dứt tiếng cười...

SƠN

(chỉ đám hình nhân gỗ)

Nó biến thành pho tượng gỗ? Nó lặng lẽ im lìm đứng lẫn vào đây? Ồ. Em đừng nghĩ quẩn.

THU

Thì anh vừa nói lúc nãy đấy thôi.

SON

Anh nói... là một chuyện. Anh nói làm em sợ thì anh xin lỗi em. Làm gì có ma? Mà ngay như... ngay như có ma cũng chẳng sợ. Ma nó làm gì mình. Lúc này anh nói là gặp em anh mới bắt đầu biết sợ. Nhưng sợ là sợ người chứ đâu sợ ma? Người mới đáng sợ, em ạ. Em nhìn đây này (*Sơn tiến lại pho tượng người đàn ông đứng tuổi có con dao của Sơn trong túi. Một thoáng nghĩ ngợi hiện lên nơi vẻ mặt người thanh niên, Sơn quay ngoắt lại pho tượng ông già mặc bộ đồ tweed. Sơn giơ hai tay đặt trên hai vai ông già.*) Em nhìn đằng này (*Sơn lắc mạnh vai pho tượng.*) Ma này. (*Rồi tiến lại pho tượng người thiếu phụ.*) Còn bà này nữa. (*Giơ tay dấm mạnh vào giữa ngực pho tượng.*) Ma này. (*Quay lại Thu.*) Em còn sợ nữa không?

Trong lúc đó, Thu luống cuống chạy theo mà không ngăn nổi Sơn.

THU

Ấy. Đừng, anh. Tội nghiệp.

Sơn đang tiến lại pho tượng người đàn ông đứng tuổi. Chàng lấy giáng điệu một người đánh quyền Anh, giơ nắm tay trước mặt pho tượng.

SON

Thế em hết sợ ma chưa?

THU

Hết rồi. Hết rồi. Em hết sợ rồi.

SON

(hạ tay xuống)

Thế thì được. (*Sơn cười. Thu cũng cười lây. Một lát.*) Bây giờ thế này: chúng mình đi chơi một vòng tất cả building xem sao.

THU

Ờ, phải rồi. Chúng mình đi chơi một vòng. Xem tất cả. Nhiều thứ hay lắm anh ạ. Chúng mình giả vờ là khách mua hàng.

SON

Ngộ nhớ gặp ai thì sao?

THU

Có ai mà gặp? Ba em chắc đang ở dưới nhà.

SON

Nhưng ngộ nhớ, bất thành linh...

THU

Khỏi sợ. Ở đây khối chỗ nấp. Anh cứ theo em.

Thu kéo Sơn ra cửa. Hai người đi khuất vào hành lang, tiếng chân nhè nhẹ dần vào yên lặng đêm building. Và khi khán giả vừa kịp làm quen với cái không khí vắng lặng căn hàng ngồn ngang những hình nhân gỗ hình thề gắn liền vào những giáng điệu mãi mãi không đổi thay, thì tự căn hàng, tự giữa đám hình nhân gỗ đó, thoảng nghe có tiếng thở dài. Một cảm giác sừng sờ choán trọn khán trường, cảm giác trở thành sừng sốt kinh hoàng khi tự giữa đám hình nhân gỗ bất động, bỗng một pho tượng — người đàn ông đứng tuổi khoác chiếc áo mặc trong phòng ngủ bằng lụa xám bóng, người đàn ông đứng tuổi mà Sơn có giấu con dao trong túi — pho tượng người đàn ông đứng tuổi từ từ cử động.

Hắn vuôn vai — như một người bằng xương bằng thịt, hắn là một người thật —, hắn bước ra khỏi đám hình nhân gỗ, hắn tiến ra phía cửa, ngó xa về phía hành lang quay vào, rút con dao của Sơn ra khỏi túi, ngắm nghía, suy nghĩ. Một lát sau, hắn gặt gù dứt con dao vào túi.

NGƯỜI ĐÀN ÔNG

(lầm bầm)

Hừ. Ngụy thật. Tí nữa thì nó đâm cả mình. (Một lát.) Thăng lời láo thật. Không hiểu nó ở đâu lại đây mà lại có dao... lại có cảnh sát theo chân. Quân này chắc chắn không phải thiện nhân. Mình phải đề phòng mới được. Rắc rối quá. Đang yên thân lại phải đối phó. (Một lát.) Ta tránh đi một chút, xem sao.

Người đàn ông đảo mắt nhìn quanh rồi đi lại phía hậu điện. Hắn vén tấm màn rồi đi khuất vào bên trong. Căn hàng trở lại vắng lặng. Nhưng chỉ một lát sau, vắng vắng từ đâu không biết — có thể là tự giữa đám đông người gỗ — những giọng nói cất lên, bắt đầu thì xào xạc như gió chọt nổi trước cơn mưa lớn, sau dần dần rõ rệt giọng thờ giọng kim, hòa âm thành một bản đồng xướng. Nhìn đám hình nhân bất động, nghe bản đồng xướng, đắm chìm trong cái không khí lạnh tái ánh néon, khán giả có tưởng như dờn dợn đối diện một lũ người ventriloques im lìm tâm sự với nhau bằng «tiếng bụng». Những thoáng rung dờn dợn đó hợp thành cảm giác kinh ngạc bao trùm toàn thể khán trường, khi khán giả nhận rõ những giọng nói đó chính là giọng nói của

đám người gỗ đang lên tiếng phát biểu tâm tư mặc dầu thân xác đã được đóng đinh vĩnh viễn, trong những giáng điệu cổ định tự thuở thành hình. Người khán giả có thể nghĩ: họ là người gỗ hay người thật, họ đang sống hay đã chết, hay họ là những người bất tử, những người không chịu chết? Trong khi đó, bản đồng xướng vẫn đều đều tiếp diễn, thỉnh thoảng lền vào thánh thót có giọng oanh một thiếu phụ, và trầm hẳn xuống một âm giai, có giọng thờ một cụ già.

Đám người gỗ

(đồng xướng)

Chúng tôi không chịu chết. Chúng tôi sống mãi mãi. Chúng tôi không có tâm sự. Nói rõ ra, tâm sự của chúng tôi là một tâm sự đại đồng. Tâm sự của những người đã thôi chết. Chúng tôi không sợ Địa ngục bởi chúng tôi phủ nhận Thiên đường. Chúng tôi không sợ Luân hồi vì chúng tôi chỉ có một kiếp sống. Một kiếp sống vĩnh cửu trong một giáng điệu vĩnh cửu. Nghĩa là một tư thế sống vĩnh cửu. Một định mệnh bất di dịch. (Giọng kim.) Tôi cười nửa miệng, mắt hơi đưa về bên phải, chân đứng thẳng nhưng mềm, hai cánh tay tôi giang ra vừa độ phác họa một cử chỉ chào đón không thân không sơ. Định mệnh của tôi là định mệnh một nữ chủ nhân đón khách đến dự tiệc. (Giọng thờ.) Tôi nghiêm nghị nhưng cười bằng ánh mắt. Tôi đã gần 70. Tôi có tiền, và đang hưởng nốt phần cuối cuộc sống. Định mệnh của tôi là định mệnh một ông già còn khỏe, nhìn đời và sẵn sàng tha lỗi cho tất cả mọi người. (Đồng xướng.) Cứ như thế, mãi mãi không thôi.

(Giọng thờ.) Đứng nguyên một chỗ mà mãi nguyên.
 (Giọng kim.) Giáng điệu của tôi không thể đi đôi với một bộ đồ du lịch. Xê dịch làm gì? (Đồng xướng.) Chúng tôi không chấp không gian. Cho nên chúng tôi không chấp thời gian.
 (Tiếng chuông đồng hồ từ đâu vẳng lại. 10 giờ. (Giọng kim.) Mười giờ (Giọng thờ.) Không gian của chúng tôi bất động, chúng tôi không cần đồng hồ. (Giọng kim.) Thành thạo, thành thạo. Nhưng chỉ đề trang sức.
 (Giọng thờ.) Cũng được. Một chiếc đồng hồ quả quít nho nhỏ, rất mỏng, bằng vàng 18 carats, sản xuất tại Thụy sĩ, có giây đeo cũng bằng vàng 18 carats. Một chiếc đồng hồ như vậy bỏ gọn vào túi áo gilet. Đề xem giờ uống rượu khai vị. (Đồng xướng.) Chúng tôi là hạnh phúc. (Giọng thờ.) Nghĩ cũng thương cho con bé Thu. Bỗng dừng lại ước với nguyên. Ai xui mà chọn tình yêu? (Giọng kim.) Định mệnh (Giọng thờ.) Nhưng tại sao lại chỉ một đêm, tại sao lại dồn định mệnh vào một khoảng thời gian có hạn? (Giọng kim.) Mà... tình yêu là gì nhỉ. (Giọng thờ.) Hỏi làm gì. Chúng ta không yêu. Chúng ta không ghét, không ghen, không oán, không thù. (Giọng kim.) Tôi thì tôi lại thương anh chàng trẻ tuổi. Tôi thấy anh chàng giống như một con thú dữ bị bủa vây. Nó hực hực, nó xông xáo. (Giọng thờ.) Vô ích. Tôi biết nó ước mơ viễn xứ, rừng hoang, nó thèm thuồng những chân trời lạ. Nhưng định mệnh của nó lại bị ràng buộc vào một khoảng không gian có hạn. Nó lờn lộn, nó phản kháng, nhưng vô ích, vô ích. Nó sẽ... (Giọng kim.) Thôi, tôi xin cụ đừng tiết lộ sớm. Việc phải đến sẽ đến. (Giọng thờ.) Thăng lời bậy quá. Nó lắc vai tôi.

(Giọng kim.) Nó đâm cả tôi (Giọng thờ.) Tuổi hai mươi bạo như một con báo dữ. (Giọng kim.) Chắc nó biết chúng ta đã ngừng cảm xúc. (Đồng xướng.) Chúng tôi không biết đau, không biết khổ. (Giọng kim.) Chỉ buồn cười... một chút nữa thì... (Giọng thờ.) Gớm. Lúc đó tôi chỉ mong nó đâm thật. Cho vỡ mặt thằng cha đó ra. (Giọng kim.) Suốt ngày, thằng cha đứng cạnh tôi. Tôi khó chịu quá. (Giọng thờ.) Mà nó giả vờ cũng khá nhỉ. (Giọng kim.) Nó bắt chước chúng ta. Nhưng bắt chước làm sao cho nổi? (Đồng xướng.) Kính thưa hải nội chư quân tử, nhân danh những người không chịu chết, chúng tôi long trọng tố cáo một hành vi bỉ ổi, một hành vi giả mạo, của một thằng người thật, một thằng người bằng xương bằng thịt. Chúng tôi không rõ tên nó là gì, không biết nó ở đâu lại. Nó là một gã đàn ông đã đứng tuổi, mình khoác một cái áo choàng bằng lụa xám bóng mặc trong phòng ngủ. Mặt trời mọc lên là nó giơ tay giơ chân, đứng yên bất động, trắng trợn mạo danh, mập mờ đánh lộn khách hàng, ra cái điều ta đây cũng trong hàng ngũ những người không chịu chết. Nhưng... mặt trời vừa lặn là nó xục xạo hết căn hàng này đến căn hàng nọ, bỏ phăng mặt nạ bất tử để ăn để uống để một mình làm đủ mọi việc của một con người khốn nạn có sống có chết. Nó là một ký sinh trùng sống nhờ danh nghĩa chúng tôi, sống nhờ đồ hộp siêu thị. Nó là một con chuột... (Giọng kim.) Khê chứ. Ngộ nhờ nó nghe thấy. (Giọng thờ.) Nó đi rồi. (Giọng kim.) Nhưng nó sẽ quay trở lại. Tôi sợ cho anh chàng Sơn. (Giọng thờ.) Định mệnh.

Biết làm sao. (Đồng xướng.) Định mệnh là một giòng sông. Giòng sông sẽ chảy vào nơi rồn bề. Quân bất kiến, Hoàng hà chi thủy thiên thượng lai bồn lưu đảo hải bất phục hồi. (Giọng thổ.) Một ám ảnh không gian. Một căn hàng siêu thị. Sáu thước trên tám thước. (Giọng kim.) Một ám ảnh thời gian. Một đêm, chưa tròn một đêm. Mặt trời lặn rồi mặt trời mọc. (Đồng xướng.) Và một con chuột siêu thị đứng tuổi. Và một lưỡi dao. Định mệnh. (Giọng kim.) Thôi... đừng tiết lộ sớm. Vô ích. Giòng sông sẽ chảy vào nơi rồn bề. (Đồng xướng.) Quân bất kiến, Hoàng hà chi thủy thiên thượng lai bồn lưu đảo hải bất phục hồi.

Màn hạ cùng với câu thơ đầu bài Tương tiễn tửu của một người biết uống rượu họ Lý.

(Hết hồi I. Còn tiếp)

NHẬN ĐỊNH VỀ TÁC PHẨM ĐẦU TAY (tiếp theo trang 15)

với những đứa con tinh thần, tác phẩm đầu tay, bao giờ cũng tách rời trên một vị trí riêng. Nói chung, cuốn sách thứ nhất thường là một công trình thực hiện mờ nhạt, một khám phá không thành, một thí nghiệm nửa chừng. Nhà văn khi đó chưa có một điểm tựa nào để nhìn thấy những bước đường sẽ tới. « Đêm già từ Hà Nội » với tôi, cũng vậy. Quan niệm của tôi bây giờ về thể nào là một truyện ngắn, không thể cho phép tôi nhìn nhận những bài viết in trong tập « Đêm già từ Hà Nội » là những truyện ngắn biểu hiện được đầy đủ những yếu tính nghệ thuật phải có của truyện ngắn. Cho tới nay, tôi không tìm ra được nguyên nhân cụ thể, nhưng có một ý nghĩ chắc chắn này là nếu như không có tập Đêm già từ Hà Nội, nếu như cuốn sách đầu của tôi là một cuốn sách khác, những cuốn sách sau này của tôi chắc chắn không phải là những cuốn đã được viết ra. Nhà văn nào cũng muốn chạy trốn thật xa khỏi cái địa hạt, cái không khí đã được tạo dựng bởi tác phẩm đầu tay của mình. Vì nhà văn là lẽ thường trực muốn đổi thay, muốn làm mới. Cuộc chạy trốn này, với tôi, rất cực nhọc. Đôi khi, tôi thành thực muốn trở lại với cái niềm tin vô điều kiện chói lòa trên từng nét, từng giòng của những trang sách đầu tiên. Ước muốn này, xét ra, không thể thực hiện được. Riêng trên điểm này, và nếu cho rằng làm nghệ thuật là thực hiện với mình một niềm tin nào đó, tác phẩm đầu tay với tôi là cuốn sách của một

niềm tin đã mất. Nghệ thuật là thế, phải không ? Nghệ thuật là sự nói đến những ảo tưởng vốn là những sự thật con người đang đáng mất.

THANH TÂM TUYỀN

Theo ý tôi, đối với các tác giả, tác phẩm đầu tay — thực sự gọi là đầu tay — là những tác phẩm không bao giờ được in. Đó là những công trình đã bị liệt bỏ, hoặc nếu tác giả còn quyến luyến công trình của mình về một mặt nào đó thì sẽ được giữ lại trong tủ kín để thỉnh thoảng ngó lại như xem một bức ảnh cũ. Tôi cũng vậy. Trước khi cho in tác phẩm đầu tiên — không phải đầu tay — tôi đã liệt bỏ một tập thơ và còn giữ cùng với đồng bản thảo dở dang, những tập ghi chép, một quyền tiểu thuyết.

Nhưng đối với độc giả thì tác phẩm đầu tay của một tác giả là tác phẩm xuất bản đầu tiên. Nói cho đúng hơn, đó là tác phẩm giới thiệu tác giả với độc giả. Nhìn như thế thì tôi có tới hai tác phẩm đầu tay : Tôi không còn cô độc và Bếp Lửa. Thông thường không mấy ai thành công và có thể ưng ý với tác phẩm đầu tay của mình. Chính mình là kẻ trông rõ nhất những thất bại của mình hơn ai hết, sau những năm tháng kinh nghiệm. Tuy thế chẳng cứ với tác phẩm đầu tay, mọi tác phẩm khi làm xong, sau một thời gian dài ngắn còn tùy, đều sẽ dần dần lộ ra những yếu kém không thể che đậy trước mắt mình. Cho nên nói bằng lòng hay bất mãn về tác phẩm đầu tay — hay không đầu tay — của mình chẳng quan trọng nữa.

Theo tôi vấn đề quan trọng của tác phẩm đầu tay đặt ra là như sau :

Khi quyết định cho in tác phẩm đầu tiên — sau nhiều tác phẩm đã liệt bỏ, từ khước — là tác giả đã làm một lựa chọn quan trọng. Một lựa chọn có tính cách Định mệnh trong đời văn. Tự mình quy định mình, không phải với độc giả bởi độc giả có thể chưa nhìn thấy gì, mà đối với chính mình. Mình sẽ bị buộc chết với lời hứa hẹn đã thốt, với những gì đã phác thảo, khó thoát. Trừ phi là mình lại làm một tác phẩm đầu tay khác. Người viết văn nào cũng ao ước như thế nhưng hiếm người làm nổi. Phần đông thường là viết những tác phẩm « chạy trốn », tác phẩm « làm bộ quên lời hứa buổi bầu » rồi cuộc trước sau cũng sẽ hồi đầu. Theo tôi tác phẩm đầu tay thực sự sẽ là tác phẩm cuối cùng, nếu người viết có can đảm, có tài năng và có điều kiện để thực hiện.

Điều kiện duy nhất ở đây là sống sót, nếu không mỗi người đều gặp cảnh của Gogol khi viết *Les Âmes Mortes*, hay sẽ phải nhắc lời của Camus : Tôi ao ước viết một quyền sách ...

THANH TÂM TUYỀN

đầu mùa mưa

Anh Đạo biến mất. Cuối tháng 4 bố chết vì cuộc nổ súng trong đô thành. Tối hôm 29 ấy, cả nhà đã ngủ bố vẫn còn thức đọc báo. Khi những loạt súng đầu tiên phát nổ, bố gọi mọi người dậy ngồi chong đèn đợi. Và khi có tiếng trái phá, bố ra đứng ngoài hàng rào. Cả xóm im thin thít, chỉ còn những lục đục như đám chuột chạy trong các nhà. Trái phá rớt bên ngõ kế cận, tiếng người la bài hải lẫn trong cả đô thành rung động. Lửa bốc cháy và vùng lao động bị nhốt giữa những đám nhà không hàng lối và cuộc chiến ngoài đường phố. Gia đình Thu túa theo đám dân hốt hoảng, chị Hậu và Thu kèm theo mẹ. Tờ mờ sáng ba mẹ con thấy mình đứng bên bờ sông rác rưởi sinh lầy với những nhà sàn, nhà nổi lặng trang, thất lạc bố. Chị Hậu và Thu liều mạng đưa mẹ về nhà anh Tín. Trong hai ngày, anh Tín về chỗ cũ, ngược xuôi các nhà quen tìm bố và gặp bố trong nhà xác bệnh viện Đô Thành. Mẹ

VẤN ĐỀ 13

khóc sống đi chết lại và từ ngày ấy mắt mẹ bắt đầu lòa. Mẹ lãnh xác bố về chôn cất ở Bắc Việt nghĩa trang. Đám ma đi bằng xe hơi qua đường phố đông ngút nắng gần trưa ra ngoại ô. Không có chiếc xe tang đen ngựa kéo dong qua phố nhiều cây vắng vẻ. Không có những tiếng khóc âm ỉ được nín nghe của hàng phố tiễn đưa kẻ chết. Đám tang sặc sỡ và buồn thảm chạy giữa những xe cộ xuôi ngược, những hàng cây bụi đất vàng khè. Ngải những người trong gia đình, chỉ còn vài đồng sự đi theo một quãng ngắn trên mặt lộ nham nhở. Rồi mọi người trong gia đình lên ngồi xung quanh chiếc nhà táng sơn son thiếp vàng chạy vùn vụt. Anh Đạo vắng mặt trong đám tang. Lúc hạ huyệt mẹ nhào lặn vực xuống đất đòi được chôn theo khiến chị Hậu và Thu vừa khóc vừa ôm giữ mẹ. Ba mẹ con lẫn lộn trên đất nhão đỏ. Bố chết, mẹ chị Hậu và Thu về ở với anh Tín. Thu nghỉ học luôn và chị Hậu phải kiếm việc làm. Mãi hai tháng sau, anh Đạo về thăm nhà, mới hay tin bố chết. Chị Hậu day nghiêng anh Đạo, cho anh là bất hiếu. Anh Đạo nói mấy tháng qua anh ra Huế chơi.

Anh Tín đưa chị Hậu vào làm thư ký ở Bộ Thông Tin. Ngày hai buổi, chị mặc những tấm áo dài màu tối hoặc lọt đi trên những chuyến buýt vàng, không trang điểm lạng lẽ xóa mình trong cuộc xô dịch đều đặn thường nhật. Chị nhập đàn vào vai trò của người đàn bà ăn nhậu chịu đựng. Thu giúp việc bếp núc, trông nom bày cháu nhỏ cho chị Tín. Mẹ lần mò vịn vào các đồ vật, đi lại trong nhà hoặc ngồi ôm những

đưa cháu nội chưa thề chạy nhày. Anh Đạo năm thì mười họa lai vãng về nhà chốc lát. Anh vẫn quanh quẩn ở Sài Gòn nhưng anh sống một thế giới khác. Đi làm được vài tháng chị Hậu rủ Thu uốn tóc. Thu không chịu, Thu muốn giữ mái tóc cặp như một di tích của quá khứ không muốn quên. Nhưng Thu cũng theo chị đến hiệu uốn tóc ngồi xem. (Thu ngổ ỏi—Thu ngổ ỏi. Nếu mày muốn sống mày phải quên—Sống là nghiện nát, là bóp vụn, là bất tỉnh. Không có gì có thể giữ lại. Muốn nắm giữ cuộc đời là bắt phải hư vô. Chẳng có gì đáng giữ lại. Dĩ vãng nhìn lui khi nào cũng là một ngày mùa thu bằng khuâng khuất nẻo. Một ngày đứng im không còn thời gian. Thu chợt nhớ đến đám bạn bè thuở nhỏ và thấy chúng mất hút. Thu ngổ ỏi—Đứa con gái bé bỏng ngày nào không còn nữa, mày đã từ biệt. Cuộc từ biệt trong hư không nào ai thấy rõ trong mỗi phút giây. Thu nhớ những lần soi gương rũ tóc, trước khi đi ngủ. Mái tóc dày đen như đêm mùa đông ở ngoài không trung. Đêm nào? Ở đâu? Thu cũng không biết. Nhưng mái tóc vẫn là một kỷ niệm, kỷ niệm của con Thu ngổ. *Mai sau dù có bao giờ, đốt lò hương ấy so tơ phím này. Trông ra ngọn cỏ lá cây* Chị Hậu. Nữ văn sĩ Hoài Thu ngổ. Giấc mộng, những giấc mộng của chị rụng xuống như đám tóc lá tả nằm trên sàn. Thu không có giấc mộng nào rõ rệt, chỉ nghe những vang vọng nào đâu quẩn chặt lấy mặt mũi những đêm chập chờn như những đám tóc rối vương phủ. Những vang vọng xa xôi bập bênh).

Cuối năm một người đàn ông đến với chị Hậu. Anh ta tới vào những buổi chiều xầm và chị Hậu tiếp khách ở

chiếc bàn mộc với giỏ ấm nước và bốn cái ly đựng trong một đĩa nhôm. Anh ta tên là Tiến—làm cùng sở với chị, sau đổi lên làm Trưởng Ty Biên Hòa—Thu ghét mặt Tiến từ buổi đầu. Anh ta chải chuốt, đề bộ ria mép tài tử, làm thân với hết mọi người một cách dễ dàng. Anh thường mời hai chị em đi xem chiếu bóng và la cà ngoài phố chiều thứ bảy, chủ nhật. Một bữa Thu hỏi thẳng chị Hậu:

—Chị thương được anh Tiến sao?

Chị lẳng không đáp nhưng Thu hiểu chị không đồng ý với Thu và không muốn cãi. Tết năm ấy, anh Tiến đến đón hai chị em đi xem chiếu bóng, đợi giao thừa xuống lễ Lăng Ông Bà Chiểu hái lộc. Trở về nhà hơn một giờ sáng, Thu thấy mình đã quá quen thân với không khí Sài Gòn và ngày Tết miền Nam cũng bắt đầu có thi vị. Nồng nàn và giải phóng, bớt những tập tục kiểu cách hơn ở miền Bắc. Mồng một anh Đạo về nhà, đánh tam cúc với hai chị em và ngủ lại trên ghế bố. Mẹ bảo anh đã lớn, tính chuyện lập gia đình là vừa, không thể cứ sống lông bông mãi được. Anh vâng dạ một cách khôi hài khiến mẹ cũng vui. Rồi anh Đạo lại biệt tích, ngày giỗ bố cũng không thấy mặt. Nhà anh Tín đã cất thêm được một tầng gác gỗ, nên cũng không còn chật quá nữa. Thế vào chỗ anh Đạo là Tiến. Tuy không chính thức nhưng mẹ và anh Tín cũng tỏ thái độ bằng lòng Tiến. Khoảng tháng tám, Tiến nhờ người đi đến dạm hỏi chị Hậu, anh ta không có gia đình thân thích ngoài người di họ xa ấy. Mẹ nhận lời và hẹn chờ hết tang bố mới cho cưới. Tiến trở thành người trong gia đình và bây giờ anh ta có thể đưa chị Hậu dạo chơi những ngày nghỉ không cần sự có mặt của Thu nữa. Tết thứ ba ở Saigon, Thu mười

tám tuổi. Mười tám tuổi mái tóc vẫn dài và Thu nghĩ Thu sẽ sống với mẹ, Thu không lấy chồng, không yêu ai. Thu muốn sống thử giấc mộng của chị Hậu ngày nào nhưng Thu biết Thu không thể thành nữ văn sĩ được. Đêm giao thừa trong khi Tiến và chị Hậu chen chúc đề được vào Lãng Ông lễ và xin thẻ, Thu cáo bệnh nhức đầu ra ngồi một mình trên chiếc ghế đá trong sân quần vợt kế cận lảng đọi hai người, dưới ánh đèn treo sáng quắc soi mặt si mẫm trống trải với những vạch vôi trắng. Ngoài vòng lưới của sân, người đi như nước chảy và Thu ngồi im trong giấc ngủ hiu quạnh nghe sương thấm lạnh cả hai bàn tay. Có thể nào mình sống được giấc mộng của chị Hậu không? Thu nghĩ bằng quơ. Những ngày Tết cháy tàn theo ánh nắng và không thấy bóng anh Đạo. Mẹ thỉnh thoảng nhắc anh, hỏi anh Tín xem anh Đạo ra sao. Anh Tín cũng không biết tin tức gì. Một bữa Thu đang đi ngoài phố nghe tiếng anh Đạo gọi. Anh ngồi ở quán nước bày bàn ra ngoài vỉa hè nhìn đám đông qua lại. Anh chỉ ghế cho Thu ngồi. Thu hỏi anh tại sao cả năm nay anh không về nhà, anh làm gì, ở đâu. Anh nói anh đi lính. Thu bàng hoàng ngẩn ngơ. Anh Đạo bảo :

— Thu, không được nói cho ai biết. Anh chỉ cho một mình em biết thôi.

Thu hỏi :

— Tại sao ?

— Anh không thích. Đáng lẽ anh nói với Hậu nhưng Hậu sắp lấy chồng phải không? Anh chỉ cho em biết

thôi. Đề lỡ anh có chết người ta báo tin cho em, em đừng ngạc nhiên. Lúc ấy em hãy nói... nghe chưa?

Nói xong anh cười xòa. Thu lại hỏi :

— Anh đóng ở đâu ?

— Dưới Lục tỉnh.

Thu nhìn anh và cố đoán ý nghĩ của anh. Nhưng Thu không hiểu gì cả. Anh Đạo cho Thu tiễn đi xe về. Thu dặn anh gần đến ngày giỗ bố thế nào anh cũng phải tạt về nhà. Anh gật đầu cười và vẫy xe cho Thu. Đúng ngày giỗ anh Đạo về. Thu sung sướng và thầm kiêu hãnh. Cả nhà chỉ một mình Thu biết rõ hành tung của anh và Thu giữ kín cho mình. Và lại Thu cũng không biết nói với ai. Nói với mẹ sợ mẹ khóc lại ốm, chị Hậu còn mãi lo lắng cho Tiến, anh Tín bận công việc và cũng không mấy khi trò chuyện với Thu, chị Tín không đủ thân. Trước khi đi, anh Đạo gọi Thu ra sau và dúi cho Thu hai trăm bảo :

— Em cầm lấy đi uốn tóc. Chừng nào cần tiền tiêu gửi thư cho anh. Tiễn thì tháng tháng anh gửi cho.

Thu nói:

— Em để tóc dài chứ không uốn.

Anh Đạo vỗ nhẹ lên đầu Thu nói :

— Đồ ngố. Suốt đời còn ngố.

Gần cuối năm, anh Tín thôi việc Thông tin đi làm báo. Báo đóng cửa, anh bị bắt giam. Tết thứ Tư nhà chỉ còn toàn đàn bà và trẻ con. Tiến về ở luôn mấy ngày Tết và

đóng vai đàn ông chủ gia đình. Ngày mừng hai Thu gây với chị Hậu và bỏ đi chơi. Bấy giờ Thu lớn thật, Thu lang thang một mình ngoài phố và Thu không biết đi đâu. Khát nước, Thu muốn vào quán nghỉ chân nhưng không dám, đành đứng ngoài vỉa hè uống nước mía. Cuối cùng Thu tìm một rạp chớp bóng có máy lạnh vào xem. Tan xuất Thu gặp con Hồng rồi hoa ngoài cửa rạp nó nhận ra Thu trước và gọi: *Lana Thu, Lana Thu*. Thu mừng rỡ như bắt được vàng. Hồng thay đổi nhiều, những nét rõ trên mặt phai bớt. Nó mặc váy đầm, nhí nhảnh không còn lù đù như ngày Hà nội. Mẹ nó đã đổi vào làm việc ở Bộ được hai năm và nó đã đậu phần thứ nhất. Thu nghe buồn buồn vì việc học dở dang của mình. Hồng đi với hai đứa bạn khác và một người đàn ông trạc tuổi anh Đạo, sơ mi màu bỏ ngoài quần, chân đi dép, dáng vẻ bất cần đời. Hồng giới thiệu Thu với «chú Ngọc», cả bọn chúng, đều gọi người đàn ông là «chú» và xưng «cháu», một cách ngọt xớt. Hồng rủ Thu về nhà «chú», Ngọc chơi. «Chú» Ngọc cũng nói:

— Thu có rảnh về nhà chơi.

Thu đang chưa biết phải đi đâu nên theo Hồng. Nhà «chú» Ngọc ở Chí Hòa. Đi theo một lối đất gồ giữa hai dãy nhà lá và cây với những bụi tre và gốc lớn như trên một con đường làng. Gian nhà lá mái xù lên như tóc bồm, xung quanh hàng rào gỗ và một khoảng sân với một cây ôi trơ lá — bọn trẻ con hàng xóm đang leo trèo chạy nhảy trong sân — «Chú» Ngọc đẩy cánh cổng gần đề vào sân và hù lũ trẻ chạy tán loạn. Thu giữ tay Hồng hỏi nhỏ:

— Chú mày đấy hả?

Hồng cười bí mật đáp:

— Ờ.

Hai cánh cửa nhà vẽ hai thiếu nữ hình thù quái dị bằng sơn. «Chú» Ngọc là họa sĩ. Hồng và hai đứa bạn bước sau chân chú Ngọc vào nhà, riêng Thu còn đứng vờ ngoài ngưỡng cửa. «Chú» Ngọc mở các cửa trong nhà, hai cửa sổ trông ra sân, hai cửa sổ bên hông nhìn két vách hai nhà lân cận, một cửa sau thông ra ngách ngang làm chỗ tắm rửa gần một chuồng ngựa của nhà đầu lưng lại. «Chú» Ngọc nói:

— Kia Thu vào đi.

Ngay giữa nhà kê giá vẽ, một bức tranh còn dở dang: hình một người đàn bà khóa thân chải tóc dưới ánh trăng. Thu quay đi. Cạnh giá, những hộp sơn màu, cọ vẽ bừa bãi trên ghế, dưới nền nhà đất. Xung quanh nhà trên các vách lá treo toàn tranh: những cảnh xóm, đường phố, đàn bà và quả trái. Bọn con Hồng túa nhau tới ngồi trên cái giường trải nệm đỏ, vừa một người nằm, cái gối phủ khăn xanh thắm sạch sẽ. «Chú» Ngọc lui cui đi nhặt những tờ báo cũ trải dưới đất vò nhàu liệng vào góc nhà và chỉ một cái ghế dựa trên tay vắt mấy cái áo sơ mi bần nói:

— Hồng vứt dùm chú mấy cái áo vào giầy sau. Tết không kịp giặt. Lấy ghế ấy mà ngồi.

Chú. chú. Thu nhịu mày khó chịu. Nhưng thấy mọi người có mặt đều thân nhiên không chú ý gì nên Thu cũng dụi

quen. Con Hồng đứng lên tự tay nhặt mấy cái áo và kéo ghế lại chiếc bàn gỗ bẽ chéo lệch gần cửa vào cho Thu ngồi. Trên bàn viết một mớ sách cũ, những chồng giấy phác họa bằng mực tàu và than, một chai nước lọc còn lưng, một cái cốc thủy tinh và một khúc bánh mì ăn dở gói trong giấy. Mặt sau của hai cánh cửa ra vào ghim những bài thơ viết tháu và những bức vẽ các khuôn mặt thiếu nữ. Những bài thơ bí hiểm không đầu đuôi. Trong các khuôn mặt thiếu nữ, Thu nhận ra Hồng. Sau đó «chú» Ngọc kéo một chiếc ghế đầu ngồi giữa nhà nói chuyện với bọn con gái. Câu chuyện viển vông, trêu chọc lẫn nhau để cười. Thu không hiểu mối liên hệ của «Chú» Ngọc và bọn Hồng như thế nào. Bỗng nhiên chú Ngọc đứng dậy đi về phía bàn Thu ngồi cầm một xấp giấy trắng và bảo.

— Thu ngồi yên cho chú vẽ Thu.

Thu thẹn đỏ cả mặt, quay ra cửa ấp úp nói: Không, đừng. Chú Ngọc nói tiếp:

— Cứ tự nhiên chú vẽ. Lâu lắm mới lại thấy mái tóc đẹp như thế. Phải không?

«Chú» Ngọc hất đầu cười với bọn Hồng và kê tấm bảng gỗ nhỏ lên đầu gối làm việc. Thu ngồi chết cứng trên ghế không biết làm sao. Chú Ngọc miệng ngậm thuốc lá, đầu cúi về chăm chỉ, thỉnh thoảng lại hít hà một mình. Bọn con Hồng đứng vây sau lưng chú. Mãi mãi Thu mới có can đảm nhìn lên và bắt gặp chú Ngọc đang ngáp ngừng trên một nét vẽ ngấm mình. «Chú» Ngọc nháy mắt làm một điệu khôi hài để xóa tan sự thẹn thùng ở Thu

«Chú» nói: tuyệt, tuyệt. «Chú» dơ cao tấm bảng cho bọn Hồng ngắm và hỏi:

— Chú là đại họa sĩ?

Xong «chú» cười tự riếu mình và quay tấm bảng cho Thu xem.

— Người con gái đẹp nhất thế giới.

Một đứa bạn con Hồng nói:

— Ai với chú cũng đẹp nhất thế giới.

— Ờ, Đúng thế. Chú vẽ thì ai cũng thành đẹp nhất thế giới.

Chú Ngọc đưa cho Thu bốn bức phác họa. Thu không nhận ra mình. Đó là người con gái khác, Thu chọn một tấm và nói:

— Chú cho Thu xin bức này.

Thu gọi chú thấy dễ chịu, không khó nhọc chút nào. Vào lúc xẩm tối có mấy người bạn trai của chú Ngọc đến và bọn con gái rủ nhau về. Hồng kéo cả bọn về chơi nhà ở Bàn Cờ. Mẹ Hồng đã tái giá. Đó là một người đàn ông đứng tuổi, nói tiếng Nghệ Tĩnh nặng nề. Thu ăn bánh chưng ở nhà Hồng, đến chín giờ tối mới cáo từ. Để cho hai đứa bạn lên xe đi khỏi, Hồng đi với Thu một khúc trên đường Hai mươi. Hai đứa nhắc lại kỷ niệm cũ, nhớ con Hiền đen và thương nó: chắc ở ngoài Hà nội bây giờ nó khổ lắm. Cái mộng làm cô giáo của nó vụt đi, chắc nó làm cán bộ. Hồng tâm sự:

— Ông bố dượng tao cũng tốt nhưng tao vẫn buồn. Năm nay nếu tao đỗ tao sẽ thi vào Sư phạm học cấp tốc một năm để ra đi làm. Mẹ tao thì muốn tao học thuốc nhưng tao không còn đủ trí óc đâu để học lâu nữa.

Tự dưng Thu ứa nước mắt nghĩ đến tình cảnh mình: năm nay

chị Hậu sẽ đi lấy chồng, Thu còn lại với mẹ. Và tương lai thế nào? Thu không nghĩ được tới. Thu không có một giấc mộng nào, cũng không có một mục đích nào để sống. Thu bước vào nhà, im lặng, kín tiếng, rưng rưng như một khách trọ. Chị Hậu đi xem hát bóng với Tiến. Mẹ đã đi ngủ. Thu phụ chị Tín dỗ đứa con áp út, chị Tín bỗng đưa mới sinh ru bằng giọng nước mắt. Anh Tín chưa biết bao giờ được tha. Anh Đạo còn nhưng coi như đã mất, anh cũng như anh Đôn vậy. Không ai hỏi Thu đi đâu về. Và từ đó Thu mặc nhiên có thêm cái quyền tự do đi về. Những lúc buồn, Thu xuống thăm Hồng, và hai đứa rủ nhau xuống chú Ngọc. Nếu không gặp, hai đứa cùng nhau lên phố rong chơi nhìn thiên hạ. Chú Ngọc là một người đàn ông kỳ lạ, đối với bọn con gái rất thân tình cởi mở nhưng không bao giờ có gian ý. Cười đùa, âu yếm đôi khi trêu ghẹo nhả nhót một cách tự nhiên. Nhưng chỉ có thế. Con Hồng thì táo bạo, có lẽ vì nó học cao biết nhiều. Nó mang truyện tình yêu, trai gái, truyện xã hội, đàn ông nói như dạy Thu. Hồng nói với Thu về chú Ngọc:

— Thằng cha ấy tính nết kỳ quái lắm. Con gái đến với nó thật đông, đứa nào cũng gọi bằng chú. Và hẳn cũng khoái thế thật... Hẳn chẳng mê, chẳng yêu đứa nào cả. Hình như hẳn chỉ muốn có con gái để nói chuyện cho đỡ buồn và thích thì mượn làm kiểu mẫu vẽ. Mà phải coi chừng, đừng dại mà yêu nó là thất vọng. Chính tao, tao đã lầm. Một bữa tao đến chơi, chỉ có một mình tao ở trong nhà. Tao cũng tưởng nó thích tao. Vậy mà thằng cha nó làm thế này mà tao khiếp. Hẳn hỏi: Từ trước cháu đã được người đàn ông nào hôn cháu chưa? Tao đáp: Chưa, Hẳn nói: Vậy chú hôn cháu, cho cháu biết. Và

hắn ôm hôn vào môi tao một cách dịu dàng. Rồi hẳn không làm gì thêm nữa. Tao bỏ đến cả tháng không xuống chơi. Hẳn nhẩn. Và hôm tao trở lại, hẳn cười tự nhiên như chẳng có việc gì xảy ra hết... Mà nghĩ coi...

Cách đối xử của Ngọc với Thu cũng không khác. Quen thân, lâu lâu Thu xuống ở cả ngày dưới nhà, thồi cơm cho Ngọc và bạn hữu đến chơi. Ngọc hân hoan sung sướng, được hưởng không khí gia đình, nên Ngọc đi may một chiếc áo cánh trắng dành riêng cho Thu mặc làm việc trong nhà, Thu bỏ áo dài, đi lại tự do, trưa nắng mệt Thu có thể nằm dài lên tấm giường trải nệm đỏ ngủ. Ngọc sang nhà người bạn trong lối xóm chơi hoặc ngồi trên ghế làm việc. Thu đi sâu vào trong đời sống của người đàn ông độc thân ấy và thấy được an ủi. Thu biết Thu đã yêu Ngọc nhưng Thu không rõ tình yêu ấy sẽ đưa mình đi đến đâu. Đôi khi Thu mở hộc kéo, chỗ Ngọc để bạc đồng, lấy tiền xe buýt. Chưa lúc nào Ngọc tỏ một ý muốn nào rõ rệt. Ngọc không bao giờ đưa Thu đi chơi phố hoặc rủ Thu ra khỏi nhà. Ngọc ở đó trong gian nhà nghèo nàn và rục rỏ màu sắc, chật ních không khí phóng đảng đứng trước giá vẽ hoặc nằm uõn trên giường lười biếng. Thu tới, nói vài câu chào hỏi, bông đùa, cởi áo dài và tự ý làm những việc mình thích. Thu vẫn gọi Ngọc bằng «chú» và xưng cháu. Ngày giỗ mẫn tang bố, mẹ làm chay tại ngôi chùa ngay trong xóm. Anh Tín còn nằm trong nhà Thiếc bên Gia Định. Người ta buộc cho anh tội cán bộ nằm vùng, chị Tín đau khổ và tức giận nguyên rủa: «Cán bộ nằm vùng, những người đã sống với C. S. chín mười năm giờ. Phải có

đình chiến mới trốn thoát. Chỉ những bọn chưa biết mặt ngang mũi dọc cán bộ Vem như thế nào mới hồ đồ như thế...» Nửa tháng một lần, chị Tín lếch thếch bằng con đi tiếp tế cho chồng. Mẹ già khom hẳn, hay chép miệng thở dài. Mẹ thỉnh thoảng Phật về nhà, tối tối ngồi thu trong góc kín tụng niệm. Chị Hậu càng gần ngày cưới càng xa gia đình. Thu không tưởng tượng nổi người thiếu nữ xưa kia đã từng có lý tưởng vị tha lại có thể trở thành người đàn bà ích kỷ tầm thường. Lương lĩnh về đưa chị Tín đủ tiền cơm trọ, còn bao nhiêu chị lo may mặc trang điểm, sửa soạn cho cuộc sống riêng sắp đến. Thu quy lỗi ấy vào Tiến và thắc mắc không hiểu Tiến có mãnh lực gì ghê gớm khiến chị Hậu thay đổi hoàn toàn như vậy. Đám cưới chị Hậu vào tháng tám. Thu không được làm phù dâu. Mấy cô bạn gái đồng sở của chị đưa chị ra xe hoa, còn Thu ngồi nép bên tay mẹ trong gian nhà đột nhiên vắng vẻ. Thu nghe tiếng khóc dồn dần từ sâu trong ngực bật ra từng chập. Mẹ cũng gục mặt vào tóc Thu thút thít. Những đứa cháu nhỏ chạy quanh nhà sợ sệt. Buổi tối tiệc mở trên lầu tiệm ăn Tàu ở chợ Cũ. Thu nhân cơ hội khách chưa tới đông, lên ra phố, lang thang một mình về phía bờ sông Saigon. Thu gặp Ngọc cũng đang tản bộ một mình. Ngọc gọi Thu và nhìn Thu ngạc nhiên. Thu ngượng ngập nhớ mình mặc áo dài màu hồng mới may óng ánh, tóc chải ở hiệu, mới lần đầu tiên trong đời nếm vị son. Ngọc nói:

— Thu xinh quá Thu.

Thu nói:

— Cháu đi ăn cưới.

Ngọc cười hỏi: Ăn cưới sao giờ này lại ở đây? Thu đáp mình đang cần chút thoáng khí. Và Thu mơ màng bước theo chân Ngọc lên cầu dốc sang Khánh Hội đứng tại trên cầu. Cây cầu Quay với những dải đèn ông hai bên thành. Ngã ba sông tối chìm lẫn thuyền bè. Nước trôi đen không thấy. Phố bên kia sông với biệt thự và những hàng cây thấp nhỏ không xe cộ, ngó sang một bên bờ công viên mới lập: những xóm nhà lá, nổi sinh lầy đã biến mất. Gió thổi lên cao phất tà áo Thu quần lầy bấp chân Ngọc. Thu run sợ thăm lặng nghe như chính mình đang chạm phải da thịt người đàn ông bí hiểm. Rồi Ngọc đặt bàn tay nhóp nhép mồ hôi và lạnh ngắt lên tay Thu. Và Thu cuống quýt trong cảm xúc tưởng mình sắp bỏ chạy. Chỉ nghe Ngọc kêu khê vu vơ: Thu... Thế thôi. Thu trở lại đám cưới lẫn vào trong sự ồn ào. Thu thấy anh Đạo cũng có mặt thật bất ngờ, nhưng Thu tránh không gặp thẳng anh. Tiệc tan, khách đã về hết, anh Đạo chừng ngà ngà rượu tiến tới trước mặt vợ chồng chị Hậu và nói: Anh có lời chúc mừng cô chú. Anh xin lỗi về muộn quá không kịp mua đồ mừng. Tiến chấp tay cười xòa: Chúng em cảm ơn anh. Anh có mặt là chúng em sung sướng rồi. Anh Đạo đột nhiên cười khà, đập mạnh vào vai Tiến:

— Vô sĩ, vô sĩ khá lắm. Này anh em tôi bảo thực, cô này là khó chịu lắm đấy. Cậu phải chịu khó, phải tử tế với nó. Cậu biết không nữ văn sĩ đấy. Hoài Thu.

Nữ văn sĩ Hoài Thu tức Jo Hậu. Cậu phải giữ gìn lấy. Tôi cứng nó nhất nhà, cậu cũng phải thế. Nghe chưa, võ sĩ ? không thì ... Thu ngổ, Thu ngổ, có phải như thế không ?

Chị Hậu cau mày hơi sáng giọng :

— Anh Đạo. Anh say rồi.

Anh Đạo cười cao giọng thêm và lại nói :

— Võ sĩ thấy chưa ? Nó bắt nạt cả tôi nữa.

Anh Đạo không nhìn ai, ôm giữ vai mẹ như ngày nào ở Hà nội, anh cố thuyết phục mẹ :

— Đề con đưa mẹ về. Cho con Thu nó đi chơi một lát. Tội nó cứ bắt nó hầu mẹ cả ngày !

Mẹ gỡ tay anh Đạo, đỏ mặt sung sướng và mắng :

— Ối dào. Cậu là lăm miệng.

Thu đứng lùi phía sau ngó anh Đạo vẫy xe, diu mẹ lên, rồi vẫy tay chào vợ chồng chị Hậu đứng trên hè. Tiến khoác vai chị Hậu. Anh Đạo ghé miệng ra cửa nói : Võ sĩ, suy. Thu rảo bước trốn vợ chồng chị Hậu. Thu kêu xe xuống thẳng nhà Ngọc, Ngọc chưa về. Thu liêu liếm ngồi đợi nơi bậc cửa như bị kẹt trong vũng khuya của xóm. Một lát hồi tỉnh giấc điên cô độc Thu lủi thủi trở về. Chị Hậu lấy chồng, dọn lên Biên Hòa, ở trong cư xá công chức. Mẹ có chỗ để thỉnh thoảng buồn tới thăm ở lại vài ngày. Tháng mười, anh Tín may mắn được ân xá nhưng thất nghiệp. Tết đến, Thu hai mươi tuổi. Hai mươi tuổi và thực sự cô đơn. Những ngày tháng cũ trôi biến không dấu tích như thủy triều đã rút, Thu ở lại như một bãi cát phơi trần. Sau ngày tiễn ông

Táo, mẹ lên Biên Hòa ăn tết với chị Hậu, Thu không đi. Chiều ba mươi, Thu xuống Ngọc, hy vọng được đi đón giao thừa ngoài phố với Ngọc. Nhà khóa trái, dán giấy ngoài cửa đề : Đi ăn Tết Đà Lạt. Thu còn một mình không mục đích với đêm cuối năm hoang tịch trải dài trước mặt. Thu lang thang một hồi, không dám dẫn thân vào trong vùng tự do vẫn mơ ước (*Một mình trong đêm. Đi mãi, không cần người đàn ông đứng bên. Như ngày nào ở Hà nội đã ao ước. Đêm tĩnh mịch khuya khoắt. Đời sống kéo dài hơn đời sống của người đàn ông tạo ra*), đành trở về nhà ngủ sớm. Lúc ấy mới khoảng chín giờ tối, anh Tín bị cơn sốt rét hành nằm trên giường. Chị Tín đang sửa soạn ngủ chờ nửa đêm thức dậy mới cúng. Khoảng thời gian trông ngóng năm mới quen thuộc những năm trước, những dịp hồi tưởng quá khứ, bị ném vào bóng tối trong tiếng muỗi vo ve và tiếng chuột chạy trên đầu vách. Người ta đã lớn, đã nhập vào trong thời gian và không còn cần thiết nghe ngóng sự biến động của nó. Suốt ngày mông mọt, Thu loanh quanh ở nhà chơi với cháu, nhìn ở chúng, như nhìn vào tấm gương méo lệch, những hân hoan thơ dại trong ngày Tết. Bọn nhỏ này chỉ có những tấm áo mới, vài đồng bạc mừng tuổi không được hưởng sự huyền hoặc của tuổi thơ ấu, Thu nghĩ vậy. Đứa con trai lớn của anh Tín đã lên mười dẫn mấy đứa em đi xem hát bóng ban ngày tại rạp ngoại ô, giá năm đồng. Ngày mừng hai, Thu đến chơi Hồng, và thấy tình bạn giữa hai đứa cũng không còn đậm đà. Hồng đã vào Sư phạm, nó có những đứa bạn khác và những lo âu thắc mắc khác. Mừng bốn Thu lên Biên

Hòa đón mẹ. Chị Hậu đã có mang, người xanh xao và đau yếu luôn. Người làm nghỉ về quê ăn Tết, chị phải thu dọn việc nhà, chặm chạp mệt mỏi và cúi kính. Buổi chiều Thu đi bộ bên bờ sông Đồng Nai, nhìn sang những xóm làng bên cù lao xa, xanh thẫm và dâng lên theo con nước đầy dưới một lòng hoàng hôn đỏ như máu. Đêm xuống mau trên đỉnh nhỏ, hoang vu và trơ trọi. Thu thấy mình táo bạo trong mộng khi ôm siết lấy Ngọc, nghe những gì nặng và trống suýt trong thân. Một buổi sáng tháng ba, Tiến hốt hải xông tới nhà báo tin chị Hậu không rõ bệnh gì đêm trước mửa ra nửa chậu máu phải chở về Sài Gòn cấp cứu. Mẹ và Thu chạy đến nhà thương thấy chị nằm bần bật dưới những chai máu và nước biển đang nhỏ giọt vào mạch. Ai cũng tưởng chị Hậu chết, nhưng chị Hậu qua khỏi. Thu nghe lời mẹ lên Biển Hòa để giúp đỡ sản sóc chị. Sau trận ốm thập tử nhất sinh ấy, chị Hậu trở nên trầm lặng, yếu ớt như sau ngày bị bắt ở Hà Nội thời con gái. Sống chung trong nhà, Thu quên dần những ý nghĩ khó chịu về Tiến. Tiến không còn lảng xãng sẵn đón mọi người một cách quy lụy. Trong gia đình, anh ta là người đàn ông có vẻ lạnh nhạt, gương gạo và giả dối. Anh chăm sóc đến sức khỏe chị Hậu quá kỹ lưỡng khiến Thu nhìn thấy trong hành động của anh ta hoàn toàn là bồn phận. Mỗi buổi đi làm về anh ta đều có sẵn trên môi một lời hỏi thăm ngọt ngào hay một câu chuyện đùa để nói với chị Hậu. Những giờ tối trước khi ngủ, hai chị em ngồi chuyện trò. Tiến chăm chú đọc báo, lâu lâu chọc một

câu vào giữa sự im lặng của hai người có khi anh ta một mình ra chợ uống cà phê, chị Hậu mệt mỏi không muốn bước ra khỏi nhà. Mấy tháng gần ngày sinh nở, Thu tìm thấy lại sự gần gũi giữa hai chị em đã mất. Chị Hậu ao ước có đứa con trai đầu lòng và những bộ quần áo trẻ con may sẵn đều dành cho con trai. Những chiều thơ thẩn hóng mát ngoài bờ sông, Thu nhớ Ngọc, nghe mỗi u hoài bay tán trên sự vật. Thu nhớ Ngọc và Thu tự biết vì đó là người đàn ông độc nhất Thu hiện có đề hường tới, không có người nào khác, không một chút hy vọng nào. Một buổi thu gặp Tiến ngoài phố và Tiến đi cùng với Thu về nhà. Dọc đường Tiến hỏi:

— Thu ghét anh lắm phải không?

Không hiểu sao Thu chối. Tiến nói tiếp:

— Đừng chối. Anh biết rõ từ ngày đầu đến nhà chơi Tiến buồn bã, thôi không nói nữa, khiến Thu thương hại. Thu nghĩ dù sao anh ta cũng đã lấy chị Hậu, là anh rể và hai người còn gặp mặt nhau nhiều không thể thù ghét mãi được nên từ hôm ấy Thu tỏ ra dịu dàng với Tiến hơn trước. Thái độ ấy khiến Tiến sung sướng trông rõ. Đáp lại, Tiến ân cần hơn đối với Thu, khi Thu lo âu nhìn chị Hậu cầu cứu. Chỉ thấy chị mỉm cười lặng lẽ không tỏ dấu hiệu gì, Thu cũng yên tâm. Nhưng càng ngày ý định của Tiến càng rõ rệt khi ra vào đụng chạm Thu và Thu trở lại thái độ cũ thì đã muộn. Một bữa, trưa nắng, chị Hậu ngủ ở nhà trên, Thu giặt rũ quần áo dưới sân, Tiến xuống đứng sau lưng Thu.

Anh ta chẳng nói gì. Sự hiện diện và hơi thở nồng của người đàn ông đè ép Thu, Thu rối cả tay. Vài phút sau Tiến ngồi xuống ôm lấy hai vai Thu, Thu vùng vằng nhưng không dám kêu. Tiến cười thành tiếng và đứng lên đi vào nhà cầu. Nhưng sau vụ ấy, Tiến không tiến tới nữa. Thu đòi về Sài Gòn nhưng chị Hậu và Tiến năn nỉ giữ lại. Thu hoang mang không biết xử trí cách nào. Ngày chị Hậu vào nhà họ sinh, Thu từ biệt đời thiếu nữ. Đêm ấy Thu trở về nhà thu xếp đồ đạc mang vào nhà thương cho chị, Tiến theo chân ít phút sau. Anh ta tấn công Thu bất ngờ và Thu phản ứng yếu ớt. Thu ngã khuyu xuống giường, không vùng vẫy nổi. Đau xé trong thân, mắt lóe đom đóm cùng lệ ứa ràn rụa. Trong một chớp mắt, từ biệt cuộc đời thiếu nữ. Sau đó Tiến đeo Thu sau xe đạp chạy qua phố lúc một giờ sáng trở lại nhà thương. Thành phố im lạnh như bãi tha ma. Đứa con trai đầu lòng của chị Hậu chết từ trong bụng mẹ. May mắn chị Hậu thoát nạn. Thu nhớ mãi bấy giờ đang vào đầu mùa mưa, mưa xối xả vắng vắng bên tai Thu lẫn với tiếng trẻ khóc ngằn ngặt đâu đó trong đêm.

THANH TÂM TUYỀN
(trích cơn say)

Ấn quán ĐẠI HỌC VĂN HẠNH

GIÁM ĐỐC: GIÁO SƯ LỮ HỒ

222 TRƯỜNG MINH GIANG SAIGON

ĐT. 25.946

* * *

- ★ VIỆC LÀM KỸ LƯỜNG.
- ★ GIAO HẸN ĐÚNG KỲ.
- ★ GIÁ HẠ HƠN CÁC NƠI.
- ★ TRÌNH BÀY MỸ THUẬT.
- ★ NHẬN IN BÁO HÀNG NGÀY, HÀNG TUẦN, SỔ SÁCH, VĂN BẰNG, CHỨNG CHỈ, DANH THIẾP, THIỆP CƯỚI v.v...
- ★ CÓ MÁY OFFSET ĐỂ CHẠY MÀU.
- ★ ĐỦ TIỆN NGHI ĐỂ ĐẶT TÒA SOẠN.

Hoa hồng đặc biệt tặng các bạn hàng giới thiệu khách mới.